

I H C HU  
TR NG I H C KINH T  
KHOA KINH T VÀ PHÁT TRI N



**KHÓA LU N T TNGHI P I H C**

**TÌNH HÌNH S D NG V N ODA  
TRONG L NH V C NÔNG NGHIỆP  
TRÊN A BÀN T NH QU NG TR**

**Sinh viên th c hi n:**

**Hoàng Th Huy n**

**L p: K44A-KH T**

**Niên khóa: 2010 – 2014**

**Giáo viên h ng d n:**

**ThS. Nguy n Th Thúy H ng**

**Hu , tháng 05 n m 2014**

# L i C m n

Em xin g i l i c m n chân thành và s tri ân sâu s c i v i các th y cô c a tr ng i h c Kinh t Hu - i h c Hu , c bi t là các th y cô trong chuyên ngành K HO CH- U T , KHOA KINH T VÀ PHÁT TRI N c a tr ng ã t o m i i u k i n em có nhi u th i gian th c t p và hoàn thi n cho khóa lu n t t nghi p. Và em c ng xin chân thành c m n gi ng viên Th c s Nguy n Th Thúy H ng ã nhi t tình h ng đ n h ng đ n em hoàn thành t t khóa th c t p. Bên c nh ó, em c ng g i l i c m n chân thành t i Anh Hoàng Ng c C nh và các anh ch ang công tác t i phòng KINH T I NGO I, S K HO CH VÀ U T T NH QU NG TR , trong th i gian th c t p, n u không có s giúp c a các anh ch thì em không th hoàn thành bài khóa lu n c a mình.

Trong quá trình th c t p, c ng nh là trong quá trình làm khóa lu n, khó tránh kh i sai sót, r t mong các Th y, Cô b qua. ng th i do trình lý lu n c ng nh kinh nghi m th c ti n còn h n ch nên bài khóa lu n không th tránh kh i nh ng thi u sót, em r t mong nh n c ý k i n óng góp Th y, Cô em h c thêm c nhi u kinh nghi m và s hoàn thành t t h n bài báo cáo t t nghi p s p t i.

Em xin chân thành c m n!

## M C L C

<b>M C L C</b> .....	i
<b>DANH M C CÁC CH VI TT T VÀ KÝ HI U</b> .....	v
<b>DANH M C CÁC BI U</b> .....	vi
<b>DANH M C CÁC B NG BI U</b> .....	vii
<b>PH N I: T V N</b> .....	1
1.1.Lý do ch n tài.....	1
1.2.M c tiêu nghiên c u.....	2
1.3. it ng nghiên c u.....	3
1.4.Ph m vi nghiên c u.....	3
1.5.Ph ng pháp nghiên c u.....	3
1.6.K t c u tài.....	4
<b>PH N II: N I DUNG NGHIÊN C U</b> .....	5
<b>CH NG I: C S KHOA H C C A V N NGHIÊN C U</b> .....	5
1.1.Lý lu n v v n ODA .....	5
1.1.1.Khái ni m và hình th c c a v n ODA.....	5
1.1.1.1.Khái ni m ODA .....	5
1.1.1.2.Các hình th c ODA.....	5
1.1.1.3.Phân lo i ODA.....	5
1.1.2. c i m c a ngu n v n ODA.....	7
1.1.2.1.ODA là ngu n v n h p tác phát tri n.....	7
1.1.2.2.ODA là ngu n v n có nhi u u ãi .....	8
1.1.2.3.Ngu n v n ODA th ng i kèm theo các i u ki n ràng bu c.....	8
1.1.2.4.Ngu n v n ODA có tính nh y c m.....	8
1.1.3.Tính hai m t c a ODA i v i n c nh n vi n tr .....	9
1.1.3.1.M t tích c c .....	9
1.1.3.2.M t tiêu c c .....	10
1.2.Lý lu n v nông nghi p.....	11
1.2.1.Khái ni m v nông nghi p .....	11
1.2.2. c i m c a nông nghi p.....	12

1.2.2.1.S  n xu t nông nghi p có tính ch t vùng r t r t	12
1.2.2.2.Ru ng t là t li u s n xu t ch y u trong nông nghi p và ngày càng khan hi m	12
1.2.2.3. i t ng c a s n xu t nông nghi p là nh ng c th s ng, phát sinh phát tri n theo nh ng quy lu t sinh h c nh t nh	12
1.2.2.4.S  n xu t nông nghi p mang tính th i v cao	13
1.2.3.Vai trò c a nông nghi p trong phát tri n kinh t	13
1.3.Lý lu n v vai trò c a ODA trong phát tri n nông nghi p	14
<b>CH NG II: TÌNH HÌNH S D NG V N ODA TRONG L NH V C NÔNG NGHI P TRÊN A BÀN T NH QU NG TR</b>	<b>16</b>
2.1. Vài nét t ng quan v tình hình kinh t - xã h i c a t nh Qu ng Tr	16
2.2. Tình hình nông nghi p trong th i gian 2006-2012	17
2.2.1. Tr ng tr t	18
2.2.2. Ch n nuôi	18
2.2.3. Lâm nghi p	19
2.2.4. Th y h i s n	19
2.3. Tình hình s d ng ODA trên a bàn t nh nói chung	20
2.3.1. Tình hình ký k t và gi i ngân v n ODA	20
2.3.2. Các nhà tài tr	21
2.4. Tình hình s d ng v n ODA trong l nh v c nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr	22
2.4.1. Tình hình phân b ODA cho nông nghi p và các ngành khác	22
2.4.2. M t s nhà tài tr chính c a t nh Qu ng Tr trong l nh v c nông nghi p giai o n 2006-2012	23
2.4.3. M c tiêu c a các nhà tài tr khi u t cho nông nghi p	25
2.4.3.1. Tr ng tr t	25
2.4.3.2. Ch n nuôi	26
2.4.3.3. Lâm nghi p	26
2.4.3.4. M t s c s h t ng ph c v nông nghi p	26
2.4.3.5. D ch v cung ng v t t	26

2.4.4. M t s l nh v c và a bàn nh n c s quan tâm c a các nhà tài tr .....	26
2.4.4.1. M t s a ph ng nh n tài tr .....	26
2.4.4.2. M t s l nh v c nh n tài tr .....	28
2.4.5. Tình hình ký k t các kho n vay .....	28
2.4.6. Tình hình gi i ngân .....	30
2.4.7. Tình hình phân b và s d ng.....	33
2.4.7.1. Theo l nh v c s d ng .....	33
2.4.7.2. Theo hình th c vi n tr .....	34
2.4.7.3. Theo lo i hình tài tr .....	35
2.4.7.4. Theo tình tr ng c a d án .....	36
2.5. Tác ng c a ODA n s phát tri n nông nghi p t nh Qu ng Tr .....	36
2.5.1. i v i nông nghi p c a c t nh .....	36
2.5.2. Tác ng c a ODA n i s ng c a bà con nông dân .....	38
2.5.2.1. T ng quan chung khi i u tra b ng h i .....	38
2.5.2.2. Phân tích k t qu i u tra theo ý ki n c a ng i dân trên a bàn nghiên c u.....	41
2.6.1.Thu n l i .....	63
2.6.1.1. T m v mô.....	63
2.6.1.2. Trong khuôn kh các chính sách c a t nh .....	64
2.6.2. Khó kh n .....	65
2.7. Nh ng y u t nh h ng t i ti n các d án ODA trong l nh v c nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr .....	66
2.7.2. Khách quan.....	66
2.7.3. Ch quan .....	66
<b>CH NG III: CÁC GI I PHÁP PHÁT HUY HI U QU S D NG V N ODA TRONG L NH V C NÔNG NGHI P T I QU NG TR .....</b>	<b>69</b>
3.1. nh h ng phát tri n nông nghi p c a t nh Qu ng Tr nói chung .....	69
3.1.1. i v i phát tri n nông nghi p .....	69
3.1.2. i v i phát tri n lâm nghi p .....	69
3.1.3. i v i phát tri n th y l i.....	70

3.2. nh h ng u tiên thu hút và s d ng ODA theo ngành và l nh v c .....	71
3.2.1. nh h ng thu hút l nh v c phát tri n nông nghi p và nông thôn (nông nghi p, thu l i, lâm nghi p, thu s n k t h p xoá ói gi m nghèo).....	71
3.2.2. nh h ng thu hút và s d ng ODA theo nhà tài tr .....	72
3.2.3. nh h ng s d ng các ph ng th c vi n tr .....	72
3.2.4. nh h ng s d ng có hi u qu ngu n v n ODA.....	73
3.3. Gi i pháp nâng cao hi u qu s d ng v n ODA trong l nh v c nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr trong th i gian s p t i.....	74
3.3.1. Nhóm gi i pháp v lãnh o, ch o.....	74
3.3.2. Nhóm gi i pháp v chính sách .....	75
3.3.3. Nhóm gi i pháp v t ch c .....	75
3.3.4. Nhóm gi i pháp v nâng cao n ng l c.....	76
3.3.5. Gi i pháp v tài chính .....	76
3.3.6. Gi i pháp thông tin, tuyên truy n khen th ng v ODA.....	76
3.3.7. Các gi i pháp mang tính ch t h tr .....	77
<b>PH N III: K T LU N VÀ KI N NGH</b> .....	78
<b>TÀI LI U THAM KH O</b> .....	81
<b>PH L C</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU

ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
BQL	Ban quản lý
CPO	Ban quản lý các dự án Trung ương
CPMU	Ban quản lý dự án Trung ương
EU	Liên minh Châu Âu
GTTB	Giá trị trung bình
HTQT	Hợp tác quốc tế
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
IDA	Hội đồng Phát triển quốc tế
ISG	Chương trình hỗ trợ quốc tế, Bộ NN&PTNT – <a href="http://isg.mard.org.vn">isg.mard.org.vn</a>
JBIC	Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
NN&PT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách Nhà nước
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển
UN	Liên hiệp quốc
UNDP	Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc
WB	Ngân hàng thế giới
XDCB	Xây dựng cơ bản

## DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 1: Tổng trị giá trị sản xuất nông lâm nghiệp hàng năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2012.....	17
Biểu 2: Số lượng các dự án ODA trong các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2006-2012 .....	22
Biểu 3: Các dự án ODA của WB trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2012 .....	24
Biểu 4: Các dự án ODA của ADB trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Quảng Trị ....	25
Biểu 5: Tình hình ký kết ODA cho nông nghiệp tỉnh Quảng Trị (Triệu USD) .....	29
Biểu 6: Các dự án ODA cho nông nghiệp phân bổ .....	33



## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Nguồn vốn ODA tiếp nhận và thực hiện thời kỳ 2006-2012.....	20
Bảng 2: Tình hình phân bổ ODA cho nông nghiệp và các ngành khác giai đoạn 2006-2012...	23
Bảng 3: Danh mục các khoản vay vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2012 .....	27
Bảng 4: Các dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp và ODA các tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2006-2008.....	29
Bảng 5: Tình hình giải ngân ODA các tỉnh Quảng Trị trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2008- 2012 .....	30
Bảng 6: Các dự án ODA trong nông nghiệp theo vốn vay và vốn viện trợ .....	34
Bảng 7: Vốn ODA phân theo nhà tài trợ thời kỳ 2006-2013 .....	35
Bảng 8: Tổng hợp mô tả dự án ODA theo tình trạng các dự án.....	36
Bảng 9: Các chủ thể nghiên cứu theo các cấp độ dân số .....	39
Bảng 10: Các nhóm trong phiếu điều tra.....	40
Bảng 11: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về nông nghiệp và ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị .....	42
Bảng 12: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của ODA trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp.....	44
Bảng 13: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của vốn ODA trong việc giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh gây ra cho nông nghiệp.....	46
Bảng 14: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của vốn ODA trong việc cải thiện trình độ các nhà quản lý, nông dân .....	49
Bảng 15: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của ODA nông nghiệp ở vùng ven biển thu nhập thấp nông dân .....	51
Bảng 16: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của dự án ODA cho nông nghiệp ở vùng ven biển miền trung vùng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản.....	53
Bảng 17: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của dự án ODA cho nông nghiệp ở vùng ven biển chuyên giao công nghệ, áp dụng cây con vào sản xuất.....	55
Bảng 18: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về vai trò của dự án ODA cho nông nghiệp ở vùng ven biển nông nghiệp quản lý, lãnh đạo các cán bộ và trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội của địa phương .....	57
Bảng 19: Kiểm định mô hình One Sample T-Test về việc nên có nguồn vốn ODA phát triển nông nghiệp địa phương.....	61

## TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

Tài liệu đi sâu vào nghiên cứu tình hình sử dụng vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở báo cáo của Ủy ban Quản lý Quỹ ODA giai đoạn 2006-2012. Có cái nhìn tổng quát về vốn nghiên cứu, trước tiên, tôi đánh giá chung về tình hình phát triển kinh tế xã hội của Ủy ban Quản lý Quỹ ODA. Tiếp theo, chúng ta sẽ nhìn vào vai trò của vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp nữa, nghiên cứu khái quát về nguồn vốn ODA tài trợ cho Ủy ban Quản lý Quỹ ODA trong thời gian nghiên cứu tài trợ, đó là tỷ lệ vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm bao nhiêu phần, xem xét liệu nông nghiệp có là ngành ưu tiên phát triển của Ủy ban hay không? Trên cơ sở đó, tôi sẽ phân tích rõ vai trò, tác động của ODA trong sự phát triển của Ủy ban nông nghiệp Ủy ban Quản lý Quỹ ODA là như thế nào?

*Phần thứ nhất:* Nêu lên số cần thiết, cấp bách của việc nghiên cứu tài trợ, đồng thời nêu rõ kết quả, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung chính và phương pháp nghiên cứu.

*Phần thứ hai:* Kết quả phần này gồm có 3 chương

*Chương 1:* Là phần nghiên cứu khoa học nhằm làm rõ khái niệm về vốn ODA, các mục tiêu của nguồn vốn ODA và làm rõ tính hai mặt của nguồn vốn này. Đồng thời cũng tìm hiểu về khái niệm, các mục tiêu và vai trò của nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, thông qua lý luận về vai trò của ODA trong phát triển nông nghiệp, ta sẽ thấy rõ mối liên quan giữa hai khái niệm ODA và nông nghiệp là như thế nào?

*Chương 2:* Giới thiệu vài nét về Ủy ban Quản lý Quỹ ODA và tình hình phát triển kinh tế xã hội của Ủy ban. Tìm hiểu tình hình phát triển nông nghiệp của Ủy ban trong thời gian nghiên cứu, trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp. Có cái nhìn tổng quan về vốn ODA phân bổ cho nông nghiệp, trước tiên, tài liệu trình bày tình hình sử dụng ODA trong tất cả các lĩnh vực, về tình hình ký kết và giải ngân, các nhà tài trợ, và đóng góp của ODA đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Ủy ban. Cuối cùng, làm rõ tài liệu nghiên cứu bằng các số liệu, biểu đồ, luận chứng, luận điểm về ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở báo cáo của Ủy ban Quản lý Quỹ ODA. Tình hình sử dụng ODA trong nông nghiệp của Ủy ban sẽ được phân tích rõ.

nét qua tình hình phân bổ của ODA trong nông nghiệp so với các ngành khác, các nhà tài trợ, mục tiêu của các nhà tài trợ, tình hình kế hoạch, tình hình giải ngân, tình hình phân bổ và sử dụng. Qua đó, đánh giá công nghệ tác động, nhu cầu thu nhập, nhu cầu tín dụng khi sử dụng nguồn vốn ODA tài trợ cho nông nghiệp.

Đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị một cách khách quan cần nghiên cứu tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả dự án ODA nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo cần phải tìm hiểu thực tế nông dân trên góc độ của người dân là những người trực tiếp hưởng lợi từ những công trình của dự án đánh giá. Qua đó sẽ đưa ra những giải pháp tiếp thu giải quyết những vấn đề còn tồn đọng nâng cao hiệu quả thực hiện.

Song do hạn chế về thời gian nên tôi đã đi thực địa nghiên cứu 100 người dân trên địa bàn huyện Vĩnh Linh nghiên cứu tìm hiểu về sự đánh giá của họ về các dự án thực hiện chương trình.

*\* Mục và nội dung*

- Mục: Về tài liệu chọn mẫu thí nghiệm chọn mẫu ngẫu nhiên để nêu trên. Nội dung của chọn mẫu này là sẽ phân nhóm có thể làm gia tăng mức chính xác của việc đánh giá các chỉ số nghiên cứu, thực hiện thu thập, phân tích số liệu khá toàn diện.

- Nội dung: đi thực địa xã Vĩnh Nam, Vĩnh Trung, Vĩnh Thịnh huyện Vĩnh Linh...

Là các xã thuần nông nên trong cộng đồng đi thực địa, sẽ có hoạt động kinh tế chính là trồng trọt và chăn nuôi chiếm 78.4% trong đó trồng trọt là 51.7% và chăn nuôi là 26.7%.

Qua quá trình đi thực địa, đi về nông nghiệp trồng trọt người dân trồng các loại lương thực chủ yếu như lúa, các loại rau, khoai sắn, cây ăn quả... và một số cây trồng lâu năm khác. Về chăn nuôi có các loại gia súc gia cầm như lợn, gà, trâu bò, lợn...

Vì mỗi vùng, mỗi xã thực hiện những hoạt động kinh tế chính khác nhau nên nhiệm vụ của chính quyền địa phương là phải làm sao phát huy tiềm năng kinh tế của mỗi vùng và nhân lực phát triển nó một cách hợp lý và hiệu quả

m b o m c tiêu phát tri n chung, trên c s ó có th phân b và s d ng hi u qu ngu n v n ODA c tài tr .

*Ch ng 3:* Trình bày quan i m phát tri n nông nghi p c a t nh Qu ng Tr , qua ó ra các bi n pháp thu hút ngu n v n ODA phù h p v i quan i m phát tri n c a ngành.

*Ph n th 3:* K t lu n, ánh giá m t cách t ng quát v tình hình s d ng v n ODA trong l nh v c nông nghi p t nh Qu ng Tr trong giai o n 2006-2012, sau ó là các xu t, ki n ngh trong th i gian s p t i.

## PH N I: T V N

### 1.1.Lý do ch n tài

Nông nghi p là m t trong hai ngành s n xu t v t ch t gi vai trò l n trong vi c phát tri n kinh t h u h t các n c, nh t là các n c ang phát tri n. nh ng n c này còn nghèo, i b ph n s ng b ng ngh nông. Tuy nhiên ngay c nh ng n c có n n công nghi p phát tri n cao, m c dù t tr ng GDP nông nghi p không l n, nh ng kh i l ng nông s n c a các n c này khá l n và không ng ng t ng lên, m b o cung c p cho i s ng con ng i nh ng s n ph m c n thi t ó là l ng th c, th c ph m.

Vi t Nam là m t t n c nông nghi p, nên phát tri n nông nghi p luôn là m i quan tâm c a ang và Nhà n c. Nông nghi p có vai trò quan tr ng i v i quá trình phát tri n kinh t . Tuy nhiên, nh ng n m g n, do m t s nguyên nhân khách quan và ch quan, nông nghi p ch a phát tri n t ng x ng v i tỉ m n ng và ngu n l c s n có, các hi n t ng nông dân b ru ng, ng dân không dám dong tàu ra kh i bám bi n, r ng u ngu n b n h hàng lo t do làm th y i n, c s v t ch t phát tri n nông nghi p không m b o yêu c u. M t lo t các v n n y sinh kìm hãm s phát tri n c a nông nghi p, gây nh h ng n sinh k và thu nh p c a ng i dân. Th c tr ng này di n ra ph bi n m t s t nh mi n Trung nh Thanh Hóa, Ngh An, Hà T nh, Qu ng Bình và ngay c trên a bàn t nh Qu ng Tr . Qu ng Tr là m t t nh B c Trung B , phát tri n ch y u nh nông nghi p, i a s ng i dân s ng b ng làm nông, kho ng 82% v i di n tích t nông nghi p. Nông nghi p chi m m t t tr ng l n trong GDP c a t nh. Tr c th c tr ng nh c nh i c a nông nghi p nh v y, òi h i các ban ngành qu n lý c a t nh Qu ng Tr ph i có các bi n pháp, ch tr ng, chính sách, huy ng các ngu n l c phát tri n n n nông nghi p c a t nh. M t trong các ngu n l c quan tr ng phát tri n nông nghi p ó là v n. V n u t c a toàn xã h i cho nông nghi p c a t nh ch a x ng t m, u t t ngu n ngân sách nhà n c và trái phi u Chính ph cho nông nghi p có t ng nh ng dần tr i, thi u t p trung. u t tr c ti p n c ngoài (FDI) th p, ngu n l c khu v c nông nghi p còn y u, các nhà u t không m n mà vì kh n ng thu c l i nhu n s không cao.

Trong bối cảnh đó, thì vốn ODA của các nhà tài trợ là một nguồn lực có vai trò quan trọng đóng góp vào sự phát triển chung kinh tế cả nước nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng. Từ năm 1996 đến nay, nguồn vốn ODA đã hỗ trợ, đóng góp trong quá trình phát triển kinh tế xã hội cả nước. Qua thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, cải thiện sinh kế nông dân, một phần lớn nguồn vốn ODA dùng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp cả nước. Nguồn vốn ODA này đã góp phần hỗ trợ việc khôi phục và xây dựng mới nhiều công trình cơ sở hạ tầng quan trọng như giao thông nông thôn, thu nhập, phòng chống thiên tai, trồng rừng, góp phần nâng cao phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế nhân dân và bảo vệ môi trường nhiều vùng nông thôn rộng lớn nước ta.

Bên cạnh các kết quả đã đạt được thì hiệu quả sử dụng vốn ODA trong nông nghiệp phần lớn qua thực hiện qua còn một số hạn chế như: công tác chuẩn bị dự án chất lượng, tiến độ thực hiện các dự án còn chậm, nhiều dự án phải kéo dài thời gian so với Hiệp định ký kết, không đạt mục tiêu đề ra....

Trong bối cảnh như vậy, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý vốn ODA của các nhà tài trợ, thu hút và sử dụng một cách hiệu quả nguồn lực này sẽ có ý nghĩa giúp phát triển nông nghiệp, cải thiện thu nhập nông dân. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài "Tình hình sử dụng vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị" nghiên cứu trong khóa luận tốt nghiệp của mình, với mong muốn có cái nhìn rõ nét hơn về tình hình nguồn vốn ODA trong sự phát triển nông nghiệp cả nước giai đoạn 2006-2012, đồng thời tìm ra những khó khăn, thách thức khi sử dụng vốn ODA trong nông nghiệp, từ đó có những giải pháp kiến nghị tới các ban ngành tỉnh Quảng Trị có thể sử dụng vốn ODA một cách hiệu quả, phát triển nông nghiệp, đem lại thu nhập cao, góp phần không nhỏ vào việc xóa đói giảm nghèo cho người nông dân.

## **1.2. Mục tiêu nghiên cứu**

- ✓ Làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn nguồn vốn ODA và nông nghiệp.
- ✓ Phân tích, đánh giá tình hình sử dụng nguồn vốn ODA trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- ✓ Đánh giá tác động của nguồn vốn ODA đến phát triển nông nghiệp cả nước Quảng Trị và người nông dân.

✓ xu t các gi i pháp nh m nâng cao hi u qu s d ng v n ODA trong l nh v c nông nghi p trên à bàn t nh Qu ng Tr .

### **1.3. i t ng nghiên c u**

- i t ng nghiên c u: tình hình vi c qu n lý và s d ng ngu n v n ODA trong l nh v c nông nghi p trên à bàn t nh Qu ng Tr .

### **1.4.Ph m vi nghiên c u**

- Ph m vi nghiên c u: Ngu n v n ODA trong l nh v c nông nghi p t i t nh Qu ng Tr trong th i gian t n m 2006-2012.

### **1.5.Ph ng pháp nghiên c u**

Ph ng pháp lu n c s d ng trong quá trình nghiên c u là ph ng pháp duy v t bi n ch ng gi i thích các hi n t ng kinh t xã h i.

Các ph ng pháp nghiên c u c th và k thu t x lý s li u chính g m có:

*Ph ng pháp t ng h p và phân tích s li u:* thu th p và h th ng hóa, x lý, phân tích, ánh giá t t c các s li u s n có theo nh h ng nghiên c u.

*Ph ng pháp kh o sát và i u tra th c a:* Kh o sát th c t nh m l y thông tin v vai trò c a ODA trong nông nghi p t i xã V nh Nam và m t s xã c n k khác.

*Ph ng pháp ánh giá có s tham gia c a nông dân nh m l y ý ki n ánh giá c a nông dân.* K t qu ánh giá c ch n l c t kh o sát v vai trò c a ODA trong nông nghi p, i u tra t i huy n V nh Linh.

*Ph ng pháp ph ng v n chuyên gia:* t i n hành ph ng v n, l y ý ki n nh n xét c a các chuyên viên t i phòng Kinh t i ngo i và phòng Nông nghi p - S k ho ch và u t t nh Qu ng Tr nh m làm rõ m t s lu n c c a khóa lu n.

Các k thu t x lý s li u: *K thu t phân tích th ng kê, phân tích t s li u c a các s , b ng bi u.*

Ngoài ra, khóa lu n còn c n c vào m t s *quan i m, nh h ng c a ng và Nhà n c v thu hút, s d ng ODA* trong l nh v c nông nghi p.

❖ *Ch n a i m nghiên c u:*

C n c vào c i m à hình, tình hình phát tri n kinh t xã h i và c bi t là s tác ng c a ch ng trình, d án ODA cho nông nghi p phân b cho các huy n

trên là bản tnh Qu ng Tr ch n a i m i m i u tra và nghiên c u. Theo danh sách do S K ho ch và u t tnh cung c p thì tnh có 8 huy n và 1 thành ph c nh n tài tr ODA trong lnh v c nông nghi p. Xem xét i u ki n th c t v kinh phí c ng nh c tr ng các d án trong toàn tnh tôi ch n huy n V nh Linh, là a bàn ch y u i i u tra. V nh Linh là m t huy n nghèo c a tnh, phát tri n nông nghi p là ch y u, các ho t ng công nghi p h u nh không có, nên nh n c nhi u các d án tài tr v n ODA, c bi t là các d án ODA v nông nghi p.

### **1.6.K t c u tài**

tài có k t c u 3 ph n, c th nh sau:

Ph n I: t v n

Ph n II: N i dung nghiên c u

Ch ng 1: C s khao h c c a v n c n nghiên c u

Ch ng 2: Tình hình s d ng v n ODA trong lnh v c nông nghi p trên a bàn tnh Qu ng Tr giai o n 2006-2008

Ch ng 3: Các gi i pháp phát huy hi u qu trong vi c s d ng v n ODA trong lnh v c nông nghi p trên a bàn tnh Qu ng Tr

Ph n 3: K t lu n và ki n ngh



## **PHẦN II: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

### **CHƯƠNG I: C S KHOA H C C A V N NGHIÊN C U**

#### **1.1. Lý luận về vốn ODA**

##### **1.1.1. Khái niệm và hình thức của vốn ODA**

###### *1.1.1.1. Khái niệm ODA*

ODA được hiểu là các khoản vốn trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi của các tổ chức quốc tế, Chính phủ các nước (thường là các nước phát triển) dành cho Chính phủ nhận trợ (thường là nhận trợ phát triển) nhằm giúp chính phủ nhận trợ có phát triển kinh tế xã hội.

ODA phản ánh mối quan hệ giữa hai bên: Bên tài trợ gồm các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, Chính phủ các nước phát triển và bên nhận tài trợ là Chính phủ nhận trợ (thường là nhận trợ phát triển). Bản chất chính của nguồn vốn ODA là vốn vay ưu đãi, Chính phủ nhận trợ nhận tài trợ (vay nhận trợ) phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ trong tương lai.

###### *1.1.1.2. Các hình thức ODA*

Theo Điều 3. Nghị định 38.2013.NĐ/CP “Về quản lý và sử dụng nguồn vốn trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ” thì có các hình thức cung cấp ODA và vốn vay ưu đãi.

ODA bao gồm ODA vốn trợ không hoàn lại và ODA vốn vay:

a) ODA vốn trợ không hoàn lại là hình thức cung cấp ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ.

b) ODA vốn vay là hình thức cung cấp ODA phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ với các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời gian ân hạn và thời gian trả nợ, bộ máy quản lý không hoàn lại ít nhất 35% đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc.

###### *1.1.1.3. Phân loại ODA*

a) Theo phương thức hoàn trả

ODA không hoàn lại: Là hình thức cung cấp ODA mà bên nhận tài trợ không phải hoàn trả cho bên tài trợ. Có thể coi vốn trợ không hoàn lại như một nguồn thu

c a ngân sách Nhà n c, c s d ng theo hình th c Nhà n c c p phát l i cho các nhu c u phát tri n kinh t – xã h i c a t n c. Vi n tr không hoàn l i chi m kho ng 25% trong t ng s v n ODA trên Th gi i. Vi n tr không hoàn l i th ng c th c hi n d i các d ng:

- H tr k thu t.

- Vi n tr nh n o b ng hi n v t.

+ ODA vay u ãi: Nhà tài tr cho n c c n v n vay m t kho n t i n, v i các i u ki n u ãi v lãi su t (th p h n lãi su t th tr ng), th i gian ân h n và th i gian tr n ; ho c không ch u lãi mà ch ch u chi phí d ch v . Vay u ãi chi m t tr ng l n trong t ng s v n vay ODA trên Th gi i, là ngu n thu ph thêm bù p thâm h t ngân sách Nhà n c.

+ ODA vay h n h p: Là các kho n vi n tr không hoàn l i ho c các kho n vay u ãi c cung c p ng th i v i các kho n tín d ng th ng m i.

Nhìn chung hi n nay các n c cung c p ODA ang có chi u h ng gi m vi n tr không hoàn l i và t ng hình th c tín d ng u ãi và ODA h n h p.

b) Theo ngu n cung c p

+ ODA song ph ng: Là các kho n tài tr phát tri n chính th c t n c này cho n c kia (n c phát tri n cho n c ang ho c kém phát tri n) thông qua Hi p nh c ký k t gi a hai Chính ph . Trong t ng s ODA l u chuy n trên th gi i, ph n tài tr song ph ng chi m t tr ng l n, có khi lên t i 80%, l n h n nhi u so v i tài tr a ph ng.

+ ODA a ph ng: Là các kho n tài tr phát tri n chính th c c a m t s t ch c tài chính qu c t và khu v c nh : Qu t i n t qu c t (IMF), Ngân hàng th gi i (WB), Ngân hàng phát tri n châu Á (ADB), ho c các t ch c phát tri n c a Liên h p qu c nh : Ch ng trình phát tri n c a Liên H p qu c (UNDP), Qu nhi ng Liên h p qu c (UNICEF), T ch c nông l ng th gi i (FAO), ho c Liên minh Châu Âu (EU), các t ch c thu c Liên minh Châu Âu, và các t ch c phi chính ph (NGOs) cho các n c ang ho c kém phát tri n.

c) Theo mục đích sử dụng

+ Hỗ trợ cán cân thanh toán: Là các khoản ODA cung cấp hỗ trợ ngân sách của Chính phủ, thông qua các hình thức hiện thông qua các dự án: Chuyển giao tài chính hiện vật cho các ngành ODA; Hỗ trợ nhập khẩu (tài trợ hàng hoá): Chính phủ các ngành ODA tiếp nhận một lượng hàng hoá có giá trị tương đương với các khoản cam kết, bán cho thị trường nội địa và thu nhập.

+ Hỗ trợ theo chương trình: Là hỗ trợ theo khuôn khổ các biện pháp nhằm với các nhà tài trợ nhằm cung cấp một khối lượng ODA trong một khoảng thời gian mà không phải xác định trước một cách chính xác nó sẽ sử dụng như thế nào. Đây là loại hình ODA trong đó các bên liên quan ghép một hay nhiều mục tiêu với những dự án, hay nhiều dự án.

+ Hỗ trợ theo dự án: Là khoản hỗ trợ, trong đó các ngành hỗ trợ phải chi trả một phần chi phí dự án. Loại hình hỗ trợ này chi trả một phần lớn nhất trong ngân sách ODA và chủ yếu tập trung vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội. Trị giá vốn của các dự án vượt thời gian dài hạn và thời gian thực hiện dài hạn các loại dự án khác.

+ Hỗ trợ kỹ thuật: Là loại hình hỗ trợ tập trung chủ yếu vào chuyển giao kỹ thuật học tập nghề nghiệp, lập kế hoạch, tư vấn, nghiên cứu tình hình thực tiễn, nghiên cứu thị trường... Vốn của dự án hỗ trợ kỹ thuật dành chủ yếu cho thuê tư vấn quốc tế, tư vấn trong nước, tổ chức đào tạo, nghiên cứu khảo sát và mua sắm thiết bị văn phòng. Trị giá vốn của các dự án hỗ trợ kỹ thuật thường không lớn.

### **1.1.2. Các mục tiêu của ODA**

#### *1.1.2.1. ODA là nguồn vốn hỗ trợ phát triển*

ODA là hình thức hỗ trợ phát triển của Chính phủ các nước phát triển, các tổ chức quốc tế với các ngành phát triển hoặc chính phủ phát triển thông qua các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc các khoản cho vay với ưu đãi.

Ngoài ra, bên viện trợ thông qua các khoản cho vay ưu đãi/các khoản viện trợ không hoàn lại sẽ cung cấp cho bên nhận viện trợ hàng hóa, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, cung cấp dịch vụ ...

Ngược lại, bên nhận viện trợ thông qua nguồn vốn hỗ trợ phát triển có ưu đãi bổ sung nguồn vốn còn thiếu, sử dụng vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây

đồng cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, công nghiệp... tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển và nâng cao đời sống nhân dân.

#### *1.1.2.2. ODA là nguồn vốn có ưu đãi*

Vì mục tiêu hỗ trợ cho các quốc gia đang phát triển hoặc kém phát triển, ODA mang tính ưu đãi hơn bất kỳ hình thức tài trợ nào khác. Tính chất ưu đãi của nguồn vốn này thể hiện qua những ưu điểm sau:

+ Lãi suất thấp:

Các khoản vay ODA thường có mức lãi suất rất thấp, ví dụ như lãi suất các khoản vay ODA của Nhật Bản dao động từ 0.75 – 2.3% năm; của Ngân hàng Thế giới (WB) là 0%/năm nhưng phí dự trữ là 0.75%/năm; mức lãi suất của Ngân hàng Phát triển Châu Á thường từ 1-1.5%/năm...

+ Thời hạn vay dài:

Do vì mục đích lãi suất tín dụng thấp, ODA có thể gián vay dài, như các khoản vay của Nhật Bản thường có thời hạn là 30 năm; Ngân hàng Thế giới là 40 năm; Ngân hàng Phát triển Châu Á là 32 năm.

+ Thời gian ân hạn:

Đối với ODA vay: thời gian tạm hoãn trả khi vay đến khi phải trả về ngân sách ưu tiên thường dài, 10 năm đối với các khoản vay từ Nhật Bản và Ngân hàng Thế giới; và 8 năm đối với Ngân hàng Phát triển Châu Á.

#### *1.1.2.3. Nguồn vốn ODA thường đi kèm theo các điều kiện ràng buộc*

Nhìn chung, các nước vay ODA đều có chính sách riêng và những quy định ràng buộc khác nhau đối với các nước tiếp nhận. Vì vậy mà một số nước nhận được vốn chính trị, và một số em lại lệ thuộc thông qua việc bán hàng hoá và dịch vụ của nước họ cho nước nhận vốn. ODA luôn bị ràng buộc trực tiếp hoặc gián tiếp. Do đó, đi kèm theo với ODA bao giờ cũng có những ràng buộc như chính trị, kinh tế hoặc khu vực địa lý.

#### *1.1.2.4. Nguồn vốn ODA có tính nhậy cảm*

Vì ODA là một phần GDP của nước tài trợ nên ODA rất nhạy cảm với biến động của nền kinh tế tài trợ. Những nước tài trợ lớn trên thế giới có lưu trữ ODA, như thị

Nhà tài trợ, quy chế kiểm soát chặt chẽ. Chính phủ trong việc cung cấp tài trợ ODA mang tính nhân đạo.

### **1.1.3. Tính hai mặt của ODA ở Việt Nam hiện nay**

#### *1.1.3.1. Mặt tích cực*

+ *Thứ nhất*: ODA là nguồn vốn bổ sung cho xuất phát triển. Các khoản vay ODA có thời gian trả nợ dài và có mức lãi suất ưu đãi. Thành tựu Việt Nam không hoàn toàn trong các khoản vay ODA thì tỷ lệ là 25% theo quy định của các nước OECD. Chỉ có nguồn vốn này mới giúp Việt Nam vay ưu đãi như vậy. Chính phủ mới có thể tập trung xuất cho các dự án hạ tầng kinh tế như xây dựng đường xá, cầu, cống, thu lợi ích, công, và các dự án hạ tầng xã hội như giáo dục y tế, có thời gian hoàn vốn lâu và trả nợ hoàn vốn thấp.

+ *Thứ hai*: ODA là nguồn bổ sung ngoại tệ cho quốc gia và bù đắp cán cân thanh toán. Hiện nay mức thâm hụt ASEAN, tỷ lệ thâm hụt khá cao từ 35-40% GDP, song tỷ lệ các nước này vẫn có thâm hụt cán cân vãng lai. Việc ODA vào các nước này là nguồn bù đắp quan trọng cho cán cân vãng lai. Trong giai đoạn gần đây thì thâm hụt không có khả năng chuyển đổi thì mức thâm hụt dự kiến vẫn chưa đạt 100% việc xuất bản nguồn vốn trong nước như nhu cầu chuyển đổi thì thâm hụt ra ngoài thị trường thì thâm hụt cho dự án không cấp ứng dụng thì thâm hụt dự án không khả thi. Như vậy, thâm hụt tỷ lệ thâm hụt không thể chuyển thành xuất. Trong hợp tác Việt Nam, việc thâm hụt cán cân tỷ lệ thâm hụt, và thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai, nên việc ODA vào Việt Nam cùng mức phát huy hai tác dụng.

+ *Thứ ba*: Các dự án sử dụng vốn vay ODA thường đòi hỏi áp dụng công nghệ tiên tiến, có chất lượng cao và phát huy thế mạnh quản lý tiên tiến. Từ năm 1993, khi việc ODA bắt đầu vào Việt Nam hiện nay, rất nhiều cán bộ Việt Nam có cơ hội tiếp cận và hiểu biết các quy trình công nghệ mới trong các lĩnh vực công, nông, lâm nghiệp... Các cán bộ quản lý dự án, các cán bộ công chức của Chính phủ làm quen dần và ngày càng hiểu rõ hơn các quy trình quản lý, kỹ thuật, quản lý tài chính và quản lý dự án.

Dự án ODA cũng có thể giúp phá vỡ nhúng quan hệ mớitruíc khu vực công cũng vào nhúng cách không hiểu quy. Chính phủ dù có thâm hụt thâm hụt thâm hụt

khó thể hiện các ý tưởng mới, nhất là khi các ý tưởng ói lên những quy định của ngân sách dân. Ví dụ, khi dân đã quen với việc sử dụng các dịch vụ công cộng (đường, điện, nước...) không phải trả tiền hoặc trả rất ít, nếu Chính phủ thay đổi chính sách yêu cầu ngân sách dân phải trả tiền cho các dịch vụ công cộng này có nghĩa là phải trả tiền cho các dự án mới thì chắc chắn Chính phủ sẽ gặp phải sự phản đối từ phía dân và chính sách mới sẽ khó có thể thông qua. Trong khi đó, các nhà tài trợ có thể tài trợ cho các dự án đường, thu lợi nhuận xã hội và yêu cầu ngân sách phải có chính sách thu phí thích hợp để duy trì và nâng cấp công trình, mà bỏ tính bản vụ của dự án. Việc thay đổi chính sách áp dụng yêu cầu của Nhà tài trợ sẽ nhân dân đang chấp thu nên nên là điều kiện tiên quyết và cần thiết. Như vậy, dự án ODA đã góp phần làm mới chính sách tiên quyết và tiên quyết và làm mới ngành ngân sách dân để trở thành hiện thực.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên mà nhược điểm của các ngân sách ngân sách ngân sách tranh thủ thu hút vốn càng nhiều vốn ODA càng tăng, vốn ODA càng giảm chèn lấn các mặt trái của nó.

#### *1.1.3.2. Một tiêu chí*

*Thứ nhất:* Vốn ODA trong mô hình cấu trúc hợp lý và hiệu quả chính trị, hiện là các yếu tố hiệu quả kinh tế.

*Thứ hai:* Vay vốn ODA làm tăng gánh nặng quốc gia. Vay vốn ODA dù vay với thời gian dài 30-40 năm vẫn không phải là vay vốn cho không, nên một lúc nào đó ngân sách tiên quyết phải dùng tiền của mình để trả nợ. Hiện nay nợ nước ngoài là một trong những nguy cơ đáng quan tâm nhất. Thứ ba: những ưu điểm qua trên thì đi kèm với những nhược điểm coi là lợi ích của các khoản ODA cho vay với lãi suất thấp và thời hạn dài ngày hôm nay có thể không bù đắp được cho những thiệt hại do sự thay đổi bất lợi về giá trị tài sản trong tương lai. Vì vậy, ngân sách tiên quyết không có chính sách quản lý nợ nước ngoài sẽ dẫn đến một kết quả không mong muốn.

*Thứ ba:* Các khoản vay ODA gắn với chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp của ngân sách tài trợ nên thông thường có sự ràng buộc của Nhà tài trợ trong việc lựa chọn dự án, thuê thầu, chọn nhà thầu, nhà cung cấp hàng hoá thiết bị cho dự án. Do đó, giá trị trong các hợp đồng sử dụng vốn ODA thường cao hơn các hợp đồng cùng loại

theo hình thức thông thường. Các biệt có trình độ học vấn cao chiếm 1/3 giá trị trên 30%. Hiện nay vốn ODA khi đã được chuyển cho các dự án thì việc thay đổi quy mô dự án hoặc chuyển vốn từ dự án này sang dự án khác là rất khó khăn hoặc không thể hiện được, tiền vốn vay vào tình hình hoặc chi phí dự án hoặc không được vay.

*Thuyết:* Thứ nhất, sự đóng góp của vốn vay ODA thường là phần tiếp và mặt nhiều thì gian dự án được chấp thuận. Vì vậy, các dự án chủ yếu được vay vốn ODA thường phải thay đổi Nghiên cứu khả thi do thời gian thực hiện xây dựng Nghiên cứu khả thi ban đầu khi các Nhà tài trợ tìm kiếm cách nhau khá xa. Ngoài ra, các chi phí khác như chi phí quản lý dự án, phí phóng mồi ban đầu các dự án ODA cũng cao hơn các dự án cùng loại được vay vốn trong nước do Nhà tài trợ can thiệp trực tiếp vào các quy trình này.

## **1.2. Lý luận về nông nghiệp**

### **1.2.1. Khái niệm về nông nghiệp**

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất chủ yếu của nền kinh tế. Theo nghĩa hẹp, ngành nông nghiệp gồm có hai tiểu ngành là trồng trọt và chăn nuôi. Theo nghĩa rộng: ngành nông nghiệp gồm có các ngành là nông nghiệp theo nghĩa hẹp (gồm trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Trồng trọt là ngành sản xuất cây trồng làm lương thực chính sản xuất rau lương thực, thực phẩm, thuốc cho công nghiệp, và thỏa mãn các nhu cầu vui chơi giải trí, thể thao (hoa viên, cây cảnh, sân banh, sân golf).

Chăn nuôi là một trong hai ngành chủ yếu của nông nghiệp (theo nghĩa hẹp) và là một ngành sản xuất là các loại gia súc gia cầm. Ngành chăn nuôi cung cấp thực phẩm nhiều chất dinh dưỡng, sữa, trứng, cung cấp da, lông. Sản phẩm phụ của chăn nuôi dùng làm phân bón, phân gia súc dùng làm sức kéo. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi chủ yếu lấy từ ngành trồng trọt, nên chăn nuôi phát triển sẽ góp phần làm gia tăng hiệu quả của sản phẩm trồng trọt. Ngành chăn nuôi ngày càng chiếm tỷ trọng cao so với trồng trọt trong các ngành nông nghiệp vì trong khu vực nông nghiệp ngày càng thay đổi.

Lâm nghiệp là các hoạt động chăn nuôi động vật, bảo vệ rừng, khai thác, vận chuyển và chế biến các sản phẩm rừng, trồng cây, tái tạo rừng, duy trì tác dụng phòng hộ môi trường.

Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất giữ vai trò lớn trong việc phát triển kinh tế hộ và các nước, nhất là các nước đang phát triển. Nhưng nước này còn nghèo, thiếu vốn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên ngay cả những nước có nền công nghiệp phát triển cao, mặc dù tổng GDP nông nghiệp không lớn, nhưng khi lượng nông sản của các nước này khá lớn và không ngừng tăng lên, mà bỏ cung cấp cho thị trường quốc tế thì đó là lợi ích, thặng dư.

### **1.2.2. Đặc điểm nông nghiệp**

Về tính cách là một ngành sản xuất cơ bản, nông nghiệp có những đặc điểm chung như sau:

#### *1.2.2.1. Sản xuất nông nghiệp có tính chất vùng rõ rệt*

Sản xuất nông nghiệp tiến hành trên không gian rộng lớn, mỗi vùng lại chịu tác động những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa, tập quán,... rất khác nhau. Đặc điểm này đòi hỏi những nhà quản lý phải hiểu rõ tính chất vùng, quy hoạch nông nghiệp, lựa chọn và bố trí cây trồng, vật nuôi, ứng dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện vùng, nhằm tránh rủi ro và khai thác lợi thế so sánh của mỗi vùng.

#### *1.2.2.2. Ruộng là tài sản sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp và ngày càng khan hiếm*

Dù có những ưu thế, tuy nhiên do không bảo tồn trong quá trình sản xuất, nếu sử dụng hợp lý thì phải nhiều năm không ngừng tăng lên, và ruộng là tài sản sản xuất không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Do đó, việc bảo tồn quỹ đất và không ngừng nâng cao phải nhiều năm là vấn đề còn cần sản xuất nông nghiệp.

#### *1.2.2.3. Ít tăng giá sản xuất nông nghiệp là những cơ sở sinh, phát sinh phát triển theo những quy luật sinh học nhất định*

Quá trình sản xuất kinh tế trong nông nghiệp gắn liền với quá trình sinh học. Vì vậy quy luật hoàn thành quá trình sản xuất phải hiểu biết sâu sắc chu kỳ sinh trưởng của sinh vật.



#### 1.2.2.4. Sản xuất nông nghiệp mang tính thị trường cao

Chính sách này xuất phát từ hai lý do cơ bản. Một là quá trình sản xuất nông nghiệp gắn với quá trình tái sản xuất tự nhiên, thời gian lao động gắn với thời gian sản xuất nên không hoàn toàn trùng khớp với thời gian sản xuất; thứ hai, nhiều loại cây trồng, vật nuôi chỉ phù hợp với một điều kiện thời tiết nhất định. Khai thác tối đa ánh sáng, ôn độ, độ ẩm, lượng mưa cho cây trồng thì các khâu gieo trồng, phân bón, làm cỏ, tưới tiêu,... phải ứng phó với điều kiện đó. Vì vậy, việc nghiên cứu các phương pháp canh tác nhằm hạn chế những tác động của thời tiết khí hậu sẽ giúp cho nông nghiệp phát triển bền vững và thịnh vượng.

#### 1.2.3. Vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế

Trong việc phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế khác. Nông nghiệp không chỉ là nhân tố mà còn là điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, nó thể hiện qua các vai trò:

✓ Nông nghiệp cung cấp lương thực và các nguyên liệu vào cho các ngành công nghiệp kinh tế.

✓ Nông nghiệp tạo ra thị trường nội địa và xuất khẩu nông sản.

✓ Nông nghiệp là thị trường quan trọng cho các ngành khác trong nền kinh tế như ngành sản xuất hàng tiêu dùng, máy móc và các vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu).

✓ Nông nghiệp là nơi cung cấp nguồn lao động cho khu vực công nghiệp và dịch vụ.

✓ Nông nghiệp còn tạo ra một lượng vốn thặng dư cho quá trình công nghiệp hóa.

Xu hướng nông nghiệp ngày càng chiếm trọng yếu hơn trong nền kinh tế, lực lượng lao động nông nghiệp cũng giảm dần và dịch chuyển sang các ngành kinh tế khác, đặc biệt trong nông nghiệp ngày càng thu hẹp. Những sản phẩm nông sản phải tăng lên đáp ứng nhu cầu dân số tăng, nhu cầu nông sản là đầu vào quan trọng cho nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp vẫn tiếp tục là ngành sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên nhất và ngày càng có vai trò quan trọng trong việc làm chủ

quá trình biến đổi khí hậu toàn cầu. Như vậy, ngoài vai trò kinh tế, nông nghiệp còn bao gồm các vai trò xã hội và môi trường. Điều này có thể hình ảnh sau:

Đi với phát triển của công nghiệp, nền kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Phát triển nông nghiệp ngoài mục tiêu lợi ích kinh tế cùng và thi đua cho các ngành nghèo còn phải đảm bảo an ninh lương thực. An ninh lương thực đang là vấn đề còn cam kết gia và con người. Bảo đảm an ninh lương thực sẽ hạn chế những khó khăn, rủi ro trong phát triển kinh tế và các ngành công nghiệp, tạo cơ sở cho vị thế nền kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chủ quyền của quốc gia.

Đi với việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Trong nông nghiệp, môi trường không chỉ là nguồn lực mà còn là yếu tố có liên quan mật thiết trong quá trình phát triển nông nghiệp và môi trường sống của công nghiệp. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học giúp duy trì cân bằng sinh thái, nhằm làm chậm quá trình biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì thế trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp, cần áp dụng những giải pháp thích hợp duy trì và tạo nên sự phát triển bền vững của môi trường sinh thái.

Như vậy, xét trên các mặt về kinh tế, xã hội và môi trường thì nông nghiệp có vai trò và vị trí hết sức quan trọng đi với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của miền nước. Trong điều kiện hiện nay, hầu hết các nước đều nhìn nhận, nếu không có mặt nền nông nghiệp phát triển, mặt nền nông nghiệp tiên tiến thì nền kinh tế quốc dân khó phát triển vững chắc. Thực tế Việt Nam và nhiều nước chứng minh khi nông nghiệp phát triển vững chắc sẽ giúp cho nền kinh tế phát triển nhanh, giảm nhanh tình trạng đói nghèo. Chính vì vậy, nông nghiệp được coi là điểm xuất phát của phát triển hay các cách kinh tế của nhiều quốc gia.

### **1.3. Lý luận về vai trò của ODA trong phát triển nông nghiệp**

Ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn và là ngành sản xuất vật chất, và là một trong những ngành mang tính xã hội rộng lớn có liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn không những sản xuất các sản phẩm thiết yếu của xã hội mà còn là ngành phúc lợi, bảo vệ và phát triển nguồn tài

nguyên vô cùng quý giá đó là đất, nước, rừng. Kết quả sản xuất nông nghiệp có tác động mạnh vào kinh tế - xã hội, môi trường. Những sản xuất nông nghiệp liên tục luôn phải đi kèm với tác động tiêu cực đến thiên nhiên, khí hậu, môi trường, chủ yếu từ việc sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ... nên không hợp đồng các nhà đầu tư. Trong khi đó, là một nước nông nghiệp, phát triển nông nghiệp có vai trò rất quan trọng đối với kinh tế - xã hội Việt Nam. Chính vì vậy, phát triển kinh tế xã hội cần tập trung ưu tiên cho nông nghiệp.

Nguồn vốn ODA chính là nguồn vốn ưu tiên để hỗ trợ Việt Nam thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, chuyển giao công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, hỗ trợ công cụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng phát triển canh tác cây lúa, đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam.

Tầm quan trọng của vốn ODA trong phát triển nông nghiệp có thể thấy rõ trong Quyết định số 290/2006/QĐ - TTg, ngày 29/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “nhập hàng thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA trong thời kỳ 2006 - 2010” và Nghị quyết số 131/2006/N - CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, trong đó ưu tiên tập trung sử dụng ODA vào “Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủ công nghiệp, lâm nghiệp, thú sản) kết hợp xóa đói, giảm nghèo”.

Thứ tự ưu tiên của vốn ODA giúp Chính phủ tập trung ưu tiên vào xây dựng các cơ sở hạ tầng nông thôn quan trọng như các tuyến đường giao thông nông thôn, liên kết liên huyện, liên xã, liên thôn để phát triển kinh tế, trao đổi hàng hoá nâng cao đời sống các hộ dân nghèo vùng sâu vùng xa; ưu tiên xây dựng các công trình thu hút quản lý, nâng cấp hệ thống tưới tiêu, xây dựng, giúp bà con nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thoát khỏi tình trạng đói nghèo, nâng cao đời sống nhân dân; ưu tiên trang bị khoa học công nghệ mới, tập trung vào phát triển mạnh mẽ cho nông nghiệp và nông thôn Việt Nam.

Ngoài ra, vốn ODA còn là nguồn vốn ưu tiên quan trọng và cần thiết giúp Chính phủ ưu tiên vào hỗ trợ công tác khuyến nông, nông sinh hoạt, y tế nông thôn, thay đổi cách nghĩ cách làm của người dân ở các vùng nông thôn nghèo, dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, góp phần quan trọng vào chương trình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.

## CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ NIỀM VUI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN BÀN TÊN QUẢNG TR

### 2.1. Vài nét tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Tr

Quảng Tr là một tỉnh duyên hải, nằm ở cửa biển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, nối liền hai miền Bắc - Nam. Phía Bắc, Quảng Tr giáp tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và vùng biên giới có chiều dài 206 km, phía Đông là biển với chiều dài là 75 km.

Vào vị trí trung tâm của nước, Quảng Tr là nơi mang tính chiến lược và lãnh thổ, khí hậu của cả phía Bắc lẫn phía Nam, nằm trên các trục giao thông quan trọng về đường bộ và đường sắt. Đó là một vị trí thuận lợi cho quá trình xây dựng nền kinh tế - xã hội mới, hình thành và phát triển khu vực và thế giới.

Nhìn lại những năm qua, cùng với sự đổi mới và mở cửa của cả nước, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực: quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, cơ sở hạ tầng cơ bản đã được đầu tư đáng kể, các lĩnh vực văn hóa xã hội và y tế ngày càng phát triển, trình độ dân trí ngày càng nâng cao. Nền kinh tế tỉnh đang từng bước phát huy các thế mạnh và phát triển những ngành mới, dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến nông sản, thủ công nghiệp, khai khoáng, trồng cây công nghiệp dài ngày, trồng rừng nguyên liệu, khai thác và nuôi thủy sản, mở rộng giao lưu kinh tế với trong nước và nước ngoài. Tiềm lực kinh tế của tỉnh ngày càng được củng cố và phát triển, năng lực nội sinh ngày càng được nâng cao cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Theo số liệu thống kê năm 2006-2013. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,06%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 22,9%, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4%, dịch vụ tăng 8,5%. Riêng năm 2008 do ảnh hưởng của lạm phát và suy giảm kinh tế, chỉ số kinh tế không thuận lợi nên tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh có giảm, đạt 10,3% (trong đó nông nghiệp tăng 2,3%, công nghiệp tăng 22,5%, dịch vụ tăng 7%); tuy nhiên GDP bình quân đầu người (giá HH) năm 2008 đạt 11,2 triệu đồng (với mức tiêu chuẩn QHRS là trên 10 triệu đồng).

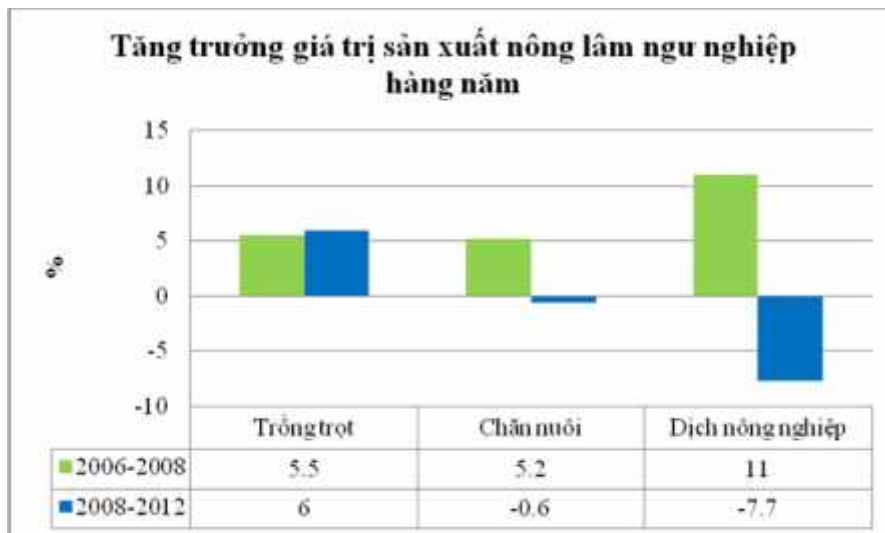
Nhìn chung tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong những năm qua đạt mức khá cao, duy trì tăng liên tục qua các thời kỳ. Ngành công nghiệp - xây dựng tăng trưởng nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Kinh tế nông nghiệp vẫn duy trì tăng trưởng khá ổn định. Khu vực dịch vụ tăng khá, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

So với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, tăng trưởng kinh tế của Quảng Trị mức thấp trung bình thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tăng trưởng công nghiệp - xây dựng vẫn còn thấp (thấp 5), khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng khá nhỏ, đứng thứ 2 (sau Thừa Thiên Huế) nhưng xu hướng tăng giảm dần. Thu nhập GDP/người thấp đứng thứ 4 trong vùng (cao hơn Hà Tĩnh, Thanh Hóa). Quảng Trị có một số sản phẩm nông sản có lợi thế so sánh trong vùng như sản lượng cà phê, cao su (đứng thứ nhất), chiếm phần lớn sản lượng toàn vùng.

Một số chỉ tiêu phát triển xã hội có một số điểm nổi bật: tỷ lệ hộ nghèo, giảm quy trình cơ sở nông thôn, tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở đứng thứ 3 trong vùng; tỷ lệ lao động có trình độ cao hơn đứng thứ 4. Một số chỉ tiêu về xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư phát triển, thu ngân sách có một số điểm thấp so với các tỉnh khác trong vùng, đặc biệt là kim ngạch xuất khẩu còn rất nhỏ bé.

Tuy nhiên kinh tế Quảng Trị duy trì mức tăng trưởng ổn định nhìn chung vẫn thấp hơn so với tỉ mỉ và thấp hơn so với nhiều tỉnh trong khu vực miền Trung (cao hơn các tỉnh Hà Tĩnh, Thanh Hóa và Ninh Thuận). Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân thấp hơn. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các nhân tố phát triển theo chiều rộng, tập trung phát triển những sản phẩm truyền thống, công nghệ thấp, chất lượng không cao, khả năng cạnh tranh kém. Tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động chưa được khai thác triệt để. Nguồn lực trong dân cư chưa được phát huy...

## 2.2. Tình hình nông nghiệp trong thời gian 2006-2012



**Biểu đồ 1: Tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp hàng năm tại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2012.**

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2006-2010 bình quân hàng năm (giá HH) đạt 3.612 triệu đồng, trong đó trồng trọt 2.688 triệu đồng (chiếm 74%), chăn nuôi 724 triệu đồng (chiếm 20%), dịch vụ 201 triệu đồng (chiếm 6%).

### **2.2.1. Trồng trọt**

Trồng trọt phát triển theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, và thâm canh tăng năng suất. Năm 2008, sản lượng lương thực có hạt đạt 226.2 nghìn tấn, trong đó sản lượng thóc 218.37 nghìn tấn, lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 357.4 kg/người. Diện tích cây công nghiệp dài ngày có xu hướng tăng: cao su 13714 ha, sản lượng 13554 tấn; cà phê 4335 ha, sản lượng 6127.5 tấn; hồ tiêu 2190 ha, sản lượng 1759 tấn. GTSX nông nghiệp/ha đạt canh tác nông nghiệp năm 2008 đạt 45.4 triệu đồng (chỉ tiêu tính bình quân GTSX nông nghiệp/tăng diện tích sản xuất nông nghiệp).

Một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung đã và đang hình thành và phát triển ngày càng rõ nét như vùng lúa tập trung các huyện Tri Tôn, Hố Lũng, Vĩnh Linh khoảng 9000 ha; vùng sản xuất nguyên liệu Hồ tiêu Hóa và các huyện trong tỉnh với diện tích 8500 ha; vùng cao su trồng tập trung, cao su tiểu điền và vùng hồ tiêu tập trung các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ; cà phê huyện Hồ tiêu Hóa; vùng rau củ thực phẩm trên vùng cát ven biển.

Đã có nhiều mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình nông hộ có hiệu quả. Việc đẩy nhanh tiến độ áp dụng công nghệ sinh học vào kỹ thuật nuôi trồng và chế biến sản phẩm nông nghiệp và quy mô tập trung. Nhiều ngành nghề nông thôn có khôi phục, phát triển góp phần tạo thêm nhiều việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

### **2.2.2. Chăn nuôi**

Ngành chăn nuôi phát triển nhanh chóng trong thời kỳ 2006 - 2008 nhờ do dịch bệnh, thiên tai và giá cả đầu vào tăng cao nên việc phát triển chăn nuôi trong giai đoạn 2008-2012 gặp nhiều khó khăn, tỷ trọng chăn nuôi đạt 25.2% năm 2008 giảm xuống còn 24.5% vào năm 2009 và chỉ còn 20% vào năm 2010. Tuy nhiên, chăn nuôi đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, các tiến bộ về kỹ thuật cũng đang dần nâng cao chất lượng sản phẩm.

Năm 2012, tổng đàn trâu có 35617 nghìn con, đàn bò 69086 nghìn con, đàn lợn

2221674 nghìn con, đàn gia cầm 1497.4 nghìn con. Sản lượng thịt heo các loại đạt 21.7 nghìn tấn. Đã hình thành một số mô hình chăn nuôi trang trại, công nghiệp có qui mô lớn. Tuy chăn nuôi có bước phát triển khá nhanh song còn phân tán, qui mô còn nhỏ, chưa chuyên nghiệp, dịch bệnh luôn tiềm ẩn.

### **2.2.3. Lâm nghiệp**

Công tác trồng rừng được chú trọng mở rộng, giai đoạn 2006-2010 bình quân hàng năm trồng mới 5127 ha rừng tập trung, nâng che phủ rừng lên 46.7% cuối năm 2010. Sản lượng gỗ khai thác trồng rừng tự nhiên hàng năm qua các năm và năm 2006 đã thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên. Sản lượng gỗ rừng trồng khai thác trồng qua các năm và năm 2010 đạt 124.3 nghìn m<sup>3</sup>. Đã hình thành vùng rừng nguyên liệu các huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh... cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy ván nhân tạo (MDF). Trồng rừng phòng hộ có bước chuyển biến tích cực, bước đầu mở rộng nhu cầu phòng hộ đầu nguồn các sông, các hồ chứa, công trình thủy lợi, vùng cát ven biển, cải tạo môi trường khí hậu... Khâu bảo vệ, chăm sóc, tu bổ rừng trồng bước đầu có ý nghĩa, trồng cây phân tán các công viên rừng. Thành tích thực hiện xã hội hóa ngành rừng. Tiếp tục triển khai công tác giao rừng, giao đất giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ sản xuất lâm nghiệp. Lâm nghiệp đã góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn văn hóa, xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế.

### **2.2.4. Thủy sản**

Những năm gần đây ngành thủy sản được khuyến khích phát triển mạnh. Tổng sản lượng thủy sản năm 2008 đạt 21550 tấn, trong đó sản lượng khai thác 16447 tấn, sản lượng nuôi 5103 tấn.

- Ảnh hưởng phát triển chậm rãi, gặp khó khăn về kỹ thuật và kinh nghiệm. Tàu thuyền đánh cá trong tỉnh công suất nhỏ dưới 20CV chiếm 75%, hoạt động ảnh hưởng vùng ven biển nên năng suất, chất lượng sản phẩm thấp. Phần lớn ngư dân thiếu vốn nâng cấp, sửa chữa tàu thuyền, trang bị lưới, dụng cụ nghề cá. Quy trình có 3 công cá là Cá Vịt, Cá Túng và Cá Chép, tuy nhiên các công cá chưa được chú trọng, thiếu các khu neo đậu, trú tránh bão cho tàu đánh cá.

- Ch bi n th y s n xu t kh u còn kém phát tri n do ngu n nguyên li u không u, ch a m b o quanh n m; các doanh nghi p ch bi n xu t kh u ang có quy mô nh , ch a có b n hàng l n và th tr ng xu t kh u tr c ti p.

- Nuôi tr ng th y s n ang c chú tr ng phát tri n nh m phát huy l i th v bi n, sông, h và t c nh ng b c chuy n bi n tích c c. N m 2008, di n tích m t n c nuôi tr ng thu s n phát tri n nhanh, t 2.518 ha (t ng 1588 ha so n m 2000); di n tích nuôi n c ng t ti p t c c m r ng t 1713 ha n m 2008 (t ng 1018 ha so n m 2000); t nh có 5 tr i gi ng tôm, áp ng c 50% nhu c u tôm gi ng cho s n xu t.

### 2.3. Tình hình s d ng ODA trên a bàn t nh nói chung

#### 2.3.1. Tình hình ký k t và gi i ngân v n ODA

**B ng 1: Ngu n v n ODA ti p nh n và th c hi n th i k 2006-2012**

n v tính: tri u USD

Giai o n	ODA KÝ K T THEO HI P NH			ODA GI I NGÂN		
	T ng s v n ODA	Trong ó		T ng s v n ODA	Trong ó	
		Vi n tr không hoàn l i	V n Vay		Vi n tr không hoàn l i	V n vay
2006-2010	76.34	7.74	68.61	74.81	7.70	67.11
2011-2012	212.87	14.9	195.79	20.81	12.13	8.68
T ng s	289.21	22.64	264.4	95.62	19.83	75.79

(Ngu n: S K ho ch u t t nh Qu ng Tr )

Trong nh ng n m qua, cùng v i xu th h i nh p, m r ng giao l u kinh t và t ng c ng quan h i ngo i c a c n c, t nh Qu ng Tr ã t c nhi u k t qu có ý ngh a trong vi c thu hút và s d ng ngu n v n h tr phát tri n chính th c (ODA). Ngu n v n này ã và ang óng góp cho phát tri n kinh t - xã h i, xoá ói gi m nghèo, nâng cao n ng l c và thúc y quá trình phát tri n nhanh và b n v ng g n v i b o v môi tr ng trong t nh.

Trong giai o n 2006 - 2010, t ng giá tr v n ODA và các kho n v n vay u ãi khác c th c hi n là 289.21 tri u USD v i 63 ch ng trình, d án. Bên c nh ó,



có 17 dự án chuyển tiếp từ các năm trước sang thế kỷ mới trong giai đoạn 2006 - 2010, với tổng số chuyển tiếp thế kỷ mới khoảng 63.25 triệu USD. Xét về hình thức cung cấp ODA, vốn ODA không hoàn toàn là chi m khoảng 10.1% và vốn ODA vay ưu đãi chi m 90.9%. So với giai đoạn 2001 - 2005, vốn ODA ký kết mới trong giai đoạn 2006 - 2010 và năm 2011 tăng 43.51%.

Tổng vốn ODA ký kết trong các giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 95.62 triệu USD; Trong đó: thu hút được 25 dự án ODA và có 4 dự án ODA quy mô lớn chuyển tiếp từ giai đoạn 2001 - 2005. Nhiệm vụ chính và dự án ODA có quy mô lớn, có triển khai thế kỷ mới có ưu tiên: Chương trình phát triển nông thôn Quảng Trị - giai đoạn 3, Dự án Chia sẻ, Dự án giảm nghèo miền Trung, dự án nâng cấp hạ tầng thu nhập tại Nam Thành Hải, tiếp tục dự án chính trị vùng trung huyện Hải Lăng, dự án phát triển nông thôn tổng hợp và các dự án thu hút vốn JBIC (Nhật Bản) thế kỷ mới các hoạt động xóa đói giảm nghèo, rà phá bom mìn, tăng cường năng lực và phòng chống, giảm thiểu thiên tai.

Tính cả chương trình xây dựng danh mục các chương trình, dự án ưu tiên; tiến hành công tác vận động mời gọi các nhà tài trợ và các cơ quan của Chính phủ; phối hợp tổ chức đàm phán, ký kết điều ước quốc tế khung về ODA; chuẩn bị văn kiện chương trình, dự án; tổ chức và phối hợp thẩm định, phê duyệt nội dung văn kiện; tham gia đàm phán, ký kết điều ước quốc tế; tổ chức thế kỷ mới và theo dõi, đánh giá, nghiệm thu, quy toán và bàn giao kết quả chương trình, dự án ODA.

### **2.3.2. Các nhà tài trợ**

Tính Quảng Trị chính thức thiết lập mối quan hệ hợp tác phát triển với các nhà tài trợ từ năm 1996. Mục tiêu hướng dẫn cho số kiện này là sự tiếp nhận các dự án tín dụng ưu đãi xã hội tổng quy mô nhà tài trợ bằng nguồn vốn của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC). Từ 1996 đến nay, tính Quảng Trị tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác với 20 nhà tài trợ khác bao gồm: Úc, Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy, Tây Ban Nha, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới, Hàn Quốc, Liên Hiệp Quốc, Ý, Rệp Xê Út và Quỹ OPEC vì phát triển quốc tế (OFID)....

Có nhiều nhà tài trợ ngày càng phát triển và mở rộng hợp tác với nhiều thông qua việc tăng số lượng và quy mô dự án tài trợ qua tổng năm như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới...

Qua từng giai đoạn hợp tác, các dự án phát triển có những thay đổi về chỉ số hợp tác như các dự án tài trợ ngày càng chú trọng vào tính liên kết vùng nhằm tạo ra mạng lưới phát triển cơ sở phát huy tiềm năng lợi thế địa phương cùng phát triển, tăng cường xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu...

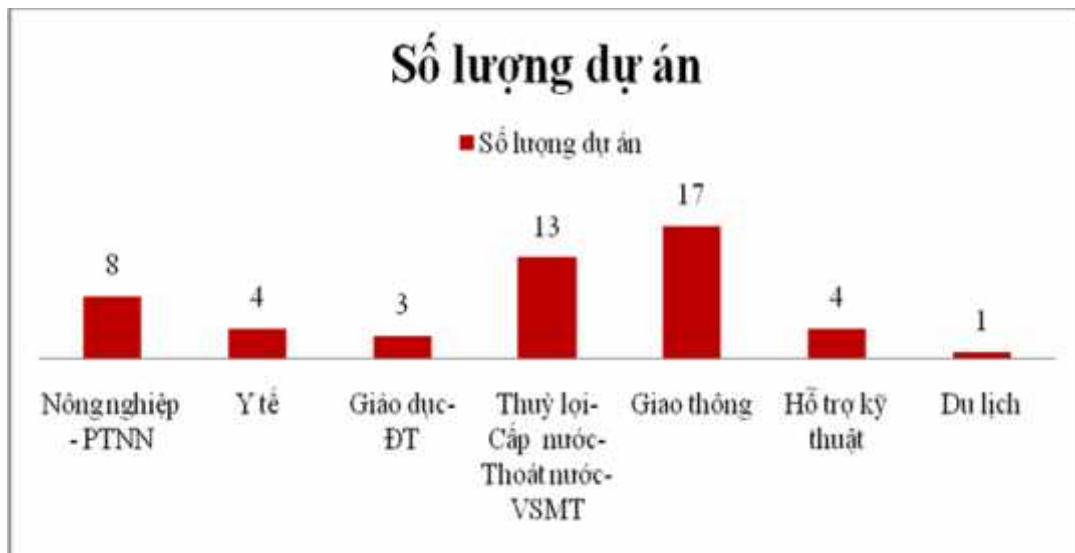
Trong các nhà tài trợ nguồn vốn ODA cho tỉnh Quảng Trị, Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) là một trong những nhà tài trợ lớn nhất của tỉnh Quảng Trị trong gần hai thập kỷ qua. Vốn viện trợ của ADB chiếm gần 52% tổng vốn ODA và vốn tài trợ của WB chiếm hơn 18% tổng vốn ODA dành cho tỉnh.

Các nhà tài trợ khác tuy vốn tài trợ ODA không lớn nhưng cũng đã có tác động lớn trong quá trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Ngoài các nhà tài trợ truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, ADB, WB... tỉnh Quảng Trị đã phát triển quan hệ hợp tác với các dự án như Ráp Xê Út, Quỹ OPEC vì phát triển quốc tế (OFID).

#### 2.4. Tình hình sử dụng vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

##### 2.4.1. Tình hình phân bổ ODA cho nông nghiệp và các ngành khác

(Đơn vị: Triệu USD)



**Biểu đồ 2: Số lượng các dự án ODA trong các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2006-2012**

Biểu đồ 2 cho thấy ngành nông nghiệp có số vốn tài trợ ODA đứng thứ 3, chèn các dự án thủy lợi không chỉ tập trung vào nông nghiệp và phát triển nông thôn. Như vậy, rõ ràng, nông nghiệp vẫn là một trong những ngành ưu tiên đầu tư phát

trị n, tranh thủ hỗ trợ ngân sách trung ương và địa phương, và các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn ODA, giúp ngành nông nghiệp giải quyết khó khăn và phát triển.

**Bảng 2: Tình hình phân bổ ODA cho nông nghiệp và các ngành khác giai đoạn 2006-2012**

STT	Ngành/lĩnh vực	Tổng vốn (tỷ USD)	Tỉ lệ (%)
1	Nông nghiệp PTNT – XGN	149.50	28.39
2	Giáo dục – Đào tạo	23.45	4.45
3	Y tế	17.23	3.27
4	Thủy lợi – cấp nước – thoát nước – VSMT	135.28	25.69
5	Điện – giao thông – đô thị	189.78	36.04
6	Hỗ trợ kỹ thuật	9.65	1.83
7	Du lịch	1.73	0.33
	Tổng cộng	526.61	100.00

(Nguồn: Số liệu kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị)

Theo số liệu bảng trên, ta thấy Nông nghiệp PTNT – XGN chiếm 28.39%, gần 1/3 số vốn ODA các nhà tài trợ đầu tư cho nông nghiệp nói chung của tỉnh Quảng Trị, lớn hơn số vốn các ngành kinh tế khác. Chính phủ phân bổ vốn vào điện – giao thông – đô thị, vì đây là một ngành có chi phí đầu tư cao và cần thiết trong quá trình xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giúp cải thiện đời sống cho nhân dân, đồng thời là bước đệm trong tiến trình thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước phát triển tỉnh Quảng Trị. Ngành nông nghiệp nói chung của các nhà tài trợ và quan chức quốc tế vì phát triển công nghiệp làm, cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống kỹ thuật và tinh thần của nhân dân thu hẹp các huyện nghèo của Quảng Trị thông qua các dự án phát triển các mô hình trồng rau xanh, chăn nuôi trâu bò, lợn gà hay các kỹ thuật chăm sóc khai thác các vùng tiêu, cao su. Hỗ trợ phát triển rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh.

#### 2.4.2. Mối quan hệ nhà tài trợ chính của tỉnh Quảng Trị trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2006-2012

Ngành nông nghiệp Quảng Trị bắt đầu nhận nguồn vốn ODA từ năm 1996, hoạt động tài trợ chủ yếu là từ các tổ chức của Liên Hợp Quốc như: các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

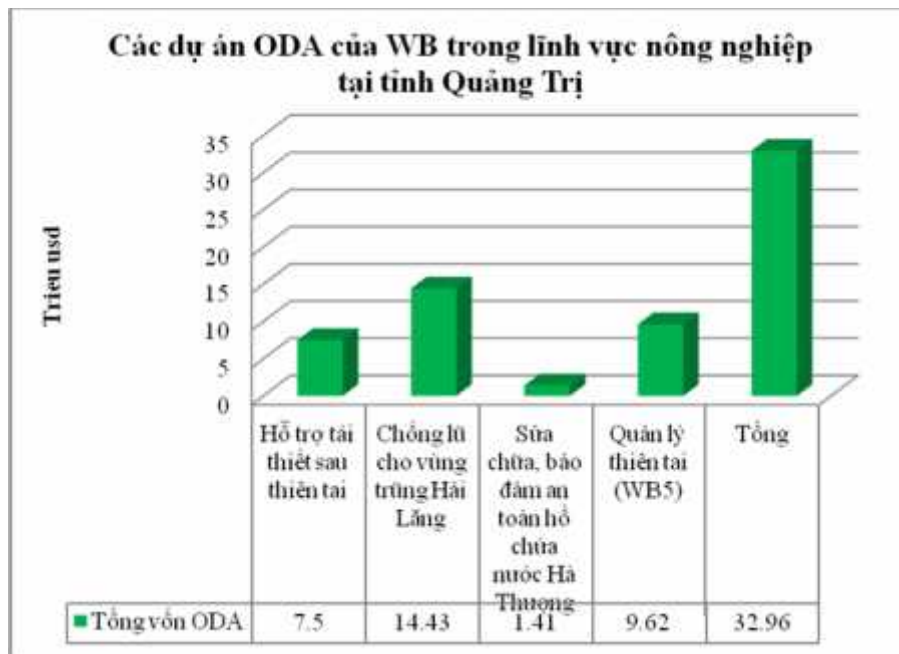
và một số nhà tài trợ song phương lớn bắt đầu nhập cư. Các nhà tài trợ lớn nhất các năm qua (từ năm 1996 đến nay) trong ngành nông nghiệp có thể kể đến: Nhật Bản, Hàn Quốc, Phn Lan, Thụy Sĩ, Na Uy, Tây Ban Nha, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới, Hàn Quốc, Liên Hiệp Quốc.

Có nhiều nhà tài trợ ngày càng phát triển và mở rộng hợp tác với tỉnh thông qua việc đầu tư công lập và quy mô đầu tư tài trợ qua ngân sách: Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong các nhà tài trợ lớn nhất ngành nông nghiệp có hai nhà tài trợ có giá trị vốn đầu tư lớn nhất và có những hợp tác với tỉnh phát triển nông nghiệp thông qua Quỹ Tr� WB và ADB. Chính vì vậy, tình hình cam kết vốn đầu tư và giải ngân vốn ODA của hai nhà tài trợ này có những ảnh hưởng lớn đến toàn bộ tình hình cam kết vốn đầu tư cho nông nghiệp thông qua. Số liệu về tình hình tài trợ của 02 nhà tài trợ này trong thời gian từ 2006-2013 qua như sau:

+ Ngân hàng Thế giới (WB): Tính đến năm 2006, tỉnh Quỹ Tr� đã ký kết với WB 4 dự án với tổng trị giá trên 32.96 triệu USD, chủ yếu là vay ưu đãi chiếm 32.9% so với tổng vốn tài trợ cho lĩnh vực nông nghiệp công nghệ. Các dự án của WB tài trợ cho nông nghiệp công nghệ Tr� thể hiện qua biểu đồ sau:

(Đơn vị: triệu USD)

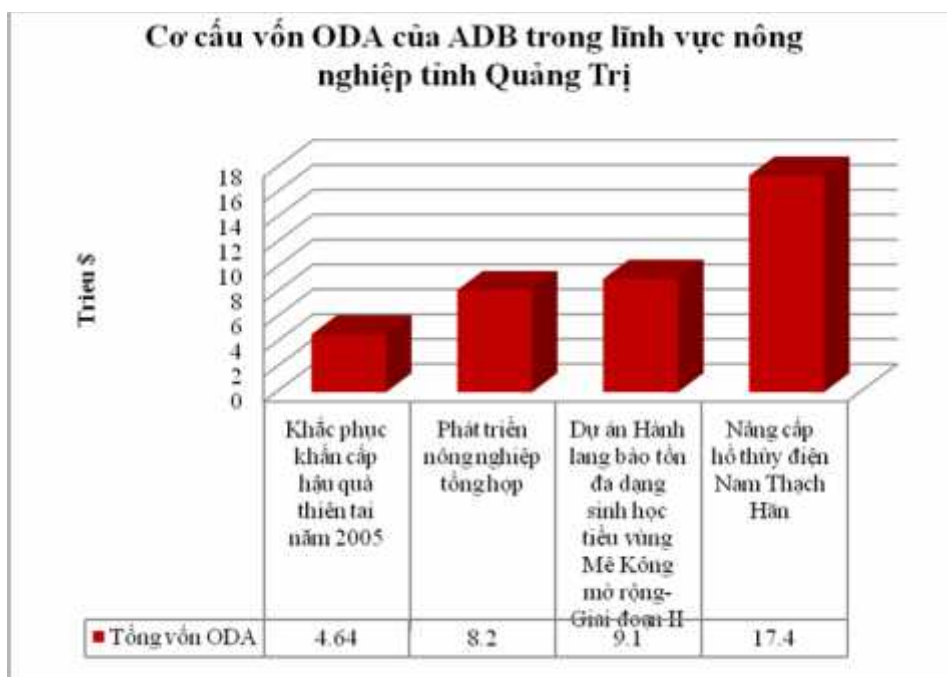


**Biểu đồ 3: Các dự án ODA của WB trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua Quỹ Tr� giai đoạn 2006-2012**

+ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB): ADB là Ngân hàng phát triển khu vực, có mối liên hệ gắn bó với Việt Nam vào năm 1993. ADB là một trong những

nhà tài trợ a ph ng c bi t quan tâm n u t phát tri n nông nghi p Vi t Nam. Trong giai o n 1993 - 2006 ADB ã giành 31% trong t ng s v n tài tr cho Vi t Nam u t cho phát tri n nông nghi p. T i t nh Qu ng Tr , giai o n 2006-2013 ADB ã ký k t v i t nh 4 d án, v i t ng s v n là 39.34 tri u USD. Các d án ODA c a ADB ch y u trong các l nh v c kh c ph c thiên tai, b o v a d ng sinh h c, phát tri n th y l i.

Các d án ODA cho t nh Qu ng Tr trong l nh v c nông nghi p c a ADB c th hi n b ng hình sau:



**Bi u 4: C c u v n ODA c a ADB trong l nh v c nông nghi p t nh Qu ng Tr**

### 2.4.3. M c tiêu c a các nhà tài tr khi u t cho nông nghi p

Tùy t ng nhà tài tr và các m c tiêu c th cho t ng d án các nhà qu n lý v ch ra nh ng m c tiêu c th hóa nh ng hành ng cho t ng d án cho nông nghi p, tuy nhiên, t trung l i, các m c tiêu này xoay quanh các ngành chính sau:

#### 2.4.3.1. Tr ng tr t

a m t s gi ng n ng su t cao và n nh phù h p i u ki n a ph ng, c bi t chú tr ng t ng di n tích lúa n c, di n tích lúa c n trên t b ng không th khai thác c lúa n c. ng th i t p trung phát tri n cây công nghi p ng n ngày và dài ngày nh l c, ngô, u xanh, h tiêu xây d ng mô hình (có h tr d án) cây n qu nh xoài, nhãn, v i, cam, quýt, nh m t ng thu nh p.

#### 2.4.3.2. *Chăn nuôi*

Tận dụng trí tuệ các sản phẩm công nghệ, các bãi đất nông nghiệp các loại thích hợp biến đổi quy mô phát triển chăn nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường cho tiêu dùng và dùng mặt phân bón công nghệ. Tăng bước phát triển chăn nuôi bán công nghiệp tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa tập trung, chú trọng khâu chuồng trại, công tác thú y, thức ăn.

#### 2.4.3.3. *Lâm nghiệp*

Thúc đẩy phát triển sản xuất lâm nghiệp cận giao diện tích trồng hiện có của gia đình quản lý bảo vệ chặt chẽ rừng tự nhiên hiện có, cấm đốt vì khai thác rừng bả bãi, trái phép. Ngành trồng rừng sản xuất trên diện tích đất không thuộc vào khai thác mục đích nông nghiệp, diện tích trồng rừng 150 ha. Năm 2013 tăng che phủ lên 41.4% có tác động bảo vệ rừng xói mòn và cải thiện môi trường sinh thái.

#### 2.4.3.4. *Mở cửa thị trường dịch vụ nông nghiệp*

Trước tiên ưu tiên các công trình phục vụ sản xuất và phục vụ sinh hoạt của nhân dân, mở cửa công trình thủy lợi cùng với hệ thống kênh mương, các công trình thoát nước sinh hoạt, hệ thống giao thông liên thôn, nội thôn.

#### 2.4.3.5. *Dịch vụ cung ứng vật tư*

Do vốn tích lũy của người dân không có, ngành chi phí bỏ vào sản xuất nông nghiệp rất lớn. Nhà cung cấp mặt cách chế tạo kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông nghiệp trong mùa vụ, ghi quy tắc thời gian tưới cho bà con.

### 2.4.4. **Mở cửa thị trường và bàn nhân sự quan tâm của các nhà tài trợ**

#### 2.4.4.1. *Mở cửa thị trường nhân lực tài trợ*

Quảng Trị có 8 huyện lỵ xã và 1 thành phố. Tất cả các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh đều có tiềm năng nguồn vốn ODA, tập trung chủ yếu vào các vùng nông thôn vùng giáp biên giới khó khăn, đặc biệt là các xã miền núi và vùng ven biển nơi có tình trạng nghèo đói rất cao, như huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa, góp phần cải thiện cuộc sống người dân, phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy lãnh đạo các cấp cam kết mạnh mẽ của ngành水利, góp phần đẩy nhanh các bước chuẩn bị đầu tư, triển khai xây dựng, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, ngành ghi quy tắc các vấn đề nhanh chóng trong quá trình thực hiện đầu tư.

Tuy nhiên, huyện Gio Linh là một huyện miền núi thành lập, số người dân ít, thị trường, nên việc đầu tư xây dựng không mang hiệu quả, hay tác động lớn đến sự phát triển

chung các tác nhân. Hơn nữa đây là ưu tiên tiêu, mang tính an ninh quốc phòng nên không nên có sự hỗ trợ các dự án ODA. Sự hỗ trợ phía chính quyền và nhân dân địa phương nào đã đáp ứng nhu cầu của người dân sinh sống huyện. Vì thế, trong 8 huyện lỵ xã và 1 thành phố của tỉnh Quảng Trị, đây là địa phương duy nhất không nhận được sự hỗ trợ của ngân quỹ ODA.

**Bảng 3: Danh mục các dự án nguồn vốn tài trợ từ ngân quỹ ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2012**

Tên chương trình, dự án ODA	Nhà tài trợ	Địa điểm	Thời gian KC-HT
Chia sẻ - Giai đoạn I	Thụy Điển	Vĩnh Linh	2004-2007
Chia sẻ - Giai đoạn II	Thụy Điển	Gio Linh	2009-2013
Dự án PTNT tổng hợp tại huyện miền Trung, tỉnh Quảng Trị	ADB	Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Akrông, Triệu Phong, Hải Lăng, Đông Hà	2008-2013
Nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thành Hãn	ADB	Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị	2010-2012
Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai tỉnh Quảng Trị	WB	Toàn tỉnh	2011-2013
Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2005 tỉnh Quảng Trị	ADB	Toàn tỉnh	2007-2010
Dự án Phế tích và quản lý bùn vng rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị	JICA	H. Hóa, T. Phong, G. Linh và H. Lăng	2012-2021
Dự án Hành lang bộ tuyến đường sinh kế tiểu vùng Mê Kông miền Trung-Giai đoạn II	ADB	Akrông, Huyện Hóa	2011-2019
Chương trình cho vùng trồng Hải Lăng	WB	Hải Lăng	2008-2010
Sách vở, nâng cấp bộ môn an toàn học cho cán bộ Hà Tĩnh	WB	Gio Linh	2007-2009
Nâng cấp cơ sở hạ tầng Thác Heo	JBIC	Hải Lăng	2008-2009
Hệ thống thủy lợi Lìa	JBIC	Huyện Hóa	2006-2007
Quản lý thiên tai (WB5)	WB	Toàn tỉnh	2013-2019

(Nguồn: Số Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị)

#### 2.4.4.2. M t s l nh v c nh n tài tr

✓ Phát tri n s n xu t nông lâm nghi p, b o m an ninh l ng th c

Nh m m b o an toàn l ng th c cho h gia ình, c i ti n k thu t, t ng n ng su t cây tr ng, v t nuôi, gi m tình tr ng suy dinh d ng m t cách b n v ng.

Phát tri n ngành ngành m i, cho lao ng không phù h p nông nghi p, khuy n khích các lo i hình thu nh p t ch n.

✓ Xây d ng h th ng h t ng nông thôn

Nh m t o i u ki n cho ng i dân ti p c n các phúc l i xã h i, t o thêm vi c làm, gi m chi phí u vào, có th tr ng tiêu th s n ph m.

✓ Cung c p các d ch v kinh t xã h i

Nh m nâng cao kh n ng s n xu t h giá thành, m r ng th tr ng tiêu th s n ph m, nâng cao trình dân trí, nâng cao ch t l ng cu c s ng c a ng i dân.

✓ Nâng cao n ng l c m i m t cho ng i dân

T o i u ki n cho ng i dân có kh n ng ti p c n nh ng công ngh và k thu t m i, nâng cao hi u bi t v t nhiên và xã h i.

#### 2.4.5. Tình hình ký k t các kho n vay

i v i t nh Qu ng Tr , nông nghi p là m t ngành quan tr ng có óng góp l n i v i s phát tri n kinh t xã h i c a t nh. Qu ng Tr có i u ki n v t nhiên nh khí h u, n c, t ai, th nh ng phù h p phát tri n nông nghi p, ng th i ng i dân có truy n th ng s n xu t nông nghi p t xa x a. Vì v y, trong các quy ho ch, k ho ch phát tri n kinh t , các c p chính quy n r t chú tr ng n phát tri n nông nghi p. Ngu n v n ODA là kênh v n quan tr ng h tr phát tri n nông nghi p. T n m 2006 n n m 2013, t ng v n ODA ký k t c t nh là 451.47 tri u USD, trong ó, ODA cho nông nghi p là 99.88 tri u USD, chi m h n 22% trong t ng s các ngành. i u ó ch ng t nông nghi p v n là m t ngành nh n c s quan tâm r t l n c a các nhà tài tr .



**Bảng 4: Các nguồn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp và ODA các tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2006-2008**

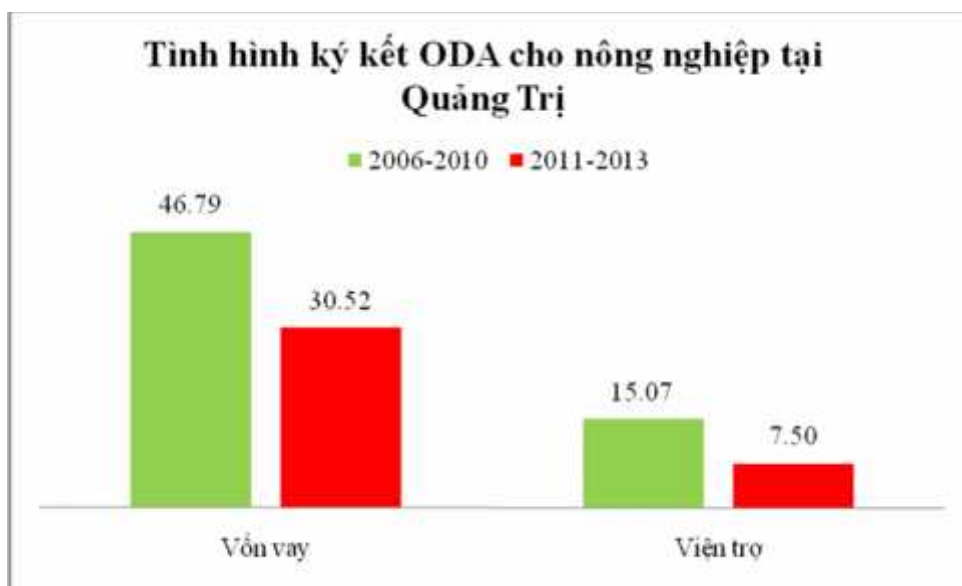
Đơn vị: Triệu USD

TT	Nội dung	Tổng ODA ký kết	ODA vay	ODA viện trợ	Tỷ lệ viện trợ / tổng (%)
1	Tổng ODA các ký kết trong tỉnh	451.47	409.27	42.21	9.26
2	ODA cho ngành nông nghiệp	99.88	77.31	22.57	22.11

(Nguồn: Sổ Kế hoạch phát triển Quảng Trị)

Chi tiết các thể hiện như sau:

Trong giai đoạn 2006-2012, tỉnh Quảng Trị đã đàm phán, ký kết với 5 nhà tài trợ với 13 dự án phát triển nông nghiệp có tổng vốn tài trợ 99.88 triệu USD, trong đó có 77.31 triệu USD vốn vay và 22.57 triệu USD vốn ODA không hoàn lại. Tính trung bình chung thì, tỷ lệ vốn ODA không hoàn lại trong nông nghiệp tại Quảng Trị, chỉ chiếm 22.5%.



**Bảng 5: Tình hình ký kết ODA cho nông nghiệp tại Quảng Trị (Triệu USD)**

Trong thời kỳ 2006-2013, giai đoạn 1 với những khó khăn liên tiếp nên huy động các nguồn ODA nhiều hơn, một lý do nữa có liên quan đến việc thực hiện các dự án là do cùng với xu hướng viện trợ ODA năm 2006 tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn các con số viện trợ rất lớn, đặc biệt khi

hoạch định ưu tiên ưu tiên cao vì cơ sở định vị n trọng là cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Vì đây là thị trường Việt Nam và gia nhập WTO, nên Việt Nam nhận được nhiều sự quan tâm, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có vốn ODA, thậm chí Quốc gia chấp hành các chính sách thu hút vốn nước ngoài nhằm khuyến khích đầu tư này. Trong giai đoạn sau, trong bối cảnh nền kinh tế thị trường gặp nhiều khó khăn, khủng hoảng kinh tế thế giới nhiều nhà đầu tư nước ngoài ODA từ các nước rút.

Đặc biệt về vay: trong các giai đoạn, thậm chí Quốc gia đã thu hút được 10 dự án từ các nhà tài trợ như ADB, WB, JBIC và các ngân hàng khác với tổng vốn khoảng 77.5 triệu USD. Một số dự án tiêu biểu như khu công nghiệp thiên tai tại tỉnh Quảng Trị do ADB làm chủ đầu tư với vốn vay là 4.64 triệu USD, “Chương trình cho vùng trồng Hải Lang” do WB đầu tư với vốn là 14.03 triệu USD.

Đặc biệt về vị n trọng không hoàn toàn: có 3 dự án nhận được vốn vị n trọng không hoàn toàn từ Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng thế giới (WB) với tổng vốn đầu tư là 22.57 triệu USD.

#### 2.4.6. Tình hình giải ngân

**Bảng 5: Tình hình giải ngân ODA của tỉnh Quảng Trị trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2008- 2012**

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Khoạch giải ngân			Luồng giải ngân thực tế		
	Vốn ODA	Vốn vay	Tổng	Vốn ODA	Vốn vay	Tổng
2008	245931	87468	333399	215599	35270	250869
2009	319791	50380	370171	342663	52652	395315
2010	235931	56041	291972	266705	48130	314835
2011	277121	47727	324848	238565	41421	279986
2012	183171	49741	232912	233488	44362	277849
Tổng	1261945	291357	1553302	1297020	221835	1518854

(Nguồn: Số liệu kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị)

- Năm 2008, các chương trình, dự án ODA trên bàn đàm phán trung yếu nhanh tiến thực hiện và giải ngân các nguồn vốn nhàn rỗi cho các năm. Tháng 10 năm 2008 có nhiều biến động tiêu cực của thị trường phát triển kinh tế trong nước tác động rất lớn đến tiến độ thực hiện các chương trình, dự án ODA trên bàn đàm phán. Năm 2008, triển khai thực hiện các chương trình, dự án thu hút nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi là hơn 250869 triệu USD, trong đó nguồn vốn tài trợ ODA là hơn 215599 triệu USD và nguồn vốn vay ưu đãi là 3527 triệu USD. Một số dự án do thị trường biến động đã huy động đóng góp của người dân và công nhân lao động.

Trong năm 2009, một số chương trình, dự án ODA liên tục bị hoãn tiến độ thực hiện như dự án Giảm nghèo miền Trung (ADB), Dự án Cải thiện môi trường miền Trung (ADB), Dự án Chia sẻ (Thylen), Chương trình PTNT Quảng Trị (Phan Lan)... Vì vậy, Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương ưu tiên bố trí bổ sung vốn vay ưu đãi năm 2009 cho các dự án ODA thực hiện chậm tiến độ.

Nhìn chung, các dự án triển khai có chất lượng và tiến độ thực hiện, tuân thủ quy định và các nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ. Các Ban quản lý dự án có thẩm quyền, linh hoạt trong việc thực hiện các dự án. Các biện pháp tăng cường vai trò của người dân cho các chương trình, dự án ODA.

Việc giải ngân các dự án trong năm 2010 tiếp tục tăng cao do một số dự án có quy mô lớn như Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thanh Hải (giải ngân 92.5/441 triệu USD), Dự án phát triển nông thôn mới huyện Quảng Trị (năm cuối năm 2009 giải ngân 10.65 triệu USD/154.9 triệu USD), Dự án Chống lũ cho vùng trung huyện Hải Lăng (năm cuối năm 2009 giải ngân 114.7 triệu USD/211.4 triệu USD) phải thực hiện nhanh tiến độ thực hiện, một bộ phận hoàn thành khối lượng theo đúng tiến độ kế hoạch đã ký kết.

Một số dự án về thủy lợi do trượt giá vật tư và nhân công phải phê duyệt lại chi phí dự án nên tiến độ giải ngân chậm so với kế hoạch. Các BQL dự án đã thực hiện nhanh tiến độ trao đổi và tiến độ giải ngân.

Bên cạnh đó, nhu cầu vốn vay ưu đãi của các dự án bình quân hàng năm khoảng 100 triệu USD. Trên thực tế, Trung ương chỉ hỗ trợ vốn vay ưu đãi 30 - 35 triệu USD, áp dụng khoanh 40% nhu cầu vốn vay ưu đãi của địa phương. Là một tỉnh nghèo, tích lũy nội

b còn th p nên t nh không kh n ng b trí p n v n i ng còn l i cho các d án m b o t i n th c hi n theo nh cam k t v i nhà tài tr .

Trong n m 2011, k t qu th c hi n các ch ng trình, d án ODA trên à bàn t nh Qu ng Tr t c k t qu khá cao. Các ch ng trình, d án tri n khai th c hi n luôn tuân th ch t ch các quy nh và nguyên t c v qu n lý và s d ng ngu n v n ODA c a Chính ph Vi t Nam và các nhà tài tr . Ngoài vi c óng góp, tham gia c a ng i dân h ng l i, thì s ch ng, linh ho t trong vi c t ch c th c hi n, i u hành c a Ban qu n lý d án các c p và s ch o, h ng d n k p th i c a UBND t nh, UBND các huy n c ng nh s ph i h p ng b gi a các Ban, Ngành c p t nh, huy n có liên quan là y u t óng vai trò quan tr ng, b o m cho các ch ng trình, d án tri n khai và ho t ng có hi u qu , c bi t là t nh ã c g ng t i a b trí v n i ng cho các ch ng trình, d án ODA theo úng cam k t. Các d án có k t qu gi i ngân th p trong n m 2011 là do ký k t th a thu n vào tháng 10/2011 ho c do v ng m c v th t c gi i ngân. V n i ng còn thi u so v i KH ã c các c p có th m quy n phê duy t, nên m t s gói th u hoàn thành không v n thanh toán.

N m 2012, trong b i c nh ngu n cung ODA th gi i có d u hi u gi m sút do kinh t m t s n c cung c p ODA cho Vi t Nam g p khó kh n, ngu n v n ODA cam k t cho Vi t Nam gi m, trong khi nhu c u ODA c a các n c ang phát tri n ngày càng gia t ng.

M t s d án thi u v n i ng trong n m 2012, UBND t nh ã b trí t ngu n ngân sách t nh 1000 tri u ng b trí i ng cho các d án ODA trên à bàn ng th i huy ng s óng góp c a ng i h ng l i b ng công lao ng.

Trong n m 2013, nhi u d án ODA tri n khai th c hi n t t và có k t qu gi i ngân t và v t k ho ch ra, i n hình là các d án: H tr tái thi t sau thiên tai t nh Qu ng Tr (WB); Phát tri n nông thôn t ng h p mi n Trung (ADB).

K t lu n: Chúng ta th y, trong các n m t n m 2008 – 2012, t ng s v n ODA mà t nh Qu ng Tr ký k t theo k t ho ch là 1213230 tri u ng, trong ó ã gi i ngân c 1138315 tri u ng, t 93.83%. ây c ng là con s t ng i cao so v i tình hình gi i ngân v n ODA c a các ngành khác trong giai o n này.

V c b n v n i ng ã c u tiên b trí cho các d án ODA. Tuy nhiên th c t v n có nh ng khó kh n cho m t s d án do m t s nguyên nhân sau:

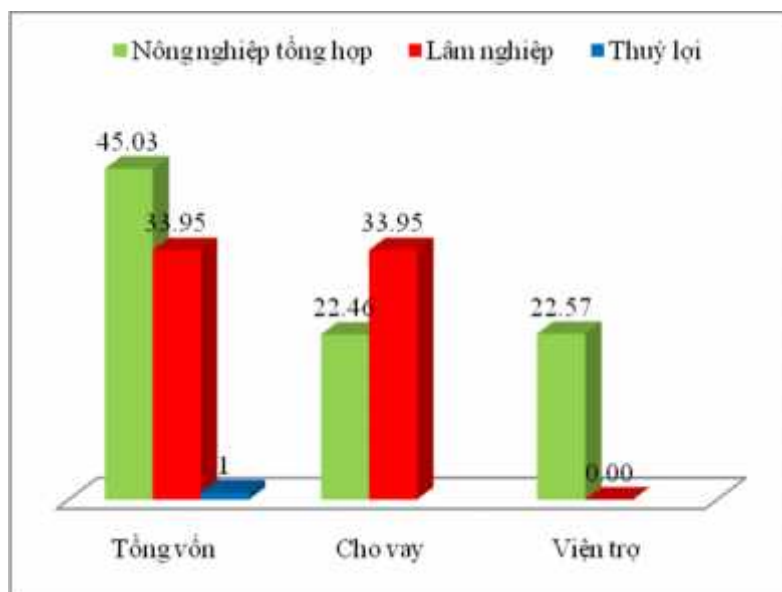
- Các nhà tài trợ a ph ãng và song ph ãng khuyến khích áp dụng hình thức tài trợ trực tiếp, có nghĩa là dùng vốn của phía Việt Nam (tổng nguồn ngân sách trung ương, ngân sách a ph ãng hay vốn từ các cá nhân) cho các hoạt động của dự án và hoàn vốn từ các nguồn khác. Một số dự án tài trợ bằng nguồn vốn a ph ãng cũng đã có B Tài chính khuyến khích (trên cơ sở có ý kiến nhất trí của a ph ãng) cho áp dụng phương pháp này như dự án B o v r ãng và PTNT. Tuy nhiên, các a ph ãng còn kém linh hoạt trong việc vận dụng tài trợ trực tiếp, do xu hướng phát triển logistics không hoàn thiện kịp thời, hoặc có a ph ãng không có nguồn vốn từ ngân hàng, nên cơ chế này chưa thể hiện rõ rệt trên thực tế.

- Một số dự án thể hiện tính ưu việt là UBND các tỉnh. Các tỉnh này tham gia dự án, khi xây dựng dự án và thực hiện giám sát và đánh giá phía bên ngoài các tỉnh đã có cam kết sự bố trí vốn riêng cho dự án theo tiến độ thực hiện. Tuy nhiên, đôi khi thể hiện thì tình hình phân bổ không có nguồn bố trí vốn riêng cho dự án. Dự án như dự án không bố trí vốn riêng, không ghi ngân sách kịp thời, làm chậm tiến độ của dự án.

### 2.4.7. Tình hình phân bổ và sử dụng

#### 2.4.7.1. Theo lĩnh vực sử dụng

Nguồn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn chủ yếu được phân bổ sử dụng theo ba lĩnh vực, đó là: Nông nghiệp trồng trọt, Thuỷ lợi và Lâm nghiệp.



Biểu đồ 6: Cơ cấu ODA cho nông nghiệp phân bổ

- Nông nghiệp có tổng vốn vay là 45.03 triệu USD, chiếm 45.1% so với tổng vốn ODA huy động cho nông nghiệp, trong đó 22.57 triệu USD là vốn không hoàn lại, chiếm 50%.

- Lâm nghiệp có 2 dự án, vốn vay tổng là 20.9 triệu USD, chiếm 20.9% so với tổng vốn ODA huy động tại B, trong đó 20.9 triệu USD là vốn vay. Lâm nghiệp trong nhiệm vụ chung với các ngành khác có số vốn ít nhất, số lượng dự án ít, nhưng có số vốn đầu tư khá lớn. Trong thời gian tới, tình hình Quản lý Tr có các chính sách tranh thủ nguồn vốn vay cho lĩnh vực này.

- Thu lợi có tổng vốn vay là 33.95 triệu USD, chi phí trả nợ khá cao đạt 40% so với tổng vốn ODA huy động tại tỉnh cho nông nghiệp, trong đó không có vốn không hoàn lại. Mặc dù số lượng dự án ký kết trong lĩnh vực thủy lợi là ít nhưng lợi ích số vốn lớn. Điều này là do Thủy lợi là lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng.

#### 2.4.7.2. Theo hình thức vay

Nguồn ODA trong nông nghiệp có tổng vốn vay không hoàn lại chiếm cao trong tổng nguồn vốn ODA huy động. Có 23% vốn không hoàn lại trong tổng số 99.88 triệu USD vốn ODA huy động trong vòng 7 năm, khoảng 22.57 triệu USD. Đây là mức tỷ lệ cao so với mức huy động vốn vay không hoàn lại các ngành trong cùng giai đoạn.

**Bảng 6: Các nguồn ODA trong nông nghiệp theo vốn vay và vốn vay**

VT: Triệu USD

Nội dung	Số dự án	Tổng %	Số vốn	Tổng %
Vốn vay	10	76.9	77.31	77%
Vốn không hoàn lại	3	23.1	22.57	23%
Tổng cộng	13	100.0	99.88	100%

(Nguồn: Số liệu thống kê tình hình Quản lý Tr)

Các dự án vốn vay không hoàn lại thường có nội dung đầu tư quy mô chi phí trả nợ lớn, có dự án nội dung này chiếm tới 60% trên tổng vốn. Do các dự án vốn vay không hoàn lại có số tiền trên mỗi dự án nhỏ, thì tỷ lệ ngân sách ít nội dung và chi phí ngân sách ngân nên kết quả ngân sách các dự án này thường rất thấp.

- Số lượng dự án vay vốn vay lãi, 10/13 dự án chiếm 77% trên tổng số dự án đã ký trong thời gian qua, số vốn vay rút lãi, 77.31 triệu USD. ODA vay chủ yếu từ các ngân hàng tài trợ đa phương như WB, ADB, một phần từ nhà tài trợ song phương như Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), JICA.

Các dự án vay vốn vay thế chấp trung tâm nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn vùng sâu vùng xa, nâng cấp và xây dựng hạ tầng thu lợi, tập trung vào phát triển khoa học công nghệ, nâng cấp các viện nghiên cứu tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển.

Thứ ba, việc phân bổ dự án ODA vay vốn vay hay dự án ODA vốn vay không hoàn toàn không rõ ràng. Các nhà tài trợ thường chia nguồn vốn này thành vốn vay hoặc vốn vay không hoàn toàn. Tùy theo điều kiện hợp đồng, bao nhiêu % là vốn vay, bao nhiêu % là vốn vay không hoàn toàn, loại vốn nào nhiều hơn thì sẽ có các quan hệ liên quan xếp vào các loại vốn khác nhau.

#### 2.4.7.3. Theo loại hình tài trợ

#### **Bảng 7: Vốn ODA phân theo nhà tài trợ thời kỳ 2006-2013**

VT: triệu USD

Nhà tài trợ	Số lượng nhà tài trợ	Số lượng dự án	Số tiền tài trợ	Tỉ lệ % trên tổng số
Tài trợ đa phương	4	11	15.07	15%
Tài trợ song phương	1	2	84.81	85%
Tổng cộng	5	13	99.88	100%

(Nguồn: Số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam)

- Số lượng nhà tài trợ: Trong giai đoạn 6 năm 2006 – 2012, Việt Nam có 5 nhà tài trợ cho lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, 1 nhà tài trợ song phương có 2 dự án vay lãi số vốn vay là 15.07 triệu USD (chủ yếu là vốn không hoàn toàn), 4 nhà tài trợ đa phương với 11 dự án, và tổng số vốn vay ký kết là 84.81 triệu USD (chủ yếu là vốn vay).

2.4.7.4. Theo tình trạng các dự án

**Bảng 8: Tổng hợp các dự án ODA theo tình trạng các dự án**

VT: triệu USD

Tình trạng dự án	Số dự án	Giá trị ODA			Giá trị ng
		Tổng giá trị tài trợ	Không hoàn lì	Vay	
Đang thực hiện	4	38.02	30.52	7.5	4.38
Đã kết thúc	9	50.16	38.59	11.57	9.881
Tổng	13	49.72	69.11	19.07	14.261

(Nguồn: Số Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị)

Trong 13 dự án ODA thực hiện trong thời gian nghiên cứu, có 9 dự án đã kết thúc, đó là các dự án: Chương trình Chia sẻ 1 (Thylen), Khúc phục hậu quả thiên tai 2005 (ADB), Chương trình cho vùng trồng Hải Lang (WB), Sản xuất, nâng cấp cho hồ chứa nước Hà Thành (WB), Nâng cấp hệ thống thủy lợi Heo (JBIC), Hệ thống thủy lợi Lìa (JBIC), Nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thành Hãn (ADB). Đây chủ yếu là các dự án xây dựng thủy lợi, lưu trữ nước phục vụ cho các nông dân.

Còn 4 dự án còn lại đang thực hiện là dự án “Chia sẻ 2” tại huyện Vĩnh Linh, tiếp tục thực hiện trên nền tảng thực hiện “Chia sẻ 1” huyện Vĩnh Linh. Dự án Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (WB), Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tại Quảng Trị (JICA), Dự án Quản lý thiên tai (WB). Đây chủ yếu là các dự án có thời gian thực hiện lâu, do tác động lâu dài mà dự án mang lại cho người dân.

**2.5. Tác động của ODA đến sự phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Trị**

**2.5.1. Tác động của ODA đến nông nghiệp sản xuất**

Trong những năm qua, nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ đã đóng góp quan trọng vào công cuộc cải thiện, phát triển nông nghiệp sản xuất. Các nhà tài trợ, ban quản lý các dự án đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành và bà con nông dân trong tỉnh, nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn về thiên tai, dịch bệnh và tác động của biến đổi khí hậu, thực hiện các chương trình, dự án và thực hiện các thành tựu



thành sau: Sản xuất nông nghiệp phát triển liên tục, bình quân tăng giá trị sản lượng bình quân trên 4%/năm. Sản lượng lúa có hạt trên 22 vng/tấn/nm, đảm bảo an ninh lương thực nghiêm túc, cơ bản sản xuất lúa phát triển mạnh theo hướng nâng cao chất lượng, diện tích lúa chất lượng cao trên 10000 ha; các loại cây trồng có tiềm năng lớn như: cao su, cà phê, hồ tiêu, lạc, sắn, chuối... chú trọng phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và công nghiệp chế biến. Chú trọng nuôi chuyên bò sữa, hình thức chăn nuôi quy mô canh, tận dụng sang chăn nuôi thâm canh, hình thành nhiều mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại theo hình thức tập trung, thâm canh, bán công nghiệp và công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường.

Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng chú trọng, diện tích trồng rừng hàng năm tăng 5000 ha, che phủ rừng đạt 47.1%. Sản lượng rừng khai thác ngày càng tăng, đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, đồ nội thất và trồng thu nhập cho người dân tộc, các nhân họ trồng rừng. Phát triển Thu nhập thành ngành kinh tế mạnh các ngành nuôi trồng, khai thác ảnh hưởng và chế biến xuất khẩu.

Diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh an toàn dịch bệnh các mô hình. Các hộ trồng cá chú trọng nuôi, năng suất khai thác ảnh hưởng thủy sản không ngừng tăng cao. Sản lượng thủy sản tăng nhanh phát triển các ngành. Các kinh tế nông thôn đang chuyển dịch theo hướng trồng rừng ngành nghề, dịch vụ, giảm trồng nông nghiệp. Các hình thức kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn phát triển đa dạng nông nghiệp, trồng các loại cây có giá trị. Hình thức các công trình thu lợi từ các dự án nâng cấp, mở rộng các tiêu chí cho gần 85% diện tích lúa và nhiều diện tích hoa màu, cây công nghiệp, cải tạo môi trường sinh thái, đảm bảo các sinh hoạt cho người vùng nông thôn.

Khi tìm hiểu về các tác động của ODA đến sự phát triển các ngành nông nghiệp thì Quy trình minh bạch các công việc, từng giờ bao nhiêu phần trăm, thì tôi cơ bản chưa có một bản báo cáo cụ thể nào đánh giá tác động của các dự án

c tài trợ bằng vốn ODA nên toàn bộ nền nông nghiệp trồng Quế Tr, ta chỉ biết rằng, trong thời gian qua, nông nghiệp trồng có bộ phận phát triển trên một phần lớn là nhờ sự đóng góp của ODA. Nên nói một cách khác, đây là kết quả chung của các chính sách, chương trình, biện pháp, các nguồn vốn phát triển nông nghiệp.

## **2.5.2. Tác động của ODA đến nông dân**

### *2.5.2.1. Tình quan chung khi đi vào thực địa*

Nhìn trên mặt vĩ mô, ODA đã có tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp nói chung, nhưng làm rõ hơn tác động của ODA trong nông nghiệp nói chung thì người ta thấy rằng là bà con nông dân, vì sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn, tôi đã tiến hành phỏng vấn đi vào thực địa gia đình trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, xem xét một cách khách quan, ODA đã tác động đến nông nghiệp như thế nào?

Mục đích của buổi phỏng vấn này là lấy ý kiến của dân chúng trong vùng nghiên cứu về vai trò của những tác động của vốn ODA trong quá trình phát triển nông nghiệp của địa phương, những thành tích và nâng cao đời sống vật chất của người dân cho bà con nông dân nhằm bổ sung cho những phân tích cho những kết quả đã đạt được trên.

Tổng số người đi vào thực địa là 100 người và cách thức chọn là ngẫu nhiên nhằm tránh sự trùng lặp. Trong quá trình đi vào thực địa, tôi lựa chọn một người sinh gia đình nằm trong các dự án ODA như dự án “Chia sẻ 1” trên địa bàn xã Vĩnh Nam, Vĩnh Thành. Một số khác không trực tiếp nhận vay vốn nhưng cũng liên hệ các dự án ODA qua các công trình của ODA tài trợ như Chi Nam Công, hệ thống thủy lợi, nhà Công nhân học tập, trung tâm giáo dục, trường mầm non ...

Trong 10 nhà quản lý của địa phương, có 2 người thuộc quản lý dự án cấp thôn, 2 người thuộc ban quản lý dự án cấp xã, và 6 chuyên gia thuộc phòng Kinh tế và Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

Chi tiết nội dung miêu tả về các trường hợp như sau:

**Bảng 9: Các chỉ số nghiên cứu theo các đặc điểm dân số**

Các chỉ số	Số lượng (số người)	Tỉ lệ %
1. Giới tính	100	100
Nam	54	54
Nữ	46	46
2. Văn hóa	100	100
- Cấp I	4	4
- Cấp II	59	59
- Cấp III	27	27
- Khác	7	7
- Cao học	3	3
3. Nghề nghiệp	100	100
Nông dân	79	79
Quản lý	21	21

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS)

Bảng điều tra gồm 41 câu hỏi liên quan đến vai trò của ODA trong sự phát triển nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị, trong đó, có hai loại câu hỏi dành cho 2 nhóm đối tượng khác nhau. Phần câu hỏi phỏng vấn người dân liên quan đến tác động của ODA như thế nào đối với sinh hoạt và sản xuất của người dân. Và có một phần liên quan đến các câu hỏi về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm qua và các chuyên gia cấp tỉnh. Những người trả lời phỏng vấn được yêu cầu trả lời bằng 5 mức, sau đó sẽ phân loại theo các mức độ như sau:

5. Hoàn toàn đồng ý
4. Đồng ý
3. Không rõ (Không biết)
2. Không đồng ý
1. Hoàn toàn không đồng ý

Các câu hỏi điều tra được chia thành 5 nhóm câu hỏi theo vai trò của ODA trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

**B ảng 10: Các nhóm trong phi ếu i ếu tra**

Nhóm	N ội dung	Câu
I	Nh ận  nh chung v ề nông nghi ệp và vai trò c ủa ODA  ở v ị l ĩnh v ực nông nghi ệp t ỉnh Qu ảng Tr ị	1-4
II	Vai trò c ủa ODA  ở v ị s ố phát tri ển c ủa s ố h ộ t ổng nông nghi ệp c ủa ả ph ần	5-8
III	Vai trò c ủa ODA  ở v ị s ố gi ảm thi ều r ủi ro do thiên tai, đ ịch b ệnh	9-12
IV	Vai trò c ủa ODA  trong v ị c ố c ố thi ết tr ình  c ủa các nhà qu ản lý, ng ười dân	13-16
V	Vai trò c ủa ODA  trong v ị c ố t ổng thu  nhập cho ng ười nông dân	17-20
VI	Vai trò c ủa ODA  trong v ị c ố m ở r ộng th ị tr ường tiêu th ị hàng hóa nông s ản	21-24
VII	Vai trò c ủa ODA  trong v ị c ố chuy ển giao công ngh ệ, ả gi ới ng ười cây con vào s ản xu ất	25-27
VIII	M ột s ố câu h ỏi dành cho các nhà qu ản lý c ộng xã, huy ện, t ỉnh tham gia vào các ch ương tr ình, đ  án	28-37
IX	K ết lu ận chung	38-41

(Ngu ời n: Phi ếu i ếu tra)

❖ **Ph ương pháp phân tích:** K iểm nh One sample T-test

K iểm nh One sample T-test là phép k iểm nh gi ới thi ết t ổng trung bình t ổng th ị, c ử dùng trong tr ường h ợp ta mu ốn phân tích m ối liên h ệ gi ữa trung bình gi ới m ột t ổng th ị nh 1 ồng v ị m ột giá tr ị c ố th ị xác nh.

Nh óm k iểm nh các giá tr ị trung bình trên có ý ngh ĩa th ị ng kê hay không ta s ử d ụng công c ố One sample T-test tính ra các giá tr ị trung bình (mean) mà ng ười dân ả ánh giá khi c ố h ị v ị vai trò c ủa ODA ở nông nghi ệp ả ph ần. Đ ể vào giá tr ị trung bình c ố t ổng b ị n mà ta có th ị ả ch ọn các giá tr ị k iểm nh phù h ợp.

Giá tr ị trung bình t ổng 1 n 1.5, ta ch ọn giá tr ị là 1

Giá tr ị trung bình t ổng 1.5 n 2.5, ta ch ọn giá tr ị là 2

Giá tr ị trung bình t ổng 2.5 n 3.5, ta ch ọn giá tr ị là 3

Giá trị trung bình t = 3.5 > n = 4.5, ta chọn giá trị là 4

Giá trị trung bình t = 4.5 > n = 5, ta chọn giá trị là 5

Kết luận là chấp nhận hay bác bỏ giả thuyết  $H_0$ , ta sử dụng các kiểm định phù hợp.

Đưa vào giá trị P (p-value) (SPSS viết tắt p-value là sig.) kết luận là chấp nhận hay bác bỏ giả thuyết  $H_0$

$H_0$ : p-value (sig.) (mức ý nghĩa)  $\rightarrow$  bác bỏ giả thuyết  $H_0$ . Có nghĩa là giá trị trung bình cá biệt không bằng giá trị cho trước.

$H_1$ : p-value (sig.)  $>$  (mức ý nghĩa)  $\rightarrow$  chấp nhận  $H_0$ . Có nghĩa là giá trị trung bình cá biệt không khác giá trị cho trước.

*2.5.1.2. Phân tích kết quả kiểm tra theo ý kiến cá nhân về dân trên địa bàn nghiên cứu*

Áp dụng kiểm định One Sample T test để kiểm tra giá trị trung bình cá biệt quan sát về các nhân tố vai trò của ODA trong lĩnh vực nông nghiệp cá nhân. Quy trình. Ta có giả thuyết kiểm định với độ tin cậy 95% là:

$H_0$ :  $\mu =$  giá trị trung bình thống kê tổng thể nông ý cá nhân về vai trò của các dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp bằng giá trị kiểm định.

$H_1$ :  $\mu =$  giá trị trung bình thống kê tổng thể nông ý cá nhân về vai trò của dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp khác bằng giá trị kiểm định.

Ghi chú: Với độ tin cậy 95% nếu Sig.(2-tailed)  $<$  0.05 bác bỏ giả thuyết  $H_0$ .

Nếu Sig.(2-tailed)  $\geq$  0.05 không bác bỏ giả thuyết  $H_0$ .

❖ *ánh giá chung của người dân về nông nghiệp và ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*

**Bảng 11: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về nông nghiệp và ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CÁC NHÓM NH VÀ BÌNH LUẬN	T N S					Mean	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5			
<b>I. NHÓM NH CHUNG</b>								
Ngành nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị	2	16	16	22	38	3.83	4	0.171
Mục đích phát triển nông nghiệp, cần tranh thủ các nguồn vốn đầu tư bên ngoài, trong đó có nguồn vốn ODA	4	10	12	18	50	4.06	4	0.612
Người vốn ODA có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển nông nghiệp của địa phương	6	14	14	21	29	3.78	4	0.1
Người vốn ODA là một trong những chìa khóa phát triển nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị	4	17	13	20	40	3.8	4	0.13

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thu được trên phần mềm SPSS)

Tỷ lệ trên cho thấy có tới 40.4% người hoàn toàn không ý và 23.4% người không ý rằng ngành nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị, 19.1% người không ý và 40.4% người hoàn toàn không ý cho rằng mu n phát triển nông nghiệp, cần tranh thủ các nguồn vốn đầu tư bên ngoài, trong đó có nguồn vốn ODA. Trong khi đó có tới 22.3% người không ý và 41.5% người hoàn toàn không ý cho rằng nguồn vốn ODA có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển nông nghiệp của địa phương. Và 21.3% người không ý và 42.6% người hoàn toàn không ý cho rằng nguồn vốn ODA chính là một trong những chìa khóa phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Trị.

Như vậy, ta thấy các nhà nghiên cứu dân viên cho rằng phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Quảng Trị vẫn nên chú trọng đầu tư phát triển cho nông nghiệp địa phương trên cơ sở tận dụng những tiềm năng và thế lực lao động nhân lực tại chỗ, con người. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền nên thu hút đầu tư cho nông nghiệp từ các nguồn trong nước và nước ngoài thông qua các cơ chế phát triển, trong đó phải kể đến ODA cho vay hoặc ODA viện trợ không hoàn lại từ chính phủ các quốc gia. Trong thời gian qua, theo ý kiến của người dân, ODA đã phát huy vai trò của mình trong sự phát triển nông nghiệp của địa phương một cách rõ ràng bằng các công trình cơ sở hạ tầng, các chương trình cho nông dân tiếp cận vay vốn sản xuất, hoặc tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây con các loại.

Qua kiểm tra kiểm định mức ý nghĩa của các nhân số chung của người dân về các dự án ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên ta thấy giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí đều lớn hơn mức ý nghĩa 0,05 nên chúng ta có thể bác bỏ giả thiết  $H_0$  bác bỏ. Vì vậy chúng ta có thể khẳng định rằng giá trị vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là quan trọng.

❖ *ánh giá vai trò của ODA trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp*

**Bảng 12: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về vai trò của ODA trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp**

CÁC PHÁT BIỂU	T N S					GTTB	GTK	Sig.(2 phía)
	1	2	3	4	5			
Cơ sở hạ tầng								
Cơ sở hạ tầng nông thôn góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp	3	10	15	26	40	3.96	4	0.719
Các dự án ODA tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, phục vụ nông nghiệp	4	11	11	30	38	3.93	4	0.541
Các dự án ODA góp phần tăng cường phát triển thủy lợi, cơ giới hóa nông nghiệp địa phương	2	10	18	38	26	3.81	4	0.75
Cần thiết có vốn ODA góp phần phát triển nông nghiệp địa phương	1	10	11	20	52	4.19	4	0.89

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS)



Có 27.7% s ng i c h i ng ý và 42.6% ng i hoàn toàn ng ý cho r ng c s h t ng nông thôn góp ph n áp ng nhu c u phát tri n c a nông nghi p. H cho r ng ây là n n t ng không th thi u i v i m i qu c gia hay a ph ng nào, ây là i u ki n tiên quy t, nó nên i tr c nông nghi p m t b c trong ti n trình phát tri n, không ch riêng m i ngành nông nghi p. V i ý ki n các d án ODA ti n hành xây d ng c s h t ng, giao thông nông thôn, ph c v nông nghi p, có 31.9 % ng i ng ý và 40.4% ng i hoàn toàn ng ý. Trong các h ng m c u t , thì c s h t ng c các nhà tài tr quan tâm và u t m t s ti n không nh . Có 40.4 % s ng i c h i ng ý và 27.7% ng i hoàn toàn ng ý cho r ng các d án ODA góp ph n phát tri n th y l i, c gi i hóa nông nghi p a ph ng. i u này c minh ch ng b ng r t nhi u công trình th y l i c u t , tu b b ng ngu n ti n c a các d án ODA. V m t c gi i hóa nông nghi p, i u này còn khá m nh t.

Khi c h i c n thi t có v n ODA phát tri n nông nghi p a ph ng, có 21.3% ng i ng ý và 55.3% ng i hoàn toàn ng ý, h cho r ng nên t n d ng m i ngu n v n u tiên có th .

Trên th c t , v n ODA ã giúp t ng c ng c s h t ng nông thôn: nh t là thu l i, giao thông nông thôn n các vùng nghèo, xã nghèo, h th ng i n nông thôn, tr ng h c, tr m y t nh : D án “Phát tri n nông thôn t ng h p” c a ADB, hay d án “Chia s 1” trên a bàn huy n V nh Linh và d án “Chia s 2” trên a bàn huy n Gio Linh t nh Qu ng Tr . H u h t các ch ng trình d án u có các h ng m c u t phát tri n c s h t ng c a a ph ng.

Qua k t qu ki m nh v m c ng ý c a ng i dân v vai trò các d án ODA cho nông nghi p n phát tri n c s h t ng c a ngành trên a bàn t nh Qu ng Tr trên ta th y giá tr Sig. (2 phía) c a các tiêu chí u l n h n m c ý ngh a 0,05 nên ch a có c s bác b gi thi t  $H_0$  b bác b . i u này ch ng t r ng ng i dân ánh giá v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p n phát tri n c s h t ng c a ngành trên a bàn t nh là quan tr ng.

❖ *ánh giá v* vai trò c a v n ODA trong vi c gi m thi u r i ro do thiên tai, d ch h a gây ra cho nông nghi p

**B ng 13: K t qu ki m nh One Sample T-Test v vai trò c a v n ODA trong vi c gi m thi u r i ro do thiên tai, d ch h a gây ra cho nông nghi p**

CÁC PHÁT BI U	T N S					GTTB	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5			
Gi m thi u r i ro do thiên tai, d ch b nh								
Các d án ODA có t ch c các bu i t p hu n gi m thi u r i ro do thiên tai, d ch b nh	1	10	11	20	52	4.19	4	0.089
Các bu i t p hu n giúp Ông/Bà nâng cao k n ng i phó v i thiên tai, d ch b nh	3	11	19	31	30	3.79	4	0.068
Ông/Bà th y vi c tham gia các bu i t p hu n này là h u ích	3	9	8	23	51	4.17	4	0.148
Ông/Bà s tham gia các bu i t p hu n nh th này n u có	5	15	9	29	36	3.81	4	0.143

(Ngu n: K t qu x lý s li u i u tra trên ph n m m SPSS)

T x a n nay, Qu ng Tr là vùng ch u nhi u thiên tai và nh h ng do bi n i khí h u gây ra ngày m t rõ nét nh : rét m rét h i kéo dài; h n hán, bão l xảy ra b t th ng; các s c nh s t lún t, s t l b sông, b bi n x y ra nhi u h n. T n su t bão, l xu t hi n ngày càng nhi u và v i c ng ngày càng l n, gây h u qu n ng n cho i s ng và s n xu t c a nhân dân. Tình hình xâm nh p m n trên các h th ng sông trong mùa khô ngày càng l n, có khi vào sâu t 25-30km (trên Sông Hi u và sông Th ch Hãn), nh h ng n ngu n n c t i nông nghi p, gây m n hoá di n tích t vùng ven sông, nh h ng n n ng su t cây tr ng và ngu n n c sinh ho t c a nhân dân.

Trong nh ng n m qua, t nh ã t p trung quy ho ch và u t xây d ng các công trình phòng, tránh thiên tai, bi n i khí h u, n c bi n dâng nh : di dân tái nh c vùng l , vùng s t lún, s t l t; xây d ng ê bao vùng tr ng; nâng c p, s a ch a m b o an toàn u m i h ch a; xây d ng h th ng ê, kè ch ng s t l b sông, b bi n; các p ng n m n... Tuy nhiên, do ngu n v n h n ch nên tỉ n th c hi n các công trình còn ch m, ch a phát huy t t kh n ng phòng, tránh thiên tai cho nhân dân. Vì v y, d án "Kh c ph c d án thiên tai n m 2005" c a ADB và d án "H tr tái thi t sau thiên tai t nh Qu ng Tr thu c d án Qu n lý r i ro thiên tai" c a WB v i m t s v n u t l n, ã ph n nào giúp bà con k p th i ng phó v i thiên tai, d ch hoa, n nh cu c s ng. T i các a ph ng, có 21.3% ng i c h i ng ý và 55.3% ng i hoàn toàn ng ý v i ý ki n r ng h có tham gia các bu i t p hu n gi m thi u r i ro do thiên tai d ch b nh, các bu i h c này giúp h nâng cao các k n ng i phó v i thiên tai d ch b nh v i 30.3% ng i ng ý và 31.9% s ng i hoàn toàn ng ý. 24.5% s ng i c h i ng ý và 54.3% ng i hoàn toàn ng ý cho r ng n u trong th i gian t i có t ch c các bu i h c này, h s t i p t c tham gia. Trong b i c nh bi n i khí h u ang di n ra m nh m , d ch b nh di n ra m nh và r ng tác ng n các lo i cây con và e d a c tính m ng con ng i, v i c nâng cao các k n ng cho nông dân, m t i t ng ít c ti p c n thông tin m t cách bài b n s giúp h ph n nào gi m c các r i ro, thi t h i, b o v cây con, phát tri n kinh t h gia ình.

Qua k t qu ki m nh v m c ng ý c a các nh n nh chung c a ng i dân v các d án ODA cho nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr n v i c gi m

thi u r i ro do thiên tai, d ch h a gây ra cho ngành trên ta th y giá tr Sig. (2 phía) c a các tiêu chí u l n h n m c ý ngh a 0,05 nên ch a có c s bác b gi thi t  $H_0$  b bác b . i u này ch ng t r ng các h i u tra ánh giá v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p n vi c gi m thi u r i ro do thiên tai, d ch h a gây ra cho ngành trên a bàn t nh là quan tr ng.

❖ *ánh giá v vai trò c a v n ODA trong vi c c i thi n trình các nhà qu n lý, ng i dân*

**B ng 14: K t qu ki m nh One Sample T-Test v vai trò c a v n ODA trong vi c c i thi n trình các nhà qu n lý, ng i dân**

CÁC PHÁT BI U	T N S					GTTB	GTK	Sig.(2 phía)
	1	2	3	4	5			
C i thi n trình c a các nhà qu n lý, ng i dân								
Các d án ODA có t ch c các bu i t p hu n giúp nông dân có các ki n th c v ch m sóc, nuôi tr ng cây con các lo i	6	7	8	23	50	4.11	4	0.401
Các bu i t p hu n này giúp Ông/Bà thay i ph ng th c t p quán nuôi tr ng, ch m sóc cây con các lo i	7	8	4	29	46	4.05	4	0.68
Vi c thay i ph ng th c t p quán nuôi tr ng, ch m sóc cây con giúp Ông/Bà t ng n ng su t cây tr ng và v t nuôi	3	5	6	38	42	4.18	4	0.081
Ch t l ng c a các bu i t p hu n này là r t t t, Ông/ Bà s ti p t c tham gia các bu i t p hu n này n u có	1	15	9	17	52	4.11	4	0.383

*(Ngu n: K t qu x lý s li u i u tra trên ph n m m SPSS)*

24.5% nh ng ng i c h i ng ý và 53.2% ng i hoàn toàn ng ý cho r ng khi các d án ODA t ch c các bu i t p hu n giúp bà con nông dân thay i ph ng th c t p quán nuôi tr ng, ch m sóc cây con các lo i. Và 30.9% s ng i c h i ng ý và 48.9% hoàn toàn ng ý cho r ng các d án này giúp nông dân t ng n ng su t cây tr ng, v t nuôi. V tính b n v ng c a các bu i này, thì 40.4% ng i ng ý và 44.7% ng i hoàn toàn ng ý cho r ng ch t l ng c a các bu i t p hu n này là r t t t, h s ti p t c tham gia n u có v i 18.1% ng ý và 55.3% hoàn toàn ng ý. Vì ây là m t kênh thông tin h u ích, thì t th c v i bà con nông dân.

Trên th c t , h u h t các d án ODA tr c khi tri n khai u ti n hành các bu i h tr k thu t cho các cán b qu n lý c p thôn, xã huy n. T ó, h s tri n khai t p hu n cho bà con nông dân t i các c s , m r ng mô hình t p hu n.

Qua k t qu ki m nh v m c ng ý c a các nh n nh c a ng i dân v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c c i thi n trình các nhà qu n lý, ng i dân trên a bàn t nh Qu ng Tr trên ta th y giá tr Sig. (2 phía) c a các tiêu chí u l n h n m c ý ngh a 0,05 nên ch a có c s bác b gi thi t  $H_0$  b bác b . i u này ch ng t r ng ng i dân ánh giá v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c c i thi n trình các nhà qu n lý, ng i dân trên a bàn t nh là quan tr ng.

❖ *ánh giá vai trò của ODA trong việc tăng thu nhập của người nông dân*

**Bảng 15: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về vai trò của ODA nông nghiệp đối với việc tăng thu nhập của người nông dân**

CÁC PHÁT BIỂU	Mức					GTTB	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5			
Thu nhập của người nông dân								
Thu nhập của gia đình Ông/Bà tăng lên đáng kể khi chấp nhận ít hơn quyền của các dự án ODA trên địa bàn	6	4	9	38	37	4.02	4	0.854
Ông/Bà có nhận các khoản vay hay viện trợ ngân hàng về tất cả các dự án ODA	17	4	6	25	43	3.77	4	0.137
Những khoản vay này giúp Ông/Bà phát triển kinh tế gia đình	5	12	11	36	30	3.79	4	0.084
ODA góp phần xóa đói giảm nghèo địa phương	6	8	8	41	51	4.1	4	0.458

*(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thu thập trên phần mềm SPSS)*

Trong các câu bình luận, có 6.4% người hoàn toàn không đồng ý và 4.3% người không đồng ý vì nhìn nhận thu nhập cá nhân tăng lên đáng kể khi chênh lệch chi tiêu các các dự án ODA trên địa bàn, còn lại 40.4% số người chỉ đồng ý và 39.4% hoàn toàn đồng ý vì lý do trên. Tùy theo mức độ thực hiện các dự án và hình thức cho nông dân tiếp cận nguồn vốn, thì các hộ gia đình có cách phát triển kinh tế nông nghiệp, con khác nhau, không gia đình nào giống gia đình nào. Đa phần là nông dân phát huy hiệu quả, nhưng một số hộ thì dựa vào các nguyên nhân khách quan khi trồng cây con, hoặc vất vả nuôi trồng. Ví dụ như là hộ có nhận các khoản vay hay vốn trợ cấp từ các dự án ODA, có 28.1% nói hoàn toàn không đồng ý và 4.3% không đồng ý, 25.5% người nói rằng là đồng ý và 45.7% hoàn toàn đồng ý vì lý do trên. Các nhà quản lý dự án tại các địa phương cho biết chính sách tín dụng cho vay như hộ nghèo, hộ cận nghèo. Còn các hộ khác hình thức tiếp cận gián tiếp qua các công trình thủy lợi, nhà cửa, đường hay trồng cây, kỹ thuật nuôi trồng cây giống, con nuôi. 22.3% đồng ý và 54.3% hoàn toàn đồng ý vì lý do này. Dự án ODA góp phần xóa đói giảm nghèo địa phương.

Vấn đề có mặt thế kỷ nào chưa thực sự thu nhập cá nhân dân tăng bao nhiêu phần trăm khi có các dự án. Nhưng chắc chắn mặt tích cực, sự sống cá nhân đã có những thay đổi rõ rệt. Dự án "Chia sẻ" tại huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, trên địa bàn xã Vĩnh Nam đã xây dựng 3 trung tâm hộ tiếp cận, kháng trang, rừng rẫy, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân, nâng cao trình độ tin cậy của máy. Tr�m ý thức xã hội xây dựng, trồng cây, chăm sóc và bảo vệ môi trường giúp cho việc tiếp cận vui chơi của các em trẻ tin cậy, yên tâm, hạnh phúc... Qua đó, ta thấy rằng, ODA đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân chúng.

Qua kiểm tra kiểm tra mức độ đồng ý của các nhân viên cá nhân dân về vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp và việc tiếp cận thu nhập cá nhân nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên thang giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí nêu trên, kết quả kiểm tra cho thấy giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí nêu trên nhỏ hơn mức ý nghĩa 0,05 nên chúng ta có cơ sở bác bỏ giả thiết  $H_0$  bác bỏ. Vì vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp và việc tiếp cận thu nhập cá nhân nông dân trên địa bàn tỉnh là quan trọng.



❖ *ánh giá vai trò của ODA trong việc mở rộng vùng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản*

**Bảng 16: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp ở vùng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản**

CÁC PHÁT BIỂU	T N S					GTTB	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5			
Mở rộng vùng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản								
Các dự án ODA trên địa bàn có tiến hành sản xuất, xây dựng các điểm trao đổi mua bán hàng hóa liên kết giữa nông dân và các tổ chức, đơn vị thu gom hàng hóa nông sản	8	7	7	30	42	3.97	4	0.087
Ông/Bà thường xuyên nhận các điểm này trao đổi hàng hóa nông sản do mình làm ra	4	11	15	36	28	3.78	4	0.058
Các công trình này giúp cho việc trao đổi buôn bán hàng hóa trở nên dễ dàng	5	15	7	31	36	3.83	4	0.19
Các công trình này có đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nông sản của người dân	2	19	7	37	29	3.77	4	0.053

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS)

Ti các a ph ng, ODA c ng ã ti n hành u t , s a sang, xây m i các a i m h p ch , giúp bà con nông dân có th t i trao i hàng hóa nông s n m t cách thu n l i, nh ng quy mô các khu ch này ang nh , hàng hóa ch trao i v i kh i l ng ít, t cung t c p. C b n v n không áp ng nhu c u trao i c a bà con. Vì i t ng ch i có s l ng l n là àn ông, h không tr c ti p i n các a i m này, nên có t i 8.5% s ng i c h i hoàn toàn không ng ý và 7.4% ng i không ng ý v i bình lu n “Ông/Bà th ng xuyên n các a i m này trao i hàng hóa nông s n do mình làm ra”. Có 4.3% hoàn toàn không ng ý và 11.7% không ng ý v i ý ki n các công trình này giúp cho vi c trao i buôn bán hàng hóa tr nên d dàng. Vì nh ng ng i mua bán u là nông dân, h cùng t o ra m t m t hàng nh nhau, nhu c u trao i ít. H c ng ch n vi c bán các nông s n cho các nhà buôn ngang t i n ng r y ch không ph i các a i m này. Tuy nhiên, nhìn chung, ng i dân v n ánh giá vai trò c a ODA i v i vi c m r ng vùng th tr ng tiêu th hàng hóa nông s n là quan tr ng, vì tr c ó, ch a có ngu n v n nào h tr nông dân trong các công tác này, ho c ngu n v n r t nh l và h n h p.

Hi n nay, t i các a ph ng trên à bàn t nh Qu ng Tr , vi c s n xu t các s n ph m nông nghi p ch mang tính nh l , ch a ph i là s n xu t hàng hóa trên quy mô l n, các h p tác xã nông nghi p ch a phát huy h t vai trò t i m n ng c a mình, vì v y, “th tr ng nông s n” v n là m t khái ni m to tát và xa v i, không th c t . Các d án ODA khi xây d ng các a i m h p ch , m t m t thúc y vi c trao i hàng hóa cho bà con, m t m t gi m th i gian i l i mua s m do ch huy n khá xa, th ng t p trung các th tr n. Nên vai trò m r ng th tr ng tiêu th hàng hóa nông s n c a ODA ch a óng góp nhi u trong quá trình trao i hàng hóa.

Qua k t qu ki m nh v m c ng ý c a các nh n nh c a ng i dân v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c m r ng vùng th tr ng tiêu th hàng hóa nông s n trên à bàn t nh Qu ng Tr trên ta th y giá tr Sig. (2 phía) c a các tiêu chí u l n h n m c ý ngh a 0,05 nên ch a có c s bác b gi thi t  $H_0$  bác b . i u này ch ng t r ng ng i dân ánh giá v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c m r ng vùng th tr ng tiêu th hàng hóa nông s n trên à bàn t nh là quan tr ng.

❖ *ánh giá vai trò của ODA trong việc chuyển giao công nghệ, đầu tư cây con vào sản xuất nông nghiệp*

**Bảng 17: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về vai trò của đầu tư ODA cho nông nghiệp ở các địa phương chuyển giao công nghệ, đầu tư cây con vào sản xuất**

CÁC PHÁT BIỂU	Mức					GTTB	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5			
Chuyển giao công nghệ, đầu tư cây con vào sản xuất								
Các nguồn vốn ODA góp phần chuyển giao thị trường công nghệ, kỹ thuật chăm sóc cây trồng và nuôi trồng thủy sản vào sản xuất nông nghiệp	4	7	7	29	47	4.15	4	0.199
ODA hỗ trợ đầu tư cây trồng và nuôi trồng thủy sản, phù hợp với thị trường, khí hậu địa phương	1	6	9	45	33	4.1	4	0.301
Việc ứng dụng các khoa học, kỹ thuật mới này góp phần hiện đại hóa nông nghiệp địa phương	4	8	14	27	41	3.99	4	0.929

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu dựa trên phần mềm SPSS)

Khi thực hiện, nhiều người đã nghĩ về những ảnh hưởng của các nguồn vốn ODA góp phần chuyển giao thị trường công nghệ, kỹ thuật chăm sóc cây trồng và nuôi trồng thủy sản vào sản xuất nông nghiệp với 30.9% người và 50.0% hoàn toàn người. Những hỗ trợ này giúp hiện đại hóa nông nghiệp địa phương, 47.9% người chỉ nghĩ về 35.1% hoàn toàn người về vai trò của nó đã có tác động rất lớn trong việc thay đổi cơ cấu cây trồng và nuôi. 28.7% người và 43.6% hoàn toàn người về vai trò của việc ứng dụng các khoa học, kỹ thuật mới này góp phần hiện đại hóa nông nghiệp địa phương.

Thứ ba, trong thời gian thực hiện dự án "Chia sẻ 1" trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, có hơn 10 loại vật nuôi cho bà con về các kỹ thuật trồng và chăm sóc cây tiêu, cây cao su, Lồng ấp kỹ thuật khai thác mủ cao su, tập huấn nuôi và chăm sóc lợn sữa, lợn thịt, hay các lồng ấp kỹ thuật phòng và chữa bệnh trên trâu, bò...

Khi thực hiện, bà con rất phấn khởi và ghi nhận những thành quả từ các dự án, giúp bà con chuyển đổi trong việc chăm sóc nuôi trồng cây con các loại, tăng nguồn thu cho gia đình.

Qua kết quả kiểm định về mặt thống kê của các nhận định của người dân về vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp về việc chuyển giao công nghệ, áp dụng cây con vào sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên các yếu tố giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí nêu trên nhằm mục đích ý nghĩa 0,05 nên chúng ta có cơ sở bác bỏ giả thiết  $H_0$  bác bỏ. Vì vậy, chúng ta nhận định rằng ảnh hưởng của vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp về việc chuyển giao công nghệ, áp dụng cây con vào sản xuất trên địa bàn tỉnh là quan trọng.

❖ *ánh giá vai trò của ODA trong việc tăng năng lực quản lý, lãnh đạo của cán bộ và trong việc thể hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội của địa phương*

**Bảng 18: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về vai trò của dự án ODA cho nông nghiệp ở các địa phương quản lý, lãnh đạo của cán bộ và trong việc thể hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội của địa phương**

CÁC PHÁT BIỂU	T N S					GT	GTK	Sig. (2 phía)
	1	2	3	4	5	TB		
Mức độ hài lòng dành cho các nhà quản lý cấp xã, huyện, tỉnh tham gia quản lý dự án								
Trình độ quản lý các dự án ODA của ông bà em nâng cao khi tham gia các hội thảo, hội nghị trực tiếp tổ chức trong khuôn khổ dự án.	0	0	0	2	8	4.7	5	0.81
Người dân tham gia tốt quản lý trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án ODA	0	0	0	1	9	4.8	5	0.168
Các dự án ODA có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp địa phương	1	1	0	2	6	4.9	5	0.343
Dự án ODA đã đóng góp nhiều vào việc thực hiện các mục tiêu dài hạn của địa phương	0	0	0	3	7	4.8	5	0.168

ODA có tác động tích cực an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo tại địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao năng lực cộng đồng, hỗ trợ kỹ thuật	0	0	0	2	8	4.7	5	0.081
Người dân địa phương có tiếp cận các hoạt động ưu tiên sau khi các dự án ODA kết thúc (thể hiện tính bền vững của dự án)	0	0	0	3	7	4.8	5	0.168
Các chương trình có tác động trong việc thay thế các chính sách phát triển nông nghiệp tại địa phương	0	0	0	2	8	4.7	5	0.081
Địa phương có đạt các mục tiêu đề ra khi chương trình dự án ODA kết thúc	0	0	0	3	7	4.7	5	0.081
ODA là một nguồn lực quan trọng phát triển nông nghiệp tại địa phương, nên tiến hành thu hút các nguồn vốn ODA và sử dụng vốn ODA có hiệu quả phát triển nông nghiệp	0	0	0	2	8	4.8	5	0.168

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thu được trên phần mềm SPSS)

Một trong những mục tiêu chính của các dự án ODA đó là góp phần nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ lãnh đạo quản lý dự án, hoặc lãnh đạo địa phương, vì vậy, trước khi triển khai các dự án ODA, BQL dự án cần phải tham gia các lớp tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật từ phía những cán bộ chuyên gia Việt Nam, ngành, thông tin, hướng dẫn, cách thức triển khai, quản lý các dự án và địa phương một cách công bằng, hiệu quả, đúng mục tiêu và tình hình các nhà tài trợ, của chính quyền. Theo các chuyên gia của Kế hoạch - Bộ, 100% dự án ODA trước khi thực hiện đều có các lớp tập huấn này. Và tất nhiên có sự góp phần của ngân sách quốc gia, thường là Sở Kế hoạch - Bộ, hoặc UBND tỉnh hoặc huyện, đi đến các nhà tài trợ giúp cho các thành viên của BQL dự án cần có cái nhìn khách quan, toàn diện về dự án sắp triển khai, nghĩ thì ra các hình thức, mục tiêu cần thực hiện qua từng giai đoạn, thì kỳ của dự án. Trong quá trình tiếp nhận vốn, do điều kiện địa lý, và một số lý do khách quan, tôi chỉ tiếp xúc được một vài thành viên của BQL dự án “Chia sẻ”. Một số ít trong số họ cũng tham gia phần vốn. Tuy nhiên, qua quá trình trao đổi, tôi cũng đã có một số kết luận sau. Khi thực hiện quản lý của các dự án ODA của ông bà ta nâng cao khi tham gia hội thảo, hội nghị hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện trong khuôn khổ dự án, có 70% người đồng ý và 30% hoàn toàn đồng ý với ý kiến này. Khi hội thảo về người dân có tham gia vào quá trình thực hiện, giám sát hoạt động của các dự án ODA, 90% đồng ý và 10% hoàn toàn đồng ý với ý kiến này, những người cho biết thêm, mục đích quản lý của người dân khá hạn chế, một phần do năng lực trình độ của họ về quản lý dự án. Thường thì họ chỉ tham gia góp công, góp sức thực hiện một số hoạt động của dự án. “các dự án ODA có tác động tích cực đến sự phát triển nông nghiệp của địa phương”, có 20% người đồng ý và 60% người hoàn toàn đồng ý, thì nhìn qua việc thay đổi mức độ nông thôn như thế nào, phần việc sản xuất, canh tác... Khi thực hiện ý kiến tiếp nhận rằng “ODA có tác động tiêu cực đến nông nghiệp của địa phương”. Có 20% hoàn toàn không đồng ý và 80% không đồng ý. Các bình luận “Dự án ODA đã đóng góp nhiều việc tốt các mục tiêu dài hạn của địa phương”, “ODA có tác động tích cực an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo tại địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao năng lực cộng đồng, hỗ trợ kỹ thuật”, “Người dân địa phương có tiếp tục các hoạt động tiếp nhận vốn sau khi các dự

án ODA k t thúc (th hi n tính b n v ng c a d án)”, “Các ch ng trình có tác ng trong vi c thay i các chính sách phát tri n nông nghi p t i a ph ng”, “ a ph ng có t c các m c tiêu ra khi ch ng trình d án ODA k t thúc”, “Các ch ng trình có tác ng trong vi c thay i các chính sách phát tri n nông nghi p t i a ph ng”, a ph ng có t c các m c tiêu ra khi ch ng trình d án ODA k t thúc”, “ODA là m t ngu n l c quan tr ng phát tri n nông nghi p t i a ph ng, nên t i n hành thu hút các ngu n v n ODA và s d ng v n ODA có hi u qu phát tri n nông nghi p” thì nh n c s ng ý tuy t i t nh ng ng i c h i. Qua ó ta th y c vai trò to l n c a các d án ODA trong vi c thay i ph ng th c qu n lý, trình c a ng i dân c ng nh các cán b lãnh o, ban qu n lý, ng th i góp ph n vào quá trình th c hi n các m c tiêu c a a ph ng, phát tri n nông nghi p, t o công an vi c làm cho ng i dân, xóa ói gi m nghèo.

Qua k t qu ki m nh v m c ng ý c a các nh n nh c a ng i dân v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c t ng n ng l c qu n lý, lãnh o c a cán b và trong vi c th c hi n các m c tiêu kinh t , xã h i c a a ph ng trên a bàn t nh Qu ng Tr trên ta th y giá tr Sig. (2 phía) c a các tiêu chí u l n h n m c ý ngh a 0,05 nên ch a có c s bác b gi thi t  $H_0$  b bác b . i u này ch ng t r ng ng i dân ánh giá v vai trò c a các d án ODA cho nông nghi p i v i vi c c i thi n trình c các nhà qu n lý, ng i dân trên a bàn t nh là r t quan tr ng.



❖ *ánh giá chung về vai trò của ODA đối với nông nghiệp công nghệ Tr*

**Bảng 19: Kết quả kiểm định One Sample T-Test về việc nên có ngân hàng ODA phát triển nông nghiệp địa phương**

CÁC PHÁT BIỂU	Mức					GTTB	GTK	Sig.(2 phía)
	1	2	3	4	5			
Ông/Bà có gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận các ngân hàng của ODA	42	19	8	18	6	2.23	2	0.101
Các hình thức của ngân hàng ODA là thích hợp với bà con nông dân	3	6	10	27	48	4.18	4	0.104
Các hình thức ODA phân bổ không đồng đều gây bất bình đẳng giữa các nông hộ	30	32	20	11	1	2.16	2	0.14
Nên có ngân hàng ODA phát triển nông nghiệp địa phương	1	11	14	15	53	4.15	4	0.203

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thu được trên phần mềm SPSS)

hoàn ch nh nghiên c u c a mình, tôi ã a ra m t s bình lu n chung v quá trình th c hi n các d án ODA trong nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr . Nh n nh “Ông/Bà có g p nhi u khó kh n khi ti p c n các ngu n v n c a ODA” có 20.2% ng ý và 6.4% hoàn toàn ng ý, h cho r ng ch các h nghèo, h c n nghèo m i c h ng các kho n vay u ãi, ho c c nh n gi ng cây con t d án. i u này xu t phát t s h n h p v ngu n v n ODA, có quá nhi u ho t ng, nhi u h ng m c ph i u t . a ph ng nào c ng mu n có ODA phát tri n nông nghi p. Vì v y, m c u t giàn tr i, r ng nh ch a sâu, ch a k n ngu n v n ch m gi i ngân do thi u v n i ng nh d án: “Kh c ph c h u qu thiên tai t nh Qu ng Tr 2005 do WB u t , hay d án “D án phát tri n nông thôn t nh Qu ng Tr ” c ng x y ra tình tr ng thi u v n i ng, “D án ê bao vùng tr ng H i L ng”, d án “Nâng c p h n c thác Heo”, d n n ch m t i n , thu h p vùng th c hi n d án. Khi c h i các h tr c a ODA là thi t th c v i bà con nông dân, có 28.7% ng ý và 51.1% hoàn toàn ng ý. H cho r ng vi c phát tri n th y l i, cho bà con cây gi ng nh tiêu, cao su t n ng su t cao, hay gi ng bò lai rõ ràng em l i ngu n thu l n cho các nông h , bên c nh ó, các d án ODA còn xây d ng các trung tâm h c t p c ng ng, quan tâm u t t i các ho t ng v n hóa, th d c th thao, c i thi n v t ch t, tinh th n cho bà con, t o t i n h phát huy ngay c khi d án ã k t thúc. “Các h tr ODA phân b không ng u gây b t bình ng gi a các nông h ”, có 31.9% hoàn toàn không ng ý và 34% không ng ý, 11.7% ng ý và 1.1% hoàn toàn ng ý. Nh ng ng i c h i ng ý này cho r ng h không h ng l i t các d án ODA m t cách tr c ti p, không công b ng v i nh ng ng i c nh n con gi ng, v t nuôi ho c các kho n vay lãi su t th p. Nh ng ng i không ng ý cho r ng ã c h ng các công trình công c ng do ODA xây d ng nh th y l i, trung tâm h c t p c ng ng, hay ê bao ch ng l , hay c h ng các h tr sau thiên tai, nh v y là ng u và công b ng gi a m i ng i s ng trên m t a bàn dân c . Có 16% ng ý và 56.4% hoàn toàn ng ý v i nh n nh “Nên có ngu n v n ODA phát tri n nông nghi p a ph ng”, h cho r ng ây là c h i t t ti p c n m t ngu n v n l n, u ãi phát tri n nông nghi p a ph ng, các c p lãnh o a ph ng nên có các chính sách thu hút ODA, quan tâm n vi c v n ng a ph ng c n m trong ph m vi th c hi n d án. Còn 1.1% s ng i c h i hoàn toàn không ng ý và 11.7% hoàn toàn không ng

ý thì cho rằng, ODA trên thực tế mới góp một phần nhỏ trong sự phát triển nông nghiệp của đất nước, nó chưa tác động đáng kể và rõ rệt. Chỉ có hiệu quả trong thời gian thực hiện dự án, khoảng 3-4 năm. Khi dự án kết thúc, nông dân thay đổi còn nhiều, chưa rõ ràng, ảnh hưởng của nó không rõ rệt hoặc quan tâm, duy trì các hoạt động của dự án nhằm phát triển nông nghiệp, lại trông chờ vào các dự án khác.

Qua kiểm tra kiểm định mức ý nghĩa các nhân tố ảnh hưởng đến dân số và việc nên có ngân sách ODA phát triển nông nghiệp trên bàn đất nước Việt Nam trên các biến giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí nêu trên nhằm kiểm tra ý nghĩa 0,05 nên chúng ta có các kết quả kiểm định  $H_0$  bác bỏ. Kết quả này chứng tỏ rằng ảnh hưởng của ngân sách ODA phát triển nông nghiệp trên đất nước Việt Nam

Qua kiểm tra kiểm định mức ý nghĩa các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của các dự án ODA cho nông nghiệp và việc giảm nghèo khi tiếp cận các ngân sách ODA và các hoạt động ODA phân bổ không đồng đều gây bất bình đẳng giữa các nông hộ trên các biến giá trị Sig. (2 phía) của các tiêu chí nêu trên nhằm kiểm tra ý nghĩa 0,05 nên chúng ta có các kết quả kiểm định  $H_0$  bác bỏ. Kết quả này chứng tỏ rằng ảnh hưởng của việc giảm nghèo khi tiếp cận các ngân sách ODA và các hoạt động ODA phân bổ không đồng đều gây bất bình đẳng giữa các nông hộ là không đáng kể.

## **2.6. Mối liên hệ và khó khăn trong thu hút sự đầu tư ODA trong lĩnh vực nông nghiệp của đất nước Việt Nam**

### **2.6.1. Thu nhập**

#### **2.6.1.1. Tóm tắt mô**

- Trong quyết định số 290/2006/Q - TTg ngày 29/12/2006 của Chính phủ về việc phê duyệt dự án "nhằm nâng cao thu nhập và sự đầu tư ngân sách phát triển chính thức thời kỳ 2006 – 2010", hướng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn kết hợp với xóa đói, giảm nghèo ưu tiên hàng đầu. Đây chính là mối liên hệ liên tục và ngân sách dành cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

- Trong 20 năm qua, nhiều thành tựu đã đạt được, kinh tế phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật, ngân sách, nhân lực, kinh nghiệm quản lý và quản lý trong các thị trường đã được nâng lên nhiều. Về an ninh lương thực quốc gia đã được quy hoạch, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp

tr ng, v t nuôi c m r ng, kh i l ng và giá tr nông s n không ng ng c t ng lên, ngành nông nghi p có b c phát tri n m nh m , tr ng và b o v r ng c quan tâm và phát tri n t t. C s v t ch t k thu t và h t ng nông thôn c u t xây m i và nâng c p t o i u ki n v t ch t thu n l i y nhanh quá trình CNH, H H nông nghi p, nông thôn.

- Nhi u c ch , chính sách m i c a ng, Nhà n c v nông nghi p, nông thôn c ban hành trong th i gian qua ã phát huy tác đ ng tích c c t o ra ng l c phát tri n s ti p t c phát huy tác đ ng trong th i gian t i. M t s chính sách áng chú ý là: chính sách mi n thu s đ ng t nông nghi p trong h n i n t n m 2003; cho các h p tác xã làm hàng xu t kh u, làm ngh truy n th ng có đ án c vay n 500 tri u ng mà không ph i th ch p (Thông t s 03/NHNN c a Ngân hàng Nhà n c); các h p tác xã làm d ch v v t t , cây, con gi ng, h nông dân, ch trang tr i c vay t 30-100 tri u ng. c bi t là Ngh quy t Trung ng l n th 9 v i m i doanh nghi p nhà n c, y m nh c ph n hóa (k c các ngành quan tr ng, các t ng công ty Nhà n c), khuy n khích khu v c kinh t t nhân, thúc y h i nh p qu c t ... là nh ng t phá v c ch t o nhi u c h i và thu n l i m i cho s phát tri n, phát huy n i l c c a n n kinh t và c a m i ngành.

- N c ta h i nh p ngày m t sâu r ng vào n n kinh t khu v c và th gi i, ã gia nh p t ch c th ng m i th gi i (WTO). i u này s t o c h i l n m r ng th tr ng cho hàng hoá xu t kh u c a Vi t Nam nói chung, hàng nông s n nói riêng.

#### *2.6.1.2. Trong khuôn kh các chính sách c a t nh*

i v i Qu ng Tr , ti m l c kinh t c a t nh ã có b c ti n v t b c sau h n 25 n m i m i, nh t là nh ng thành t u n i b t ã t c trong vi c th c hi n k ho ch 5 n m 2006 - 2010 t o n n t ng v ng ch c cho t nh phát tri n trong giai o n m i. Các c ch , chính sách c a t nh đ n c hoàn thi n và ang t ng b c phát huy hi u qu . Ti m n ng l i th c a t nh ang c kh i đ y nh l i th c a hành lang kinh t ông Tây, v kinh t bi n...

- Th y c t m quan tr ng c a ngu n v n ODA, trong th i gian qua, t nh Qu ng Tr ã xây đ ng án “Rà soát, b sung nh h ng thu hút và s đ ng ngu n v i n tr phát tri n chính th c (ODA) giai o n 2010 – 2015” ti p t c ra nh h ng,

m c tiêu và bi n pháp thu hút, phân b , qu n lý và s d ng có hi u qu ngu n v n ODA và các kho n v n vay u ãi khác c a nhà tài tr trong b i c nh m i khi Vi t Nam tr thành qu c gia ang phát tri n có m c thu nh p trung bình th p ng th i góp ph n th c hi n th ng l i. K ho ch phát tri n kinh t - xã h i c a t nh 5 n m giai o n 2011 - 2015, Quy ho ch t ng th phát tri n kinh t - xã h i t nh Qu ng Tr n n m 2020.

-Tình hình chính tr c a t nh Qu ng Tr n nh; s nghi p i m i toàn di n i s ng kinh t - xã h i ti p t c c tri n khai m nh m và sâu r ng.

-N n kinh t c a t nh t ng tr ng v i t c khá cao và liên t c, nh ng ti n b xã h i, nh t là trong l nh v c xoá ói gi m nghèo và phát tri n ngu n nhân l c ã c các nhà tài tr ghi nh n và ánh giá cao, t o c s tin t ng và ng h c a các t ch c qu c t , các nhà tài tr .

### **2.6.2. Khó kh n**

Bên c nh nh ng k t qu ãi t c, vi c thu hút, qu n lý và s d ng v n ODA trong l nh v c nông nghi p trong giai o n này c ng b c l m t s khó kh n, h n ch nh sau:

✓ Vi t Nam ã b c vào hàng ng các n c có thu nh p trung bình. Ngu n vi n tr s gi m d n v s l ng và m c u ãi trong th i gian t i. Các kho n v n vay u ãi (IDA) có lãi su t th p nh t s ít i và t tr ng ngu n v n tín d ng có lãi su t th p cho các n c ang phát tri n (IBRD) s t ng lên (lãi su t IBRD cao h n IDA).

✓ Quy mô n n kinh t còn nh bé, hi u qu và s c c nh tranh c a n n kinh t còn th p. CPI c a t nh th p so v i các t nh khác. M c chênh l ch v thu nh p GDP/ng i c a t nh so v i trung bình chung c n c còn cao. Nguy c t t h u so v i các t nh trong vùng còn l n.

✓ Tích l y u t n i b n n kinh t còn h n ch ; ngu n v n u t ph n l n ph i huy ng bên ngoài nên th ng b ng trong vi c tri n khai th c hi n. M t khác môi tr ng thu hút u t phát tri n ch a thu n l i, h p d n.

✓ K t c u h t ng kinh t k thu t tuy c c i thi n nh ng ch a ng b và còn y u kém so v i các t nh khác trong vùng, ch a có các công trình k t c u h t ng quan tr ng nh c ng bi n, sân bay... t o b c t phá v thu hút u t c ng nh h n ch trong khai thác ti m n ng th m nh c a hành lang kinh t ô ng Tây.

✓ Ch t l ng ngu n nhân l c còn th p, thi u lao ng k thu t áp ng yêu c u phát tri n kinh t - xã h i trong giai o n m i. Trình khoa h c công ngh trong các ngành kinh t còn th p, kh n ng ng đ ng khoa h c công ngh còn h n ch . i ng công ch c còn nhi u y u kém và thi u tính chuyên nghi p.

✓ M c s ng c a m t b ph n dân c còn th p và g p nhi u khó kh n, nh t là vùng mi n núi, vùng ng bào dân t c thi u s sinh s ng. Kho ng cách chênh l ch v m c s ng gi a các t ng l p dân c ngày càng t ng.

✓ Th i ti t, khí h u kh c nghi t; thiên tai, d ch b nh x y ra th ng xuyên làm gi m hi u qu s n xu t kinh doanh c a các ngành kinh t và nh h ng l n n i s ng nhân dân.

✓ Chi n tranh v n còn l i nh ng h u qu r t n ng n , gây khó kh n trong u t phát tri n c ng nh thi th i cho ng i và tài sn c a Nhà n c và nhân dân.

## **2.7.Nh ng y u t nh h ng t i ti n các d án ODA trong l nh v c nông nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr**

Nh ng y u t nh h ng l n nh t n ti n th c hi n, gi i ngân d án ODA trong 2 n m g n ây trên a bàn t nh Qu ng Tr , theo ánh giá c a các c quan ch c n ng là do n bù, gi i phóng m t b ng; tuy n ch n t v n qu c t ; th t c u th u và i u ch nh n i dung d án. Nh ng trong quá trình trao i v i các cán b qu n lý d án ODA trong các l nh v c nông nghi p, tôi th y m t s nguyên nhân sau làm ch m ti n th c hi n c a các d án này:

### **2.7.2. Khách quan**

Ti n th c hi n b ch m do nh h ng c a i u ki n th i ti t (m a, bão).

### **2.7.3. Ch quan**

✓ N i dung thi t k d án

Các ho t ng c a d án ch m c tri n khai th c hi n do ph i i quá trình phê duy t tuy n ch n t v n hã ng v thi t k và qu n lý du l ch cho d án T v n thi t k ch m hoàn thi n H s thi t k i u ch nh, b sung.

✓ Quá trình th c hi n d án ph i tuân th các v n v th t c, quy trình và h ng d n làm nh h ng n ti n chung.

Th c hi n gi i ngân ch m do ph i ch quy t nh phê duy t k ho ch ho t ng và ngân sách các n m c a CPO.

Gói th u t v n kh o sát thi t ã ch m nhi u tháng do khi l y ý ki n tham v n c ng ng, các a ph ng ki n ngh b sung thêm m t s công trình trên kênh.

✓ Gi i ngân v n ODA

S ti n bán ngo i t thành ti n VN không th kh p n s l v i s ti n thanh toán cho nhà th u, trong khi ó Kho b c Nhà n c th m nh giá tr thanh toán l y n nghìn ng đ n n báo cáo gi i ngân s ti n trong tài kho n không kh p v i s ti n thanh toán cho nhà th u.

Vi c c p v n ch a k p th i v i ti n th c hi n các công trình xây d ng gây khó kh n cho các nhà th u thi công.

Vi c phát sinh các kho n ph phí liên quan n ho t ng xây d ng c b n thu c đ án ã làm t ng thêm t l ngu n v n i ng nh ã quy nh (21%) vì v y s gây khó kh n v b trí v n i ng cho đ án trong i u ki n ngân sách a ph ng h n h p.

✓ Ch qu n lý

Các ho t ng ào t o do ph i tìm ki m các c s ào t o ngoài t nh nên chi phí cao. Ho t ng ào t o t i ch c n có nhi u th i gian xác nh i t ng h c viên, m i ngh nhân gi ng d y và truy n ngh là l nh v c m i, ch a có kinh nghi m t ch c th c hi n nên v n còn lúng túng trong tri n khai.

Vi c xét duy t và chu n b các h s liên quan n kh o sát, thi t k , l p đ toán và thi công m t nhi u th i gian, làm nh h ng n ti n th c hi n các gói xây l p ã b trí trong k ho ch n m 2011, vì v y vi c gi i ngân khó t k ho ch ra.

✓ Gi i phóng m t b ng

Vi c th c hi n gói th u t v n thi t k ch m do v ng các ho t ng v m t b ng và ch gi i ng biên gi a Lào và Vi t Nam, làm nh h ng m t ph n n quá trình chu n b các gói th u xây l p.

✓ K ho ch ho t ng trong n m thay i nhi u l n: Đ án c C quan ch qu n và nhà tài tr ng ý b sung v n u t ng th i phát sinh thêm nhi u kho n

chi phí khác v thu , phí, n bù gi i phóng m t b ng nên ã i u ch nh k ho ch ho t  
ng nhi u l n trong n m ã nh h ng n ti n th c hi n c a d án.

✓ V nhân s qu n lý d án

B máy t ch c i a s là cán b nhà n c kiêm nhi m, tham gia h n ch vào  
d án, d n n k t qu th c hi n ch a cao.



## **CHƯƠNG III: CÁC GIẢI PHÁP PHÁT HUY HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ODA TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP PT IQ TRONG TR**

### **3.1. Những giải pháp phát triển nông nghiệp p c a t nh Qu ng Tr nói chung**

#### **3.1.1. Giải pháp phát triển nông nghiệp p**

Ưu tiên là hỗ trợ thực hiện mục tiêu tăng trưởng nông nghiệp và phát triển bền vững, tăng khả năng cạnh tranh hình thức p kinh tế a t nh Qu ng Tr. Mục tiêu, vì các sử dụng vốn ODA cần tập trung thực hiện các yêu cầu sau:

- Tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ hiện đại nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển đổi công nghệ các vị trí nghiên cứu trong nông nghiệp, khuyến khích khuyến nông, nhất là khuyến nông cơ sở, tăng cường hệ thống thông tin thị trường nông sản, mở rộng cho vị trí tăng trưởng đóng góp của khoa học công nghệ vào vị trí tăng trưởng nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu chính sách, tăng cường quản lý nhà nước trong nông nghiệp (giống, thức ăn chăn nuôi, vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn sinh học); kiểm soát dịch bệnh nguy hiểm mở rộng cho các tăng trưởng các ngành.

- Nâng cao mặt bằng chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn, tăng thu nhập dân cư sử dụng các dịch vụ sinh nông thôn, xử lý ô nhiễm môi trường nhất là các làng nghề ô nhiễm nặng.

- Xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn tăng h p.

- Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp, giảm quy mô làm giảm thu nhập thị trường nông thôn hiện nay (gần 20%). Thực hiện mục tiêu này cần tập trung vào các hoạt động: Xây dựng vùng liên huyện, huyện ô nhiễm nông thôn, tăng cường cơ sở vật chất và năng lực đào tạo cho các trường đào tạo nghề cho nông thôn thị trường có thu nhập thị trường cao, mặt dân số đông.

#### **3.1.2. Giải pháp phát triển lâm nghiệp p**

Trong giai đoạn 2015-2020 nguồn vốn ODA vẫn là nguồn vốn quan trọng để giải pháp phát triển ngành lâm nghiệp khắc phục các mở rộng nhu cầu vốn đầu tư công nghệ chuyển giao công nghệ quản lý cho ngành lâm nghiệp. Trong thời gian tới vốn ODA

ch y u c s d ng phát tri n b n v ng lâm nghi p, khi thác tài nguyên m t cách h p lý, m b o phát tri n i s ng c a ng i làm ngh r ng. V n ODA s c t p trung vào nh ng v n sau:

- T p trung vào các nhà tài tr ang quan tâm n h tr phát tri n lâm nghi p, k t h p v i chi n l c xóa ói, gi m nghèo c a c n c v n ng, nh m tr ng r ng m i, k t h p kinh t và môi tr ng các khu v c t ai r ng l n, dân l i nghèo nh vùng Tây B c, Tây Nguyên, B c Trung B ;

- Tranh th ngu n v n ODA u t tr ng r ng b o v môi tr ng nh ng ng th i xây d ng c vùng s n xu t nguyên li u l n t p trung m b o cho công nghi p ch bi n g phát tri n. Phát tri n lâm nghi p ph i g n v i t o vi c làm, thu nh p cho ng i dân ng th i ph i t o ra kh i l ng hàng hóa l n, ph c v t i n trình công nghi p hóa và h i nh p kinh t qu c t c a t n c.

- i v i nh ng d án phát tri n ngành lâm nghi p nh ng l i g n nhi u v i phát tri n nông thôn t ng h p c n ph i có nh ng quan i m rõ ràng h n khi cùng các nhà tài tr xây d ng d án thi t k c các d án có ch t l ng cao phù h p v i i u ki n, hoàn c nh c a ta hi n nay. C n ph i có tiêu chí thi t k d án (ví d t l v n cho u t ph i l nh n 70% các d án v n vay).

- y nhanh vi c phân c p th c hi n các d án ODA cho a ph ng, trung ng ch làm nhi m v giám sát ánh giá. Nh vi c phê duy t thi t k tr ng r ng, c quan ch qu n ch c n phê duy t m u m t l n, t n m sau tr i u quy n cho ban qu n lý d án phê duy t nh m t ng c ng trách nhi m và y nhanh vi c gi i ngân.

### **3.1.3. i v i phát tri n th y l i**

Ti p t c u t phát tri n thu l i theo h ng ph c v chuy n d ch c c u kinh t , th c hi n công nghi p hoá, hi n i hoá nông nghi p - nông thôn, phát tri n công nghi p và phát tri n các ngành kinh t xã h i. T p trung nâng c p, hi n i hoá các h th ng thu l i hi n có phát huy và t ng t i a n ng l c thi t k . Ti p t c u t xây d ng thêm công trình m i, g m:

- Các công trình thu l i t ng h p quy mô v a và l n các l u v c sông, c p n c t i cho nông nghi p, thu s n, sinh ho t, công nghi p, ch ng l và phát i n;

- Phát triển các công trình thu lĩ và nhĩ mi n núi phĩ c v cho s n xu t nông nghi p, sinh ho t, khai thác thu n ng.

- Phát triển các công trình thu lĩ c p n c, ng n m n, gi ng t phĩ c v phát triển dân sinh và s n xu t nông nghi p, thu s n, diêm nghi p vùng ven bi n.

- Phát triển các gi i pháp t i tiên ti n, ti t ki m n c cho cây công nghi p, cây n qu các vùng trung du, mi n núi.

- Phát triển các h th ng kênh đ n ng t thau chua, ếm phèn.

- T ng c ng công tác phòng ch ng, gi m nh thiên tai bão l t nh c ng c ê i u, hoàn thành các công trình h ch a n c t ng h p có nhi m v c t l h du, c ng c các công trình phân l , ch m l phòng ch ng l chovùng tr ng.

- T ng c ng b o v và phát triển r ng phòng h u ngu n, r ng ch n sống ven bi n và t ng c ng công tác qu n lý nhà n c v ngu n n c và qu n lý khai thác hi u qu các công trình thu lĩ.

### **3.2. nh h ng u tiên thu hút và s đ ng ODA theo ngành và l nh v c**

#### **3.2.1. nh h ng thu hút l nh v c phát triển nông nghi p và nông thôn (nông nghi p, thu lĩ, lâm nghi p, thu s n k t h p xoá ói gi m nghèo)**

ây là l nh v c c n u tiên thu hút và s đ ng ODA th c hi n các ch ng trình và đ án nh m t ng n ng su t cây tr ng, v t nuôi, ng đ ng các ti n b k thu t vào s n xu t nông nghi p, xây đ ng các mô hình cây tr ng v t nuôi n ng su t cao, mô hình nông lâm nghi p k t h p nâng cao i s ng dân c . T p trung vào u t phát triển h t ng nông thôn quy mô nh thi t y u nh giao thông nông thôn, c p n c sinh ho t nông thôn, tr ng h c, tr m y t ; u t xây đ ng các công trình ê kè, thu lĩ nhĩ k t h p phòng ch ng và gi m nh thiên tai cho vùng nghèo, ng i nghèo; t ng c ng qu n lý tài nguyên r ng và các tài nguyên thiên nhiên khác m t cách b n v ng; t o vi c làm k t h p v i xoá ói gi m nghèo, nâng cao i s ng vùng nghèo, khó kh n; t ng c ng n ng l c cán b các c p nh t là c p huy n, xã và thôn b n.

- C n u tiên xây đ ng các đ án t ng h p phát triển kinh t xã h i nông thôn mi n núi g n v i công tác xoá ói gi m nghèo, gi i quy t vi c làm nh m phát huy hi u qu t ng h p, nâng cao i s ng dân c nông thôn m t cách ng u các vùng có đ án.

### 3.2.2. **nh hình thức thu hút và sử dụng ODA theo nhà tài trợ**

Các nhà tài trợ có chính sách, quy mô tài trợ khác nhau và thẩm quyền riêng trong việc cung cấp ODA cho Việt Nam. Vì vậy, các ngành các cấp cần có sự phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương khai thác tối đa thẩm quyền của từng nhà tài trợ thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn vay như sau:

- **Đối với các tổ chức phát triển như Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng tái thiết (KFW) cần thu hút và sử dụng ODA của các tổ chức này cho các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng đô thị, nông nghiệp, dự án xóa đói giảm nghèo, tăng cường năng lực con người.**

- **Đối với các nhà tài trợ song phương như: Anh, Canada, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Philippines, Trung Quốc... và các tổ chức đa phương như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Quỹ OPEC, Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Bắc Âu (NIB), Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Quỹ quốc tế phát triển nông nghiệp (IFAD) cần thu hút nguồn vốn ODA vào các lĩnh vực: Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội có quy mô nhỏ, khu vực nông thôn, miền núi, vùng nông bào dân tộc, giảm thiểu đói nghèo; hỗ trợ tăng cường năng lực con người; tham gia ngân tài trợ tăng quy mô và hiệu quả cho các dự án nhỏ, riêng lẻ; cung cấp hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt dự án, nâng cao năng lực quản lý và thực hiện ODA thúc đẩy giảm nghèo.**

### 3.2.3. **nh hình thức sử dụng các phương thức vay vốn**

Phương thức vay vốn rất đa dạng, vì vậy cần căn cứ vào quy mô, tính chất và hiệu quả áp dụng để lựa chọn một cách phù hợp và sử dụng ODA hiệu quả. Có 3 phương thức vay vốn chủ yếu sau:

- **Đối với vay vốn ODA không hoàn trả: Cần tập trung ưu tiên thu hút cho các công trình và dự án không có khả năng hoàn vốn, chủ yếu hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, nông dân nghèo có nhu cầu khó khăn.**

- **Đối với ODA hoàn trả thì là các khoản vay có lãi cao: Cần ưu tiên thu hút phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, như công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở thoát nước. Đối với các khoản vay lãi cao (lãi suất cao hơn, thời gian trả**

n và ảnh hưởng) cần sử dụng cho các chương trình, dự án có tính khả thi và hiệu quả kinh tế và có khả năng trả nợ như là tín dụng nông thôn, bê tông hoá kênh mương.

- Về việc ODA có phải ngân sách hay không: Do tính chất của chương trình này thu hút cho các lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo. Nên về việc các dự án loại này vẫn sử dụng ODA hoàn toàn và không hoàn toàn (trong đó có khoản nhà nước vay có phần cho thuê và có khoản thuê phần riêng ra làm thuê cho dân vay hoàn trả cho nhà tài trợ). Đây là chương trình quản lý vì vậy cần tập trung thu hút cho các dự án lớn, các dự án tổng hợp phát triển nông thôn, miền núi, ven biển.

#### **3.2.4. Hình thức tín dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA**

- Phần ưu đãi ngân sách là tín dụng ODA từ 70-75%.

- Các ngành, các cấp cần tham mưu cho UBND tỉnh để thực hiện kiên quyết theo hướng loại bỏ dần tình trạng khép kín trong xuất nhập khẩu, thực hiện chặt chẽ trong các khâu xuất nhập khẩu, vận chuyển lý do, tăng cường sử dụng vốn có lợi trong quá trình thực hiện dự án.

- Ủy ban công tác hàng đầu, kiểm tra giám sát trong tất cả các khâu của quá trình xuất nhập khẩu. Nâng cao vai trò của các tổ chức thanh tra trong việc thanh tra chuyên ngành và nâng cao trách nhiệm của các BQL dự án, vận chuyển vận. Mặt khác cần quy rõ trách nhiệm cá nhân, vận chuyển liên quan chặt chẽ công trình kiểm tra, thi công, thực hiện quy chế xuất nhập khẩu, vận chuyển kiểm tra giám sát công trình, hoàn thành công trình.

- Hàng năm các BQL dự án phải soát xét lại các công trình xây dựng có sự ưu tiên hay cắt giảm vốn hợp lý nhằm bố trí hiệu quả xuất nhập khẩu.

- Hàng năm cần rà soát vận chuyển cho các dự án ODA theo tiến độ và theo hình thức ký kết với nhà tài trợ thúc đẩy tín dụng ODA.

- Ủy ban tiến độ công tác chặt chẽ công tác chủ yếu xuất nhập khẩu các dự án ODA (tổng khâu nhập khẩu, thanh toán, và ra quy chế xuất nhập khẩu), nhằm sớm đưa các dự án vào hoạt động, cần nghiêm chỉnh bố trí khả thi và hiệu quả của các dự án xuất nhập khẩu trong quá trình hoạt động.

- Nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư, của các BQL dự án trong việc quản lý thi công hiện trường, chịu trách nhiệm trong quá trình thi công dự án nhất là phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, xác nhận từng mục dự án, tiến độ, chất lượng dự án, trong tổ chức mua sắm và lựa chọn nhà thầu. Nâng cao năng lực quản lý hiện trường của các BQL dự án, cần tổ chức theo hình thức chuyên nghiệp hoá, cần bố trí nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ dự án nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Ủy mnh công tác cải cách hành chính, công khai minh bạch trong tất cả các khâu của quá trình mua sắm và có sự quy định rõ trách nhiệm của các xã, ban, ngành, UBND các huyện, các chủ đầu tư trong việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt các dự án ODA. Ủy m bố hài hoà tất cả lợi ích của các dự án sử dụng vốn ODA. Tăng cường phân cấp cho các xã làm chủ đầu tư, việc phân cấp phải đi kèm với các điều kiện thực hiện phân cấp có hiệu quả.

### **3.3. Giám sát pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian sắp tới**

#### **3.3.1. Nhóm giám sát pháp và lãnh đạo, chỉ đạo**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước về quản lý và sử dụng ODA.

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành, các tổ chức công đoàn và chính quyền các cấp coi việc tích cực vận động, thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ODA và các khoản vay ưu đãi khác là một nhiệm vụ quan trọng, cần có thẩm quyền xuyên quan tâm chỉ đạo và theo dõi thực hiện, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này.

- Xác định rõ nguồn vốn ODA (bao gồm ODA không hoàn lại và ODA vay ưu đãi), các khoản vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ phải được xem là nguồn vốn ngân sách của Chính phủ cấp phát, hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vì vậy cần phải có năng lực quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn này.

- Tiếp tục ủy mnh công tác cải cách hành chính công trong lĩnh vực thu hút và sử dụng vốn ODA thông qua việc xây dựng và công khai quy trình vận hành và sử dụng vốn

ODA trên a bàn t nh, t o i u ki n thu n l i cho các ban ngành, a ph ãng trong tri n khai th c hi n các ch ãng trình, d ãn ODA trong l nh v c nông nghi p.

### **3.3.2. Nhóm gi i pháp v chính sách**

- Tri n khai Ch ãng trình hành ãng nâng cao hi u qu vi n tr t i t nh Qu ng Tr .
- T ãng c ãng qu n lý ngu n v n ODA theo quy ãnh c a Lu t Ngân sách.
- T ãng c ãng theo dõi, giám sát và ãnh giá các ch ãng trình và d ãn ODA: thi t l p trung tâm thông tin, d li u v các ch ãng trình, d ãn ODA ph c v cho công tác qu n lý, theo dõi, ãnh giá vi c s d ãng ngu n v n ODA t t i S K ho ch và u t . T ãng c ãng công tác giám sát c ãng ãng t o môi tr ãng thu n l i và khuy n khích c ãng ãng tham qua theo dõi, giám sát vi c u t và s d ãng ngu n v n ODA trong l nh v c nông nghi p.

- Ban hành k p th i các v n b n c a t nh liên quan ãn vi c i u ch nh ch l ãng, các ãnh m c chi tiêu ãm b o công b ãng, minh b ch gi a các d ãn ODA không hoàn l i và ODA vay n .

### **3.3.3. Nhóm gi i pháp v t ch c**

- Th ãng nh t m t u m i v qu n lý và s d ãng ODA c p t nh là S K ho ch và u t , là c quan tham m u t ãng h p cho UBND t nh trong vi c i u ph i, cân i, theo dõi, ãnh giá các ch ãng trình d ãn ODA trong l nh v c nông nghi p trên a bàn t nh.

- Ki n toàn, t ãng c ãng t ch c b máy làm công tác i ngo i và kinh t i ngo i trên a bàn t nh nh : S Ngo i v , S K ho ch và u t , H i Liên hi p H u ngh v i n c ngoài. S d ãng t t i ãng cán b ã c ào t o và có kinh nghi m; t o i u ki n cho cán b làm vi c kiêm nhi m m t s d ãn ODA trong l nh v c nông nghi p trau d i thêm nghi p v và tích lu ki n th c, kinh nghi m. B sung biên ch h p lý, ãm b o s l ãng và ch t l ãng cán b làm công tác kinh t i ngo i, ãp ãng yêu c u h i nh p kinh t qu c t ãng ngày càng cao.

- T ãng b c th c hi n t t các ch tr ãng phân c p c a Chính ph , t o i u ki n các c p và ãng i dân c bi t là khu v c kinh t t nhân c tham gia vào quá trình s d ãng và th c hi n các d ãn ODA trong l nh v c nông nghi p. T o i u ki n cho c p d i nâng cao n ãng l c i u hành, qu n lý và th c hi n d ãn; coi d ãn là c a

chính bản thân của họ để tự mình. Thực hiện phân cấp và ủy quyền theo điều kiện và năng lực thực tế của các cấp, kết hợp với tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

- Tăng cường tính chủ động của các ngành các huyện, thị trong việc xử lý các công trình dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với tính phù hợp và thị trường.

#### **3.3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực**

- Nâng cao trình độ hiểu biết của lãnh đạo và cán bộ quản lý và thực hiện các công trình và dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp về chính sách, quy trình và thủ tục của Việt Nam cũng như nhà tài trợ.

- Tăng cường năng lực trong việc xác định, xử lý, vận dụng dự án, xây dựng và triển khai dự án ODA cho đội ngũ cán bộ các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố, kết hợp nâng cao năng lực và ngoại ngữ và quản lý dự án.

- Nâng cao năng lực các Ban quản lý dự án.

#### **3.3.5. Giải pháp về tài chính**

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp cam kết. Mở rộng thành phần tiếp nhận dự án sang khu vực tư nhân.

- Bố trí kinh phí cho công tác vận động, kêu gọi vốn đầu tư ODA hàng năm khoảng 600 - 700 triệu đồng; Trong đó chi phí chủ yếu đầu tư, xây dựng dự án khoảng 450 - 500 triệu đồng và chi phí thù lao xuyên cấp qua Sở Kế hoạch và Đầu tư cho việc vận động tiếp, làm việc với nhà tài trợ, các Ban, ngành Trung ương khảo sát, đánh giá công tác chủ đầu tư dự án khoảng 150 - 200 triệu đồng.

- Dành kinh phí cho công tác tạo cơ chế, tiếp thu cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp làm công tác kinh tế - ngoại ngữ nâng cao khả năng chuyên môn nghiệp vụ quản lý sẵn sàng tham gia hoạt động kinh tế quốc tế.

- Cung cấp trang thiết bị và các phương tiện thu thập và xử lý thông tin kinh tế ngoại ngữ: thông tin về các nhà tài trợ; thông tin về cung cấp hàng hóa, thương mại, giá cả.

#### **3.3.6. Giải pháp thông tin, tuyên truyền khen thưởng ODA**

- Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chủ quản và các doanh nghiệp thực hiện có trách nhiệm cung cấp và có chế độ thông tin về các công trình, dự án ODA trong lĩnh vực nông nghiệp theo thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân các cấp.



- Duy trì và nâng cao chất lượng website của S-K ho ch và ut v ODA.
- Tăng cường thông tin tuyên truyền ra nước ngoài về ODA trong lĩnh vực nông nghiệp; tìm hiểu chỉ dẫn cách phát triển trong từng giai đoạn của từng nhà tài trợ.
- Có chế độ khen thưởng các tập thể, cá nhân trong, ngoài nước có thành tích xuất sắc, hiệu quả trong công tác vận động và thực hiện ODA.

### **3.3.7. Các giải pháp mang tính chiến lược**

- Làm tốt công tác liên lạc, ngoại giao, lãnh sự: Thể hiện phong cách làm việc khoa học, hiệu quả, nhiệt tình của người làm công tác ngoại giao; gây thiện cảm với các nhà tài trợ.
- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, nhất là sự phối hợp giữa Sở Ngoại vụ và S-K ho ch và ut trong việc tìm kiếm nhà tài trợ và tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế và đối tác.
- Nâng cao chất lượng nghiệp vụ quản lý, giám sát với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên các lĩnh vực xuất nhập khẩu, chứng từ, hải quan, hàng hóa.

## PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### ❖ KẾT LUẬN

Tài “Tình hình sử dụng vốn ODA trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” phản ánh tổng thể khách quan về tình hình sử dụng vốn ODA tại tỉnh Quảng Trị trong lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian qua và kiến nghị một số giải pháp và chính sách trong thời gian tới. Qua việc phân tích và đánh giá thực tiễn, kết hợp với phương pháp nghiên cứu. Tài liệu hoàn thành những nhiệm vụ sau:

1. Trình bày tóm tắt những lý thuyết chung về ODA: Khái niệm, hình thức, các loại hình; các tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn này; vai trò của nguồn vốn ODA đối với phát triển nông nghiệp.

2. Phân tích thực trạng tình hình sử dụng vốn ODA tại tỉnh Quảng Trị nói chung và ODA trong nông nghiệp nói riêng trong giai đoạn 2006-2012. Qua đó, đánh giá về vai trò to lớn của nguồn vốn ODA đối với những thành tựu mà ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đã đạt được như xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình thu lợi, giao thông nông thôn, nâng cấp nông thôn, xóa đói giảm nghèo, tăng cường hợp tác khoa học nông nghiệp, hoàn thiện thị trường, phát huy tiềm năng đất đai.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tài liệu cũng chỉ ra những tồn tại mà đang gặp phải trong quá trình sử dụng vốn ODA như: việc quy hoạch và phân bổ vốn ODA còn bất hợp lý, chưa có hệ thống văn bản pháp quy riêng biệt; công tác tổ chức, quản lý và điều hành dự án còn nhiều bất cập; năng lực và trình độ chuyên môn của các cán bộ còn nhiều hạn chế....

3. Tài liệu đánh giá về tác động của nguồn vốn ODA đến sự phát triển nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị và chỉ số năng lực dân qua việc sử dụng vốn, phân tích xử lý số liệu, kiểm định One sample T- test bằng phần mềm SPSS.

4. Trên cơ sở những kết quả phát triển nông nghiệp và những hạn chế của vốn ODA của UBND tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới, tài liệu đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết những tồn tại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA trong nông nghiệp. Qua đó, đề xuất các kiến nghị về việc S-K hoạch - xuất, S nông nghiệp - PTNN và các ban ngành có liên quan.

## ❖ KIẾN NGHỊ

### ✓ **Đề xuất các cơ quan ban ngành có thẩm quyền Quản lý Tr**

Trong tình hình sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhiều bất cập và hạn chế như vậy, tôi kiến nghị các cơ quan ban ngành có thẩm quyền Quản lý Tr trong thời gian tới nên tập trung khôi phục, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp một cách bền vững; phòng chống, giảm thiểu tác hại của thiên tai; khuyến khích và kiểm soát chặt chẽ đầu tư; khôi phục và phát triển chăn nuôi nhàn nhàn có hiệu quả và an toàn đầu tư; đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình quản lý, rà soát quản lý các lâm trường chuyên giao đất cho các địa phương quản lý, khai thác sản xuất; nâng cao năng lực ảnh hưởng thị trường và trung gian; tập trung phát triển ngành nghề nông thôn. Sản xuất, kinh doanh và nâng cao năng lực hoạt động của máy móc xúc tiến xuất. Rà soát, thu hồi quyền thuê đất, cho thuê đất hiện các dự án nông nghiệp địa phương hiện hành để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thực hiện tốt Chương trình hành động của UBND tỉnh về tăng cường công tác khuyến nông và mở rộng hợp tác quốc tế từ nay đến năm 2015, có tính đến năm 2020; chương trình xúc tiến, vận động, vận chuyển phi CP giai đoạn 2012- 2015 có tính đến năm 2020.

✓ *Đề xuất cán bộ quản lý trực tiếp các dự án, chương trình ODA trong lĩnh vực nông nghiệp*

Muốn thực hiện được các biện pháp trên, cần có một nguồn vốn lớn từ các nhà đầu tư, các ngân sách nhà nước và các nguồn vốn cho vay hoặc vốn từ không hoàn lại. Tin tưởng cho các nhà đầu tư thì cần sản xuất có hiệu quả. Các cán bộ quản lý, cần có các chính sách tăng cường năng lực quản lý dự án để vận hành các dự án xã hội một cách hiệu quả phân bổ vốn cho các xã, giảm trách nhiệm của chính quyền (Cấp xã) trong việc quản lý và quản lý sản xuất, duy trì, bảo đảm công trình sau đầu tư, khắc phục tình trạng vô trách nhiệm vận hành các công trình miễn phí. Tránh tình trạng tham nhũng, lợi dụng nguồn vốn, khắc phục tình trạng ODA là nguồn vốn cho không. Hiện nay, đây là món nợ dài hạn của quốc gia, thế hệ cha ông vay, thì 10 năm 20 năm sau con cháu ta phải trả. Chắc chắn nông nghiệp ảnh hưởng đến các Việt Nam hiện nay các khoản vốn này. Các dự án ODA đã đóng góp quan trọng

vào phát triển kinh tế - xã hội cá nhân, mục tiêu là xóa đói giảm nghèo; tuy nhiên do ngân sách tài chính hạn hẹp nên vị trí ưu tiên theo dõi các hình thức ký là rất khó khăn. Nên các cơ quan có trách nhiệm ngành TW quan tâm hỗ trợ vốn ưu tiên cho các dự án ODA trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm sớm thực hiện các dự án ODA theo các hình thức ký kết.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê, (năm 2010), “*Niên giám Quốc gia*”, Quốc gia.
2. Th.s H Tú Linh, giáo trình “*Kinh tế*”, Học kinh tế Huế, tài liệu lưu hành nội bộ.
3. Th.s Nguyễn Thị Tâm, “*Bài giảng kinh tế nông nghiệp*”, trường Đại học Nông Lâm Huế, tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Gia Minh (2006), “*Quy định quản lý vốn ODA, mặt tiền nóng trong kế hoạch Quốc gia khóa 11*”, Báo điện tử Vnexpress.net.
5. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 290/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006 phê duyệt dự án “nhập khẩu thu hút và sử dụng nguồn vốn để phát triển chính thức thị trường 2006 – 2010”*, Thủ tướng Chính phủ.
6. Đặng Công (2007), “*Thị trường vốn nhập khẩu có thể nhập khẩu như thế nào nên tiến hành các dự án ODA*”.
7. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, *Báo cáo tổng hợp “Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị năm 2020”*.
8. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, *Báo cáo “Thực hiện ODA qua các năm từ 2007 đến 2012”*.
9. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, *Báo cáo “Hợp tác phát triển giữa tỉnh Quảng Trị với các nhà tài trợ thị trường 1996-2013”*.
10. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị*.
11. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, dự án “*Rà soát, bổ sung nhập khẩu thu hút và sử dụng nguồn vốn để phát triển chính thức ODA giai đoạn 2010 – 2015*” của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.
12. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, dự án “*nhập khẩu thu hút và sử dụng nguồn vốn để phát triển chính thức thị trường 2006-2010*” của Chính phủ.
13. Kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị, “*Nghị định 38/2013/ND-CP “Về quản lý và sử dụng nguồn vốn để phát triển chính thức ODA và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ”*”.

14. Trang Web: [Http://www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn) Cổng thông tin internet Bộ Kế hoạch và Đầu tư
15. Trang Web: [Http://www.Quangtript.com.vn](http://www.Quangtript.com.vn)
16. <http://dpiquangtri.gov.vn/> Trang web sắc kế hoạch & đầu tư tỉnh Quảng Trị
17. <http://sonongnghiepvapnttquangtri.gov.vn/> Trang web sắc nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị

**PH L C**

## **PHỤ LỤC 1: GIỚI THÍCH MÔ TẢ THU TỪNG TRONG KHÓA LUẬN**

Theo Nghị định 131/2006/NĐ-CP Việt Nam có 4 cấp tham gia vào quá trình quản lý và thực hiện ngân vụ của ODA (Ban QLDA, Chủ đầu án, Cơ quan chủ quản, Cơ quan quản lý nhà nước về ODA). Các cấp này có chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể:

- Ban QLDA: Ngân vụ giúp việc cho Chủ đầu án trong việc quản lý thực hiện công trình, dự án ODA.

- Chủ đầu án: Là ngân vụ có giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng ngân vụ của ODA và ngân vụ của ngân hàng thực hiện công trình, dự án theo nội dung đã đề cập có thẩm quyền phê duyệt, và quản lý, sử dụng công trình sau khi công trình, dự án kết thúc.

- Cơ quan chủ quản: Là các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức nghiên cứu, các cơ quan trực thuộc Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có công trình, dự án.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về ODA: Giám đốc Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.



**PH L C 2: PHI U I U TRA**  
**TR NG IH C KINH T - IH C HU**  
**KHOA KINH T & PHÁT TRI N**



Phi u i u tra vai trò c a v n ODA i v i s phát tri n c a nông nghi p các  
a ph ng c a t nh Qu ng Tr

Kính th a Ông/Bà!

u tiên xin g i l i chào trân tr ng n quý Ông/Bà. Tôi là sinh viên tr ng i h c  
Kinh t Hu , ang nghi n c u tài “Tình hình s d ng v n ODA trong l nh v c nông  
nghi p trên a bàn t nh Qu ng Tr”. Ý ki n Ông/Bà là r t quan tr ng trong nghi n c u c a  
tôi. M c ích b ng h i c a tôi ch ph c v m c ích nghi n c u tài, không vì m c ích  
gì khác. Xin các quý Ông/Bà cho bi t ý ki n c a mình v các câu bình lu n i v i m t s  
v n v ngu n v n ODA c u t trên a bàn trong l nh v c nông nghi p n i Ông/Bà  
sinh s ng, b ng cách khoanh tròn vào con s thích h p:

6. Hoàn toàn ng ý
5. ng ý
4. Không rõ (Không bi t)
3. Không ng ý
4. Hoàn toàn không ng ý

C m n s quan tâm giúp c a quý Ông/Bà.

i. a ph ng ti n hành i u tra (huy n):

a ph ng Ông/Bà có ho t ng kinh t nào là ch y u

- |                     |                          |             |                          |
|---------------------|--------------------------|-------------|--------------------------|
| Nông nghi p         | <input type="checkbox"/> | Công nghi p | <input type="checkbox"/> |
| Ti u th Công nghi p | <input type="checkbox"/> | D ch v      | <input type="checkbox"/> |
| Khác                | <input type="checkbox"/> |             |                          |

ii. a ph ng Ông/Bà có nh n c s h tr c a ngu n v n ODA trong nông  
nghi p không?

- |       |                          |                    |
|-------|--------------------------|--------------------|
| Có    | <input type="checkbox"/> | Ti p t c ph ng v n |
| Không | <input type="checkbox"/> | D ng ph ng v n     |

T	Câu bình luận	Mức độ ý				
I	Nhấn nh chung					
1	Ngành nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị	1	2	3	4	5
2	Mục tiêu phát triển nông nghiệp, cần tranh thủ các nguồn vốn đầu tư bên ngoài, trong đó có nguồn vốn ODA	1	2	3	4	5
3	Nguồn vốn ODA có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển nông nghiệp của địa phương	1	2	3	4	5
4	Nguồn vốn ODA là một trong những chìa khóa phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	1	2	3	4	5
	Vai trò của ODA đối với sự phát triển nông nghiệp của địa phương					
II	Cơ sở hạ tầng					
5	Cơ sở hạ tầng nông thôn góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp	1	2	3	4	5
6	Các dự án ODA tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, phục vụ nông nghiệp	1	2	3	4	5
7	Các dự án ODA góp phần nâng cao phát triển thủy lợi, cơ giới hóa nông nghiệp địa phương	1	2	3	4	5
8	Cần thiết có vốn ODA góp phần phát triển nông nghiệp địa phương	1	2	3	4	5
III	Giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh					
9	Các dự án ODA có thể thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh	1	2	3	4	5
10	Các biện pháp giúp Ông/Bà nâng cao kiến thức về thiên tai, dịch bệnh	1	2	3	4	5
11	Ông/Bà thấy việc tham gia các biện pháp này là hữu ích	1	2	3	4	5
12	Ông/Bà sẽ tham gia các biện pháp như thế này nếu có	1	2	3	4	5
IV	Chỉ thị trình bày của các nhà quản lý, người dân					

13	Các d án ODA có t ch c các bu i t p hu n giúp nông dân có các ki n th c v ch m sóc, nuôi tr ng cây con các lo i	1	2	3	4	5
14	Các bu i t p hu n này giúp Ông/Bà thay i ph ng th c t p quán nuôi tr ng, ch m sóc cây con các lo i	1	2	3	4	5
15	Vi c thay i ph ng th c t p quán nuôi tr ng, ch m sóc cây con giúp Ông/Bà t ng n ng su t cây tr ng và v t nuôi	1	2	3	4	5
16	Ch t l ng c a các bu i t p hu n này là r t t t, Ông/Bà s t i p t c tham gia các bu i t p hu n này n u có	1	2	3	4	5
V	Thu nh p c a ng i nông dân					
17	Thu nh p c a gia ình Ông/Bà c t ng lên áng k khi c h ng l i t hi u qu c a các d án ODA trên a bàn	1	2	3	4	5
18	Ông/Bà có nh n c các kho n vay hay vi n tr b ng hi n v t t các d án ODA	1	2	3	4	5
19	Nh ng kho n vay này giúp Ông/Bà u t phát tri n kinh t h gia ình	1	2	3	4	5
20	ODA góp ph n xóa ói gi m nghèo a ph ng	1	2	3	4	5
VI	M r ng vùng th tr ng tiêu th hàng hóa nông s n					
21	Các d án ODA trên a bàn có ti n hành s a sang, xây m i các a i m trao i mua bán ho c t o m i liên k t gi a nông dân và các t ch c, n v thu gom hàng hóa nông s n	1	2	3	4	5
22	Ông/Bà th ng xuyên n các a i m này trao i hàng hóa nông s n do mình làm ra	1	2	3	4	5
23	Các công trình này giúp cho vi c trao i buôn bán hàng hóa tr nên d dàng	1	2	3	4	5
24	Các công trình này có áp ng nhu c u tiêu th hàng hóa nông s n c a ng i dân	1	2	3	4	5
VII	Chuy n giao công ngh , a gi ng cây con vào s n					

	xu t					
25	Các ngu n v n ODA góp ph n chuy n giao thi t b công ngh , k thu t ch m sóc cây tr ng v t nuôi m t cách khoa h c vào s n xu t nông nghi p	1	2	3	4	5
26	ODA h tr a gi ng cây tr ng v t nuôi t n ng su t cao, phù h p v i th nh ng, khí h u c a a ph ng	1	2	3	4	5
27	Vi c ng d ng các khoa h c, k thu t m i này góp ph n hi n i hóa nông nghi p a ph ng	1	2	3	4	5
VIII	M t s câu h i dành cho các nhà qu n lý c p xã, huy n, t nh tham gia qu n lý d án					
28	Trình qu n lý các d án ODA c a ông bà c nâng cao khi tham gia các h i th o, h i ngh h tr k thu t c t ch c trong khuôn kh d án.	1	2	3	4	5
29	Ng i dân tham gia t t qu n lý trong quá trình tri n khai các ho t ng c a d án ODA	1	2	3	4	5
30	Các d án ODA có tác ng tích c c n phát tri n nông nghi p a ph ng	1	2	3	4	5
31	Các d án ODA có tác ng tiêu c c n nông nghi p a ph ng	1	2	3	4	5
32	D án ODA ã óng góp n vi c t các m c tiêu dài h n c a a ph ng	1	2	3	4	5
33	ODA có tác ng t o công an vi c làm, xoá ói gi m nghèo t i a ph ng, t ng c ng s tham gia c a ng i dân, nâng cao n ng l c i tác, h tr k thu t	1	2	3	4	5
34	Ng i dân a ph ng có ti p t c các ho t ng u t sau khi các d án ODA k t thúc (th hi n tính b n v ng c a d án)	1	2	3	4	5
35	Các ch ng trình có tác ng trong vi c thay i các chính sách phát tri n nông nghi p t i a ph ng	1	2	3	4	5
36	a ph ng có t c các m c tiêu ra khi	1	2	3	4	5

	ch  ng trình d  án ODA k t thúc					
37	ODA là m t ngu n l c quan tr ng  phát tri n nông nghỉ p t i  a ph  ng, nên ti n hành thu hút các ngu n v n ODA và s  d ng v n ODA có hi u qu phát tri n nông nghỉ p	1	2	3	4	5
	K t lu n chung					
38	Ông/Bà có g p nhi u khó kh n khi ti p c n các ngu n v n c a ODA	1	2	3	4	5
39	Các h tr c a ngu n v n ODA là thi t th c v i bà con nông dân	1	2	3	4	5
40	Các h tr ODA phân b không ng  u gây b t bình  ng gi a các nông h	1	2	3	4	5
41	Nên có ngu n v n ODA  phát tri n nông nghỉ p a ph  ng	1	2	3	4	5

Xin Ông/Bà vui lòng cho bi t m t s thông tin cá nhân:

H tên:..... Tu i

Gi i tính:  Nam  N

Ngh nghỉ p:.....

Trình :.....

PH L C 3: K T Q U X LÝ SPSS

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA co to chuc cac buoi tap huan giam thieu rui ro do thien tai, dich hoa	1.718	93	.089	.191	-.03	.41
Cac buoi tap huan nay giup Ong/ba nang cac ky nang doi pho voi thien tai, dich benh	-1.849	93	.068	-.213	-.44	.02
Ong/Ba thay viec tham gia cac buoi tap huan nay la huu ich	1.457	93	.148	.170	-.06	.40
Ong ba se tham gia cac buoi tap huan nhu the nay nua neu co	-1.479	93	.143	-.191	-.45	.07

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Co so ha tang nong thon gop phan dap ung nhu cau phat trien nong nghiep	-.360	93	.719	-.043	-.28	.19
Cac du an ODA tien hanh xay dung co so ha tang, giao thong nong thon, phuc vu nong nghiep	-.614	93	.541	-.074	-.32	.17
Cac du an ODA gop phan dang ke phuc vu thuy loi, co gioi hoa nong nghiep dia phuong	-1.803	93	.075	-.191	-.40	.02
Can thiet co von ODA de phat trien nong nghiep dia phuong	1.718	93	.089	.191	-.03	.41

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA co to chuc cac buoi tap huan giam thieu rui ro do thien tai, dich hoa	1.718	93	.089	.191	-.03	.41
Cac buoi tap huan nay giup Ong/ba nang cao ky nang doi pho voi thien tai, dich benh	-1.849	93	.068	-.213	-.44	.02
Ong/Ba thay viec tham gia cac buoi tap huan nay la huu ich	1.457	93	.148	.170	-.06	.40
Ong ba se tham gia cac buoi tap huan nhu the nay nua neu co	-1.479	93	.143	-.191	-.45	.07



One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA co to chuc cac buoi tap huan giup nong dan co kien thuc ve cham soc, nuoi trong cay con cac loai	.844	93	.401	.106	-.14	.36
Cac buoi tap huan nay giup Ong/Ba thay doi phuong thuc tap quan nuoi trong, cham soc cay con cac loai	.413	93	.680	.053	-.20	.31
Viec thay doi phuong thuc tap quan nuoi trong, cham soc cay con giup ong ba tang nang suat cay trong vat nuoi	1.764	93	.081	.181	-.02	.38

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA co to chuc cac buoi tap huan giúp nông dân có kiến thức về chăm sóc, nuôi trồng cây con các loại	.844	93	.401	.106	-.14	.36
Cac buoi tap huan nay giúp Ông/Bà thay đổi phương thức tap quan nuôi trồng, chăm sóc cây con các loại	.413	93	.680	.053	-.20	.31
Viec thay đổi phương thức tap quan nuôi trồng, chăm sóc cây con giúp ông bà tăng năng suất cây trồng vật nuôi	1.764	93	.081	.181	-.02	.38
Chat lượng các buoi tap huan nay là rất tốt. Ông Bà sẽ tham gia các buoi tap huan như thế này nếu có	.876	93	.383	.106	-.13	.35

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Thu nhap cua gia dinh Ong/Ba duoc tang len dang ke khi duoc huong loi tu hieu qua cua cac du an ODA tren dia ban	.185	93	.854	.021	-.21	.25
Ong ba co nhan duoc cac khoan vay hay vien tro bang hien vat tu cac du an ODA	-1.500	93	.137	-.234	-.54	.08
Nhung khoan vay nay giup ong ba dau tu phat trien kinh te ho gia dinh	-1.746	93	.084	-.213	-.45	.03
ODA gop phan xoa doi giam ngheo o dia phuong	.746	93	.458	.096	-.16	.35

### One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA tren dia ban co tien hanh sua sang, xay dung moi cac dia diem trao doi mua ban hoac tao moi lien ket giua nong dan va cac don vi to chuc thu gom hang hoa nong san	-.245	93	.807	-.032	-.29	.23
Ong/Ba thuong xuyen den cac dia diem nay de trao doi, mau ban hang hoa nong san do minh lam ra	-1.920	93	.058	-.223	-.45	.01
Cac cong trinh nay giup cho viec trao doi mua ban hang hoa tro nen de dang	-1.320	93	.190	-.170	-.43	.09

One-Sample Test

	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac du an ODA tren dia ban co tien hanh sua sang, xay dung moi cac dia diem trao doi mua ban hoac tao moi lien ket giua nong dan va cac don vi to chuc thu gom hang hoa nong san	-0.245	93	.807	-.032	-.29	.23
Ong/Ba thuong xuyen den cac dia diem nay de trao doi, mau ban hang hoa nong san do minh lam ra	-1.920	93	.058	-.223	-.45	.01
Cac cong trinh nay giup cho viec trao doi mua ban hang hoa tro nen de dang	-1.320	93	.190	-.170	-.43	.09
Cac cong trinh nay co dap ung nhu cau tieu thu nong san hang hoa cua nguoi dan	-1.958	93	.053	-.234	-.47	.00

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Trình độ quản lý dự án ODA của ông bà được nâng cao khi tham gia các hội thảo, hội nghị hỗ trợ kỹ thuật được tổ chức trong khuôn khổ dự án	10	4.70	.483	.153
Người dân tham gia tốt quản lý trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án ODA	10	4.80	.422	.133
Các dự án ODA có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp của địa phương	10	4.90	.316	.100
Các dự án ODA có tác động tiêu cực đến sự phát triển của nông nghiệp địa phương	10	4.10	1.449	.458
Dự án ODA đã đóng góp đến việc đạt các mục tiêu dài hạn của địa phương	10	4.80	.422	.133
ODA có tác động tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo tại địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao năng lực đối tác, hỗ trợ kỹ thuật	10	4.70	.483	.153
Người dân địa phương có tiếp tục các hoạt động đầu tư sau khi các dự án ODA kết thúc	10	4.80	.422	.133
Các chương trình có tác động trong việc thay đổi các chính sách phát triển nông nghiệp địa phương	10	4.70	.483	.153
Địa phương có đạt được các mục tiêu đề ra khi chương trình dự án ODA kết thúc	10	4.70	.483	.153

One-Sample Statistics

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Trình độ quản lý dự án ODA của ông bà được nâng cao khi tham gia các hội thảo, hội nghị hỗ trợ kỹ thuật được tổ chức trong khuôn khổ dự án	10	4.70	.483	.153
Người dân tham gia tốt quản lý trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án ODA	10	4.80	.422	.133
Các dự án ODA có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp của địa phương	10	4.90	.316	.100
Các dự án ODA có tác động tiêu cực đến sự phát triển của nông nghiệp địa phương	10	4.10	1.449	.458
Dự án ODA đã đóng góp đến việc đạt các mục tiêu dài hạn của địa phương	10	4.80	.422	.133
ODA có tác động tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo tại địa phương, tăng cường sự tham gia của người dân, nâng cao năng lực đối tác, hỗ trợ kỹ thuật	10	4.70	.483	.153
Người dân địa phương có tiếp tục các hoạt động đầu tư sau khi các dự án ODA kết thúc	10	4.80	.422	.133
Các chương trình có tác động trong việc thay đổi các chính sách phát triển nông nghiệp địa phương	10	4.70	.483	.153
Địa phương có đạt được các mục tiêu đề ra khi chương trình dự án ODA kết thúc	10	4.70	.483	.153
ODA là nguồn lực quan trọng để phát triển nông nghiệp tại địa phương, nên tiến hành thu hút các nguồn vốn ODA và sử dụng vốn ODA có hiệu quả để phát triển nông nghiệp	10	4.80	.422	.133

One-Sample Test

	Test Value = 1					
	t	Df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Cac du an ODA co tac dong tieu cuc den su phat trien cua nong nghiep dia phuong	1.500	9	.168	.200	-.10	.50

One-Sample Test

	Test Value = 1					
	t	Df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Cac du an ODA co tac dong tieu cuc den su phat trien cua nong nghiep dia phuong	1.500	9	.168	.200	-.10	.50



One-Sample Test

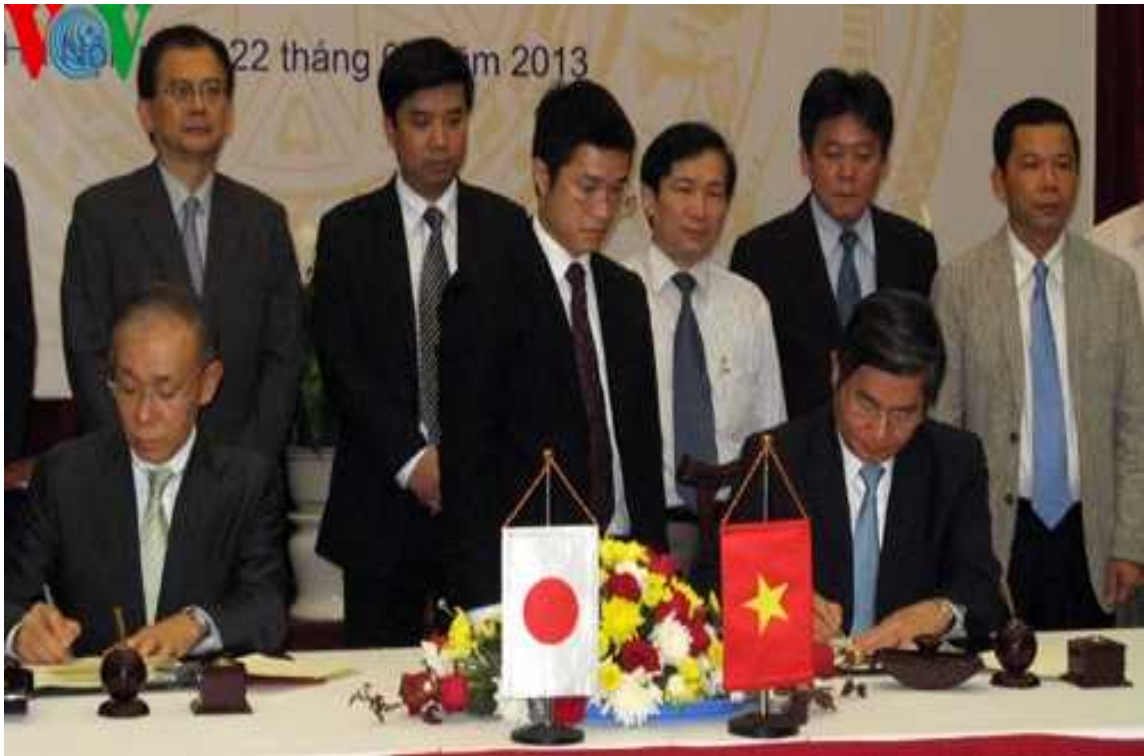
	Test Value = 4					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	Df	Sig. (2- tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Cac ho tro cua ODA la thiet thuc voi ba con nong dan	1.643	93	.104	.181	-.04	.40
Nen co nguon von ODA de phat trien nong nghiep dia phuong	1.282	93	.203	.149	-.08	.38

One-Sample Test

	Test Value = 5					
					95% Confidence Interval of the Difference	
	t	df	Sig. (2- tailed)	Mean Difference	Lower	Upper
Trình độ quản lý dự án ODA của ông bà được nâng cao khi tham gia các hội thảo, hội nghị hỗ trợ kỹ thuật được tổ chức trong khuôn khổ dự án	-1.964	9	.081	-.300	-.65	.05
Người dân tham gia tốt quản lý trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án ODA	-1.500	9	.168	-.200	-.50	.10
Các dự án ODA có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp của địa phương	-1.000	9	.343	-.100	-.33	.13
Dự án ODA đã đóng góp đến việc đạt các mục tiêu dài hạn của địa phương	-1.500	9	.168	-.200	-.50	.10

ODA co tac dong tao cong an viec lam, xoa doi giam ngheo tai dia phuong, tang cuong su tham gia cua nguoi dan, nang cao nang luc doi tac, ho tro ky thuat	-1.964	9	.081	-.300	-.65	.05
Nguoi dan dia phuong co tiep tục cac hoat dong dau tu sau khi cac du an ODA ket thuc	-1.500	9	.168	-.200	-.50	.10
Cac chuong trinh co tac dong trong viec thay doi cac chinh sach phat trien nong nghiep dia phuong	-1.964	9	.081	-.300	-.65	.05
Dia phuong co dat duoc cac muc tieu de ra khi chuong trinh du an ODA ket thuc	-1.964	9	.081	-.300	-.65	.05
ODA la nguon luc quan trong de phat trien nong nghiep tai dia phuong, nen tien hanh thu hut cac nguon von ODa va su dug von ODA co hieu qua de phat trien nong nghiep	-1.500	9	.168	-.200	-.50	.10

**PH L C 4: M T S NH C A D ÁN ODA TRONG  
NÔNG NGHIỆP TRÊN A BÀN T NH QU NG TR**



*Hình 1: Việt Nam - Nhật Bản ký kết công hàm trao đổi khoản ODA năm 2013*



*Hình 2: Một buổi tập huấn kỹ thuật cho các cán bộ công nhân viên trong khuôn khổ dự án  
“Chia sẻ 2” trên địa bàn huyện Gio Linh*



*Hình 3: Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên các cánh đồng huyện Vĩnh Linh*



*Hình 4: Bà con nông dân huyện Gio Linh gieo ngô lai vào sản xuất*



*Hình 5: Chăn nuôi gia cầm theo mô hình trang trại*



*Hình 6: Chăm sóc phát triển và nhân tiêu tại huyện Vĩnh Linh – Quảng Trị*



Hình 7: Mô hình chăn nuôi bò thịt huyện Hòa-Quang Tr



Hình 8: Dự án xây dựng hệ thống kênh mương, tưới tiêu nước cho nông dân huyện Hòa-Quang Tr



*Hình 9: Nông dân t ng thu nh p nh cây cao su trên a bàn huy n V nh Linh- Qu ng Tr*



*Hình 10: Phát tri n ch n nuôi l n th t t i các h gia ình trên a bàn t nh Qu ng Tr*